



NGUYỄN HỮU ĐĨNH (Tổng Chủ biên) - PHAN THANH HÀ (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ THU HẰNG - NGUYỄN HỒNG LIÊN

Cựu nhiên và Xã hội 1

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

NGUYỄN HỮU ĐĨNH (Tổng Chủ biên) - PHAN THANH HÀ (Chủ biên)
NGUYỄN THỊ THU HẰNG - NGUYỄN HỒNG LIÊN

Cựu nhiên và Xã hội 1

SÁCH GIÁO VIÊN



NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM



Mục lục

	Trang
Phần một. Giới thiệu chung về môn Tự nhiên và Xã hội 1	3
Phần hai. Hướng dẫn tổ chức hoạt động học Tự nhiên và Xã hội 1	8
CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH	8
Bài 1. Gia đình của em	10
Bài 2. Gia đình vui vẻ	13
Bài 3. Nơi gia đình chung sống	16
Bài 4. An toàn khi ở nhà	19
Bài 5. Ôn tập chủ đề Gia đình	22
CHỦ ĐỀ TRƯỜNG HỌC	25
Bài 6. Trường học của chúng mình	27
Bài 7. Thành viên trong trường học	30
Bài 8. Lớp học của chúng mình	33
Bài 9. Hoạt động khi đến lớp	36
Bài 10. Ôn tập chủ đề Trường học	39
CHỦ ĐỀ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	42
Bài 11. Nơi chúng mình sống	44
Bài 12. Người dân trong cộng đồng	47
Bài 13. An toàn trên đường đi	50
Bài 14. Tết và lễ hội năm mới	53
Bài 15. Ôn tập chủ đề Cộng đồng địa phương	56

	Trang
CHỦ ĐỀ THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	59
Bài 16. Cây và con vật quanh ta	61
Bài 17. Các bộ phận của cây	64
Bài 18. Các bộ phận của con vật	67
Bài 19. Cây và con vật đối với con người	70
Bài 20. Chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi	74
Bài 21. Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật	77
CHỦ ĐỀ CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ	80
Bài 22. Cơ thể của em	82
Bài 23. Giữ vệ sinh cơ thể	85
Bài 24. Các giác quan của cơ thể	88
Bài 25. Bảo vệ các giác quan	91
Bài 26. Chăm sóc cơ thể khoẻ mạnh	94
Bài 27. Bảo vệ cơ thể an toàn	97
Bài 28. Ôn tập chủ đề Con người và sức khoẻ	100
CHỦ ĐỀ TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI	103
Bài 29. Bầu trời ban ngày và ban đêm	105
Bài 30. Thời tiết	108
Bài 31. Thực hành quan sát bầu trời	111
Bài 32. Ôn tập chủ đề Trái Đất và bầu trời	114

Phần một

Giới thiệu chung về môn Tự nhiên và Xã hội 1

I. MỤC TIÊU DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1

Dạy học môn Tự nhiên và Xã hội nhằm giúp học sinh (HS) đạt được các mục tiêu chủ yếu sau:

1. Hình thành và phát triển tinh yêu con người, thiên nhiên; đức tính chăm chỉ; ý thức bảo vệ sức khoẻ của bản thân, gia đình, cộng đồng; ý thức tiết kiệm, giữ gìn, bảo vệ tài sản; tinh thần trách nhiệm với môi trường sống.
2. Góp phần hình thành và phát triển năng lực khoa học, theo yêu cầu cần đạt gồm các thành phần năng lực sau:

a) Nhận thức khoa học

- Nêu, nhận biết được ở mức độ đơn giản một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ thường gặp trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh như sức khoẻ và sự an toàn trong cuộc sống, mối quan hệ của HS với gia đình, nhà trường, cộng đồng và thế giới tự nhiên,...
- Mô tả được một số sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội xung quanh bằng các hình thức biểu đạt như nói, viết, vẽ,...
- Trình bày được một số đặc điểm, vai trò của những sự vật, hiện tượng thường gặp trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh.
- So sánh, lựa chọn, phân loại được các sự vật, hiện tượng đơn giản trong tự nhiên và xã hội theo một số tiêu chí.

b) Tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh

- Đặt được các câu hỏi đơn giản về một số sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh.

- Quan sát, thực hành đơn giản để tìm hiểu được về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội xung quanh.
- Nhận xét được về những đặc điểm bên ngoài, so sánh sự giống, khác nhau giữa các sự vật, hiện tượng xung quanh và sự thay đổi của chúng theo thời gian một cách đơn giản thông qua kết quả quan sát, thực hành.

c) Vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học

- Giải thích được ở mức độ đơn giản một số hiện tượng và mối quan hệ trong tự nhiên và xã hội.
- Phân tích được tình huống liên quan đến vấn đề an toàn, sức khoẻ của bản thân, người khác và môi trường sống xung quanh.
- Giải quyết được vấn đề, đưa ra được cách ứng xử phù hợp trong các tình huống có liên quan (ở mức độ đơn giản); trao đổi, chia sẻ với những người xung quanh để cùng thực hiện; nhận xét được cách ứng xử trong mỗi tình huống.
- 3. Cùng với các môn học và hoạt động giáo dục khác góp phần hình thành, phát triển ở HS phẩm chất chủ yếu và năng lực chung.

II. CHƯƠNG TRÌNH MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1

1. Môn Tự nhiên và Xã hội 1 gồm 6 chủ đề: Gia đình, Trường học, Cộng đồng địa phương, Thực vật và động vật, Con người và sức khoẻ, Trái Đất và bầu trời. Thời lượng thực hiện chương trình là 70 tiết/năm học, được dạy trong 35 tuần.

2. Nội dung cụ thể và yêu cầu cần đạt trong mỗi chủ đề

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
CHỦ ĐỀ GIA ĐÌNH	
Thành viên và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình.	<ul style="list-style-type: none"> Giới thiệu được bản thân và các thành viên trong gia đình. Nêu được ví dụ về những công việc mà các thành viên trong gia đình cùng nhau làm việc nhà hay cùng nhau nghỉ ngơi, vui chơi. Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với các thành viên trong gia đình.
Nhà ở, đồ dùng trong nhà; sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà.	<ul style="list-style-type: none"> Nêu được địa chỉ nơi gia đình đang ở. Nêu được một số đặc điểm của ngôi nhà hoặc căn hộ nơi gia đình đang ở, các phòng trong ngôi nhà hoặc căn hộ và một số đặc điểm xung quanh nơi ở. Đặt được câu hỏi để tìm hiểu về một số đồ dùng, thiết bị trong gia đình. Chỉ ra hoặc nêu được tên đồ dùng, thiết bị trong nhà nếu sử dụng không cẩn thận có thể làm bẩn thân hoặc người khác gặp nguy hiểm. Nêu được cách sử dụng an toàn một số đồ dùng trong gia đình và lựa chọn được cách xử lý tình huống khi bản thân hoặc người nhà có nguy cơ bị thương hoặc đã bị thương do sử dụng một số đồ dùng không cẩn thận.
Sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp.	<ul style="list-style-type: none"> Nêu được sự cần thiết phải sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp. Làm được một số việc phù hợp để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.
CHỦ ĐỀ TRƯỜNG HỌC	
Cơ sở vật chất của lớp học và trường học.	<ul style="list-style-type: none"> Nói được tên trường, địa chỉ của trường, tên lớp học. Xác định được vị trí của lớp học, các phòng chức năng, một số khu vực khác của nhà trường như sân chơi, bãi tập, vườn trường, khu vệ sinh,... Kể được tên một số đồ dùng, thiết bị có trong lớp học. Thực hiện được việc giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách các đồ dùng, thiết bị của lớp học và trường học.
Các thành viên và nhiệm vụ của một số thành viên trong lớp học, trường học.	<ul style="list-style-type: none"> Xác định được các thành viên trong lớp học, trường học và nhiệm vụ của một số thành viên. Thể hiện được tình cảm và cách ứng xử phù hợp với bạn bè, giáo viên và các thành viên khác trong nhà trường.
Hoạt động chính của học sinh ở lớp học và trường học.	<ul style="list-style-type: none"> Kể được tên các hoạt động chính trong lớp học và trường học; nêu được cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động đó.
An toàn khi vui chơi ở trường và giữ lớp học sạch, đẹp.	<ul style="list-style-type: none"> Nói được về hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ; biết lựa chọn và chơi những trò chơi an toàn. Làm được những việc phù hợp để giữ lớp học sạch, đẹp.
CHỦ ĐỀ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG	
Quang cảnh làng xóm, đường phố.	<ul style="list-style-type: none"> Giới thiệu được một cách đơn giản về quang cảnh làng xóm, đường phố qua quan sát thực tế, tranh ảnh hoặc video. Bày tỏ được sự gắn bó, tình cảm của bản thân với làng xóm hoặc khu phố của mình.
Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng.	<ul style="list-style-type: none"> Nêu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và đóng góp của công việc đó cho xã hội qua quan sát thực tế, tranh ảnh hoặc video. Nhận biết được bất kì công việc nào đem lại lợi ích cho cộng đồng đều đáng quý. Nêu được một số việc HS có thể làm để đóng góp cho cộng đồng địa phương. Giới thiệu được tên, thời gian diễn ra một lễ hội truyền thống có sự tham gia của HS, gia đình và người dân trong cộng đồng. Kể được một số công việc của các thành viên trong gia đình và người dân cho lễ hội đó. Nêu được cảm xúc khi tham gia lễ hội đó.

Nội dung	Yêu cầu cần đạt
An toàn trên đường.	<ul style="list-style-type: none"> Nhận biết được một số tình huống nguy hiểm, các rủi ro có thể xảy ra trên đường và nêu được cách phòng tránh thông qua quan sát thực tế, tranh ảnh hoặc video. Nói được tên và ý nghĩa của một số biển báo và đèn hiệu giao thông. Thực hành đi bộ qua đường theo sơ đồ: đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông; đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông.
CHỦ ĐỀ THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT	
Thực vật và động vật xung quanh.	<ul style="list-style-type: none"> Nêu tên và đặt được câu hỏi để tìm hiểu về một số đặc điểm bên ngoài nổi bật của cây và con vật thường gặp. Vẽ hoặc sử dụng được sơ đồ có sẵn để chỉ và nói (hoặc viết) được tên các bộ phận bên ngoài của một số cây và con vật. Phân biệt được một số cây theo nhu cầu sử dụng của con người (cây cho bóng mát, cây cho quả, cây cho hoa,...). Phân biệt được một số con vật theo ích lợi hoặc gây hại của chúng đối với con người.
Chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi.	<ul style="list-style-type: none"> Nêu được việc làm phù hợp để chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi. Làm được một số việc phù hợp để chăm sóc, bảo vệ cây trồng ở trường hoặc ở nhà và đối xử tốt với vật nuôi. Có ý thức giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với một số cây, con vật và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.
CHỦ ĐỀ CON NGƯỜI VÀ SỨC KHỎE	
Các bộ phận bên ngoài và giác quan của cơ thể.	<ul style="list-style-type: none"> Xác định được tên, hoạt động các bộ phận bên ngoài của cơ thể; phân biệt được con trai và con gái. Nêu được tên, chức năng của các giác quan. Giải thích được ở mức độ đơn giản tại sao cần phải bảo vệ các giác quan. Thực hiện được việc làm để bảo vệ các giác quan trong cuộc sống hằng ngày, đặc biệt biết cách phòng tránh cận thị học đường.
Giữ cho cơ thể khỏe mạnh và an toàn.	<ul style="list-style-type: none"> Nêu được những việc cần làm để vệ sinh cơ thể và ích lợi của việc làm đó; thực hiện đúng các quy tắc vệ sinh cơ thể; tự đánh giá được việc thực hiện vệ sinh cơ thể. Nêu được số bữa cần ăn trong ngày và tên một số thức ăn, đồ uống giúp cho cơ thể khỏe mạnh và an toàn qua quan sát tranh ảnh, video; tự nhận xét được thói quen ăn uống của bản thân. Xác định được các hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khỏe qua quan sát tranh ảnh và video; liên hệ với những hoạt động hằng ngày của bản thân và đưa ra được hoạt động nào cần dành nhiều thời gian để giúp cơ thể khỏe mạnh. Nhận biết được những vùng riêng tư của cơ thể cần được bảo vệ. Thực hành nói không và tránh xa người có hành vi động chạm hay đe doạ đến sự an toàn của bản thân. Thực hành nói với người lớn tin cậy để được giúp đỡ khi cần.
CHỦ ĐỀ TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI	
Bầu trời ban ngày, ban đêm.	<ul style="list-style-type: none"> Mô tả được bầu trời ban ngày và ban đêm qua quan sát thực tế, tranh ảnh hoặc video. So sánh được ở mức độ đơn giản bầu trời ban ngày và ban đêm; bầu trời ban đêm vào các ngày khác nhau (nhìn thấy hay không nhìn thấy Mặt Trăng và các vì sao). Nêu được ví dụ về vai trò của Mặt Trời đối với Trái Đất (sưởi ấm và chiếu sáng). Có ý thức bảo vệ mắt, không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.
Thời tiết.	<ul style="list-style-type: none"> Mô tả được một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió,... ở mức độ đơn giản. Nêu được sự cần thiết phải theo dõi dự báo thời tiết hằng ngày. Thực hiện được việc sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh để giữ cho cơ thể khỏe mạnh.

III. SÁCH GIÁO KHOA VÀ TÀI LIỆU BỔ TRỢ MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1

1. Sách giáo khoa

a) *Phân chia nội dung*

Sách giáo khoa (SGK) phân chia nội dung 6 chủ đề trong Chương trình môn Tự nhiên và Xã hội như sau: Chủ đề Gia đình: 5 bài; Chủ đề Trường học: 5 bài; Chủ đề Cộng đồng địa phương: 5 bài; Chủ đề Thực vật và động vật: 6 bài; Chủ đề Con người và sức khoẻ: 7 bài; Chủ đề Trái Đất và bầu trời: 4 bài.

Ở mỗi chủ đề, mở đầu là trang chủ đề, tiếp theo là các bài học, kết thúc là bài ôn tập, kiểm tra, đánh giá sau mỗi chủ đề. Thời lượng cho mỗi bài thường là 2 tiết học.

b) *Trang chủ đề*

Trang chủ đề gồm ba phần: Tên chủ đề; Nội dung chính của chủ đề; Một số hình ảnh đại diện cho các nội dung, hoạt động có trong chủ đề. Mục đích để kích thích sự hứng thú, tò mò muốn tìm hiểu các nội dung trong chủ đề của học sinh (HS).

c) *Các bài học:* Có ba dạng bài.

- *Dạng bài học hình thành kiến thức mới:* Dạng bài này chiếm chủ yếu trong SGK Tự nhiên và Xã hội 1. Mỗi bài gồm 3 hoặc 4 loại hoạt động: Hoạt động khởi động, hoạt động khám phá, hoạt động luyện tập, hoạt động vận dụng. Tuỳ điều kiện cụ thể, các dạng bài này có thể được thực hiện trong khuôn khổ lớp học hoặc trải nghiệm ngoài lớp học. Khi tổ chức học trải nghiệm ngoài lớp học, giáo viên (GV) cần lưu ý HS: chuẩn bị đồ dùng học tập, giữ an toàn, có ý thức bảo vệ môi trường.
- *Dạng bài tập thực hành quan sát:* Dạng bài này chiếm phần rất nhỏ trong SGK Tự nhiên và Xã hội 1. Cấu trúc gồm ba phần: hoạt động chuẩn bị, hoạt động thực hành quan sát, hoạt động báo cáo sản phẩm.
- *Dạng bài ôn tập, đánh giá cuối chủ đề:* Dạng bài này chiếm khoảng 1/5 tổng số bài của môn Tự nhiên và Xã hội 1. Mỗi bài gồm ba phần: Hệ thống hoá kiến thức và giới thiệu sản phẩm HS làm được trong chủ đề; Giải quyết vấn đề qua xử lí tình huống; Tự đánh giá việc đã thực hiện.

2. Sách giáo viên Tự nhiên và Xã hội 1

a) *Phần một. Giới thiệu chung về Tự nhiên và Xã hội 1.* Phần này gồm 5 mục lớn từ I đến V (các trang 3 - 7).

b) *Phần hai. Hướng dẫn tổ chức hoạt động học Tự nhiên và Xã hội 1.*

Phần này hướng dẫn từng bài theo 6 chủ đề, mỗi chủ đề bao gồm:

- *Trang chủ đề thể hiện:* Tên; Thời gian; Tuần; Thời lượng; Mục tiêu; Năng lực hướng tới; Thuật ngữ; Tư liệu dạy học; Kế hoạch dạy học (của chủ đề).
- *Các bài hướng dẫn mang cùng tên với các bài trong SGK.* Mỗi bài hướng dẫn đều chứa toàn bộ bài tương ứng của SGK ở dạng thu nhỏ. Nội dung hướng dẫn là những gợi ý để tổ chức bốn loại hoạt động:

- *Tổ chức hoạt động khởi động:* Hoạt động này HS được chia sẻ những hiểu biết của mình về các sự vật, hoạt động, sự việc được nêu trong bài học.
- *Tổ chức hoạt động khám phá:* Giúp HS tìm hiểu kiến thức thông qua tình huống, thảo luận nhóm.
- *Tổ chức hoạt động luyện tập:* Thông qua những tình huống cụ thể để củng cố kiến thức, hình thành kĩ năng.
- *Tổ chức hoạt động vận dụng:* Giúp HS giải quyết vấn đề thực tế.

Mỗi hoạt động học thường có ba bước: mục tiêu; các bước tiến hành; kết quả. Đó là một kịch bản ngắn, trong đó chủ yếu là những gợi ý tổ chức các hoạt động (cá nhân, cặp đôi, nhóm, tổ, lớp) của HS, xen kẽ là những gợi ý, dẫn dắt của GV.

3. Học liệu bổ trợ SGK

a) *Vở bài tập.* Các chủ đề, các bài trong vở bài tập (VBT) đều tương ứng với các chủ đề, các bài trong SGK. Mỗi bài trong VBT gồm những câu hỏi, bài tập để củng cố, khắc sâu và phát triển những kiến thức, kĩ năng đã hình thành trong SGK. Do đó, VBT có thể dùng để HS học buổi 2, hoặc cho những HS đã hoàn thành sớm bài học trên lớp.

b) *Đồ dùng học tập.* Bộ đồ dùng học môn Tự nhiên và Xã hội được thiết kế để HS sử dụng (theo cá nhân hoặc nhóm) trong các tiết học. Trong mỗi tiết học, GV hướng dẫn HS lựa chọn đồ dùng thích hợp để thực hiện các hoạt động học tập. Cũng có bộ đồ dùng dạy học dành cho GV sử dụng trên lớp.

c) *Học liệu điện tử.* Tự nhiên và Xã hội 1 có các học liệu điện tử đi kèm. Cụ thể:

- Sách mềm Tự nhiên và Xã hội 1 - Tự kiểm tra, đánh giá: gồm một số câu hỏi kiểm tra, đánh giá nhanh ở mỗi bài, mỗi chủ đề.
- Sách mềm Tự nhiên và Xã hội 1 - VBT: gồm các bài tập có tương tác được chuyển thể từ VBT.
- Tư liệu bài giảng điện tử Tự nhiên và Xã hội 1: gồm một số bài giảng diễn hình dành cho GV.

IV. GIỚI THIỆU CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP DẠY HỌC MÔN TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1

1. Các yêu cầu cơ bản khi sử dụng các phương pháp dạy học Tự nhiên và Xã hội 1

a) Phù hợp với quá trình nhận thức của HS lớp 1: từ cụ thể đến trừu tượng, từ dễ đến khó.

b) Khai thác những kiến thức, hiểu biết thực tế của HS về cuộc sống xung quanh; phát huy trí tò mò khoa học của HS với môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh; hướng dẫn HS cách đặt câu hỏi, cách thu thập thông tin, cách sử dụng các thông tin thu thập được để đưa ra những nhận xét, kết luận mang tính khách quan, khoa học.

c) Tổ chức cho HS học thông qua quan sát. Đối tượng quan sát là các sự vật, hiện tượng tự nhiên và xã hội từ tranh ảnh, vật thật, video, môi trường xung

quan. Hoạt động quan sát nhằm phát triển ở HS các kỹ năng nhận xét, so sánh, phân loại, phân tích, suy luận, khái quát hóa những gì đã quan sát được ở mức độ đơn giản.

d) Tổ chức cho HS học thông qua trải nghiệm. HS thực hiện các hoạt động điều tra, khám phá, vận dụng kiến thức vào thực tiễn cuộc sống xung quanh, qua đó học cách giải quyết một số vấn đề đơn giản thường gặp; ứng xử phù hợp với sức khoẻ, sự an toàn của bản thân và những người xung quanh; bảo vệ môi trường sống.

e) Tổ chức cho HS học thông qua tương tác. HS thực hiện các hoạt động trò chơi, đóng vai, thảo luận, thực hành, xử lý tình huống thực tiễn để hình thành, phát triển năng lực giải quyết vấn đề, năng lực hợp tác, giao tiếp và sự tự tin.

g) Lựa chọn, phối hợp, vận dụng các phương pháp dạy học một cách linh hoạt, sáng tạo, phù hợp với mục tiêu, nội dung dạy học, đối tượng HS và điều kiện cụ thể.

2. Phương pháp tổ chức các hoạt động học tập trong mỗi bài

a) **Tổ chức hoạt động khởi động:** Nhằm tạo tâm lí vui vẻ, hứng thú, tạo tình huống có vấn đề, kích thích tính tò mò để hướng vào khám phá vấn đề.

b) **Tổ chức hoạt động khám phá:** Nhằm hình thành kiến thức mới thông qua tương tác với vật liệu học, với bạn. GV tổ chức cho HS hoạt động theo các bước:

- HS tìm hiểu, tương tác với vật liệu học; HS làm việc cá nhân hoặc trao đổi với bạn, với sự hỗ trợ của GV, HS nhận ra kiến thức.

- HS nói được những nhận biết về đối tượng học tập, theo gợi ý của GV, khai quát thành kiến thức mới.

c) **Tổ chức hoạt động luyện tập:** Nhằm thực hành, củng cố từng phần hoặc toàn bộ kiến thức đã hình thành ở hoạt động khám phá. GV tổ chức cho HS hoạt động theo các bước:

- HS tự tìm hiểu vấn đề cần giải quyết; liên hệ, sử dụng kiến thức vừa hình thành; từ đó tìm ra đáp án, lời giải cho vấn đề. GV có thể gợi ý, giúp HS thực hiện đúng yêu cầu.

- HS trình bày trước lớp (hoặc nhóm) cách làm, kết quả. HS và GV trong lớp trao đổi, nhận xét, đánh giá kết quả.

d) **Tổ chức hoạt động vận dụng:** Nhằm vận dụng một phần hoặc nhiều kiến thức của bài học vào tình huống thực tế. HS sử dụng tổng hợp kiến thức, kỹ năng đã có giải quyết tình huống. GV khuyến khích sự sáng tạo và tạo sản phẩm cá nhân hoặc nhóm. Tuỳ từng bài, hoạt động này có thể tách riêng hoặc ghép chung vào hoạt động luyện tập. GV tổ chức cho HS hoạt động theo các bước:

- HS sử dụng kiến thức, kỹ năng đã có vào bối cảnh tình huống mới. Tự tìm ra cách thực hiện, giải quyết vấn đề. GV hỗ trợ HS trong quá trình phân tích, xác định vấn đề cần giải quyết, thực hiện.

- HS chia sẻ trước lớp (hoặc nhóm) để có thể thấy được có nhiều cách làm và sản phẩm đa dạng khác nhau. Từ đó có thể vận dụng vào những tình huống khác nữa.

V. ĐÁNH GIÁ TRONG DẠY HỌC TỰ NHIÊN VÀ XÃ HỘI 1

1. Mục tiêu đánh giá trong dạy học Tự nhiên và Xã hội 1 nhằm cung cấp thông tin kịp thời về sự phát triển năng lực của HS, giúp điều chỉnh quá trình dạy học phù hợp với yêu cầu cần đạt của chương trình môn học.

2. Hình thức đánh giá

a) **Đánh giá quá trình** diễn ra trong suốt quá trình học tập của HS.

- GV cần sử dụng nhiều công cụ khác nhau như câu hỏi, bài tập, biểu mẫu quan sát, bài thực hành, sản phẩm,... Tham gia đánh giá quá trình gồm GV đánh giá HS, HS đánh giá lẫn nhau, HS tự đánh giá. Qua các hoạt động đánh giá, HS có cơ hội phát triển năng lực tư duy phản biện, năng lực giao tiếp và hợp tác.

- Cách thức đánh giá năng lực nhận thức môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh: GV có thể sử dụng các câu hỏi (yêu cầu trả lời miệng hoặc viết, vẽ) đòi hỏi HS nhận biết/ trình bày hiểu biết của mình về sự vật, hiện tượng, mối quan hệ thường gặp trong môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh,... (trong đó có thể sử dụng sơ đồ, tranh ảnh). Quan tâm đến việc sử dụng các câu hỏi đánh giá khả năng so sánh, phân loại,... của HS.

- Cách thức đánh giá năng lực tìm tòi, khám phá (tim hiểu) môi trường tự nhiên và xã hội: GV có thể sử dụng phương pháp quan sát (sử dụng các công cụ hỗ trợ như bảng kiểm tra theo các tiêu chí đã xác định, các câu hỏi), quan sát HS trong quá trình đóng vai xử lý tình huống, quan sát sự vật, hiện tượng thường gặp trong tự nhiên và xã hội. Sử dụng các câu hỏi đánh giá các khả năng nhận xét, so sánh, phân loại,... của HS.

- Cách thức đánh giá năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng vào thực tiễn, ứng xử phù hợp với tự nhiên, con người và xã hội: GV sử dụng các câu hỏi (có thể yêu cầu trả lời miệng hoặc viết, vẽ) đòi hỏi HS vận dụng kiến thức vào giải quyết vấn đề, đặc biệt các vấn đề thực tiễn. Sử dụng phương pháp quan sát (sử dụng các công cụ đánh giá như bảng kiểm (check list) theo các tiêu chí đã xác định, các câu hỏi), quan sát HS trong quá trình giải quyết vấn đề (như cách HS trao đổi, thảo luận, cách lựa chọn giải pháp,...). Sử dụng cách đánh giá qua các sản phẩm thực hành của HS.

b) **Đánh giá định kì** hay đánh giá tổng kết môn học với mục đích xác định HS đã học được những gì.

- Các đánh giá định kì được thực hiện sau khi học xong các chủ đề.

- Kết quả đánh giá định kì Tự nhiên và Xã hội 1 là những nhận xét cụ thể của GV về việc HS đạt được hay chưa đạt được những yêu cầu đã được nêu trong chương trình môn học.

Phần hai

Hướng dẫn tổ chức hoạt động học Tự nhiên và Xã hội 1

Chủ đề **GIA ĐÌNH**

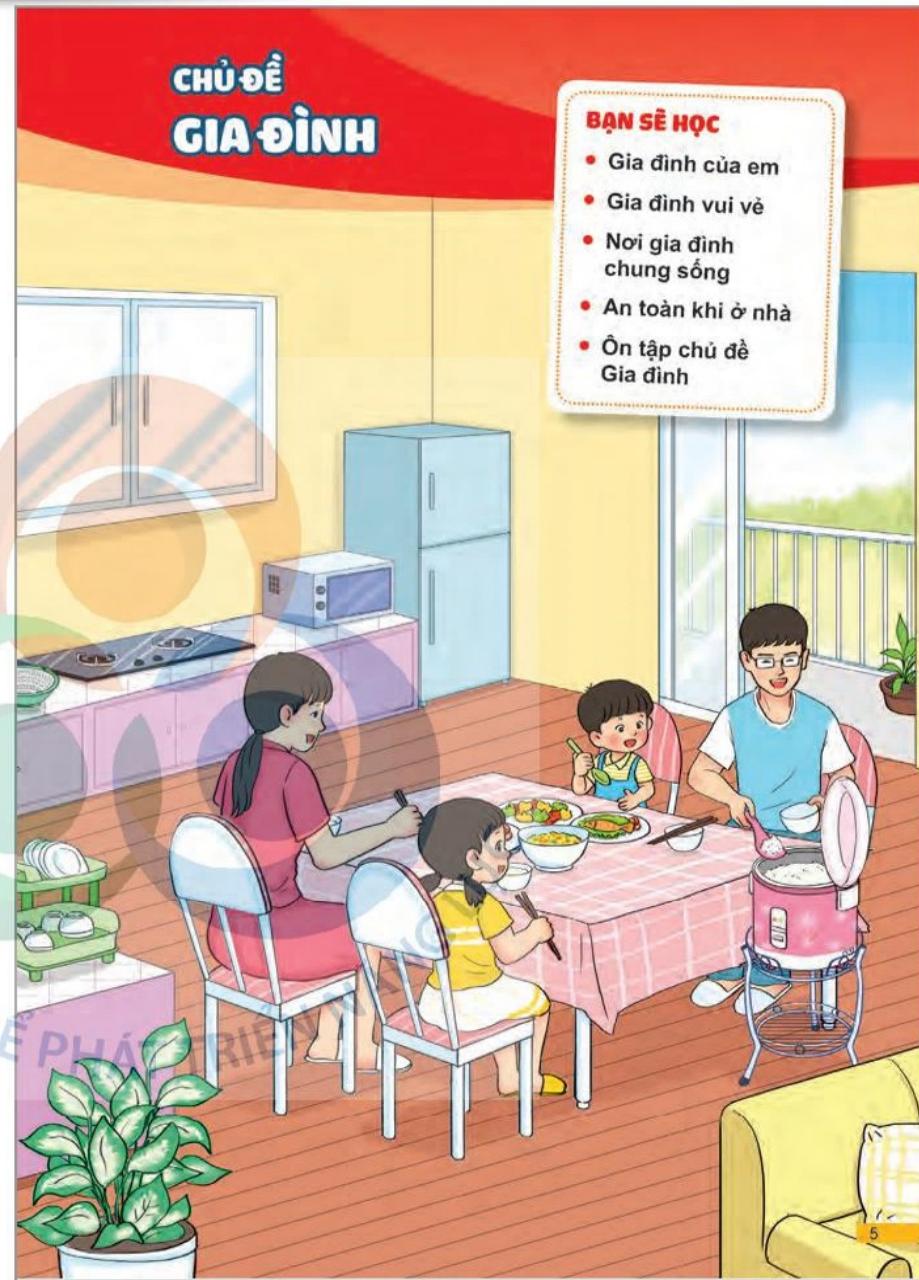
Thời gian: Học kì 1; Tuần: 1 - 5;
Thời lượng: 10 tiết

1. MỤC TIÊU

- Nhận biết được các thành viên trong gia đình và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình.
- Nêu được địa chỉ và xác định được một số đặc điểm ngôi nhà của mình (kiểu nhà, các phòng, đồ dùng, thiết bị trong nhà).
- Biết sử dụng đồ dùng trong gia đình cẩn thận và đúng cách để đảm bảo an toàn khi ở nhà.
- Làm được một số việc làm phù hợp với bản thân để giữ nhà ở gọn gàng, ngăn nắp.
- Thể hiện được tình yêu thương, gắn bó, chia sẻ giữa các thành viên trong gia đình.

2. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- Năng lực giao tiếp:* Bước đầu sử dụng ngôn ngữ lời nói phù hợp khi kể, biểu đạt về thành viên gia đình, các đồ dùng, công việc và hoạt động nghỉ ngơi của gia đình.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Nhận biết một số đồ dùng, tình huống nguy hiểm ở gia đình; Theo hướng dẫn, biết lựa chọn cách xử lý phù hợp trong những tình huống (giả định) khi bản thân hoặc người khác bị thương.
- Năng lực nhận thức khoa học:* Nhận biết về vị trí bản thân, các mối quan hệ và hành động quan tâm, chia sẻ các công việc trong gia đình.
- Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:* Quan sát, mô tả, phân biệt được một cách đơn giản một số đặc điểm của ngôi nhà, các đồ dùng, thiết bị trong nhà; đặt được câu hỏi về tên gọi, công dụng của một số đồ dùng, thiết bị.



3. THUẬT NGỮ

An toàn	Chăm sóc	Địa chỉ
Đồ dùng	Gia đình	Thành viên
Thiết bị	Tình huống	Yêu thương

4. TƯ LIỆU DẠY HỌC

- Tư liệu cho GV:* SGV, Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Đồ dùng dạy học (tranh, ảnh, mô hình, video).
- Tư liệu cho HS:* SGK, VBT, Sách mềm - VBT, Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Đồ dùng học tập (tranh, ảnh, thẻ chữ, thẻ hình).

5. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Bài/ Số tiết	Nội dung dạy học	Kỹ năng	Ghi chú/ PPDH
1 Gia đình của em (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Thông tin về bản thân: tên, tuổi, sở thích, khả năng,... Mối quan hệ của bản thân là: con, cháu, em, anh, chị,... của các thành viên trong gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Giao tiếp/Biểu đạt khi giới thiệu về bản thân, gia đình. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Liên hệ thực tế.
2 Gia đình vui vẻ (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Một số công việc thường làm hàng ngày ở nhà của mỗi người trong gia đình: nấu cơm, dọn nhà, rửa bát,... Một số hoạt động thường ngày lúc nghỉ ngơi, vui chơi của các thành viên trong gia đình: xem tivi, chơi trò chơi, đọc sách,... 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Giao tiếp/Biểu đạt: chia sẻ được công việc và hoạt động của các thành viên trong gia đình. Làm việc nhóm. 	<ul style="list-style-type: none"> Liên hệ thực tế. Quan sát. Lắng nghe, trao đổi và chia sẻ. Trò chơi
3 Nơi gia đình chung sống (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Sơ lược về nơi ở của gia đình mình: địa chỉ nhà, các phòng trong nhà, đặc điểm xung quanh nhà. Một số đồ dùng, thiết bị phổ biến trong gia đình: giường, tủ, bàn, ghế, bếp, nồi,... Sắp xếp đồ dùng cá nhân: quần, áo, sách, vở,... gọn gàng, ngăn nắp. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh, thực tế. Giao tiếp/Biểu đạt: mô tả được đặc điểm ngôi nhà. Sắp xếp đồ dùng cá nhân gọn gàng, ngăn nắp. 	<ul style="list-style-type: none"> Liên hệ thực tế. Quan sát. Thực hành qua trò chơi.
4 An toàn khi ở nhà (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Một số đồ dùng, thiết bị trong gia đình có thể gây thương tích khi sử dụng: đồ dùng sử dụng điện, đồ vật nóng, các vật sắc nhọn, các đồ dùng bằng vật dễ vỡ (kinh, thuỷ tinh, sứ,...). Phòng tránh: đứt tay, bỏng, điện giật,... khi sử dụng một số đồ vật ở nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Ra quyết định xử lí một số tình huống khi bản thân hoặc người khác gặp tai nạn ở nhà. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh và liên hệ thực tế. Xử lí tình huống.
5 Ôn tập chủ đề Gia đình (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Thành viên và mối quan hệ giữa các thành viên trong gia đình. Nhà ở, đồ dùng trong nhà và sử dụng an toàn một số đồ dùng trong nhà. Giữ nhà ở và đồ dùng sạch sẽ, gọn gàng. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Giao tiếp/trình bày. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Xử lí tình huống.

Gia đình của em

YÊU CẦU CẨN ĐẶT

- Nói được câu đơn giản để giới thiệu những thông tin về bản thân: tên, tuổi hoặc (và) sở thích, khả năng,... của bản thân.
- Sử dụng được từ ngữ thể hiện cách xưng hô phù hợp với mối quan hệ của bản thân với các thành viên trong gia đình.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

Mô hình (cắt dán), hoặc phác thảo hình vẽ ngôi nhà.

Chuẩn bị của HS:

Hình ảnh chụp (hoặc ảnh vẽ) về gia đình HS.

Gia đình của em

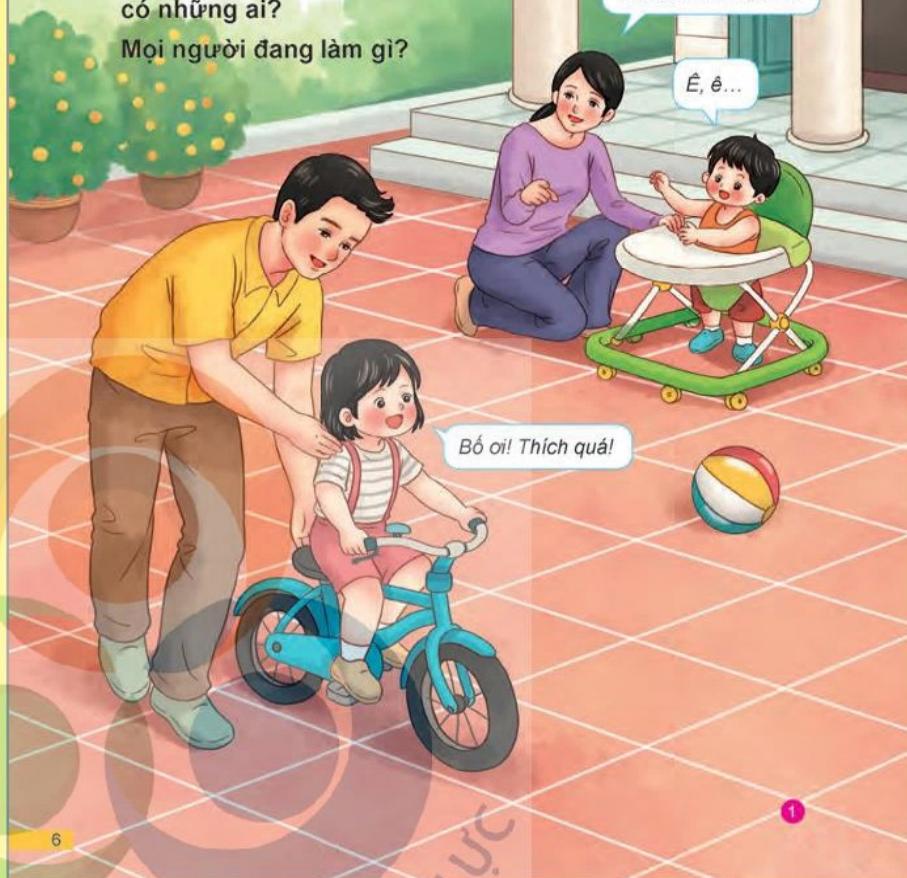
1 Hãy kể về gia đình của mình.

2 Gia đình các bạn trong hình có những ai?

Mọi người đang làm gì?

A, chị đi xe được rồi!

Ê, ê...



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Hãy kể về gia đình của mình.

- Một số HS xung phong trả lời theo yêu cầu của GV: *Hãy kể về gia đình của mình.*
- HS kể tự do những thông tin về gia đình: tên, thứ bậc và mối quan hệ của mọi người trong gia đình, công việc, sở thích,...
- GV nhận xét các thông tin khác nhau của HS và dẫn dắt HS cùng tìm hiểu gia đình của các bạn ở HĐ 2.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Gia đình các bạn trong hình có những ai? Mọi người đang làm gì?

a) Quan sát và khai thác nội dung hình 1.

Hoạt động cặp đôi:

Từng cặp HS quan sát hình 1, trả lời câu hỏi: *Gia đình các bạn trong hình có những ai? Họ đang làm gì?*

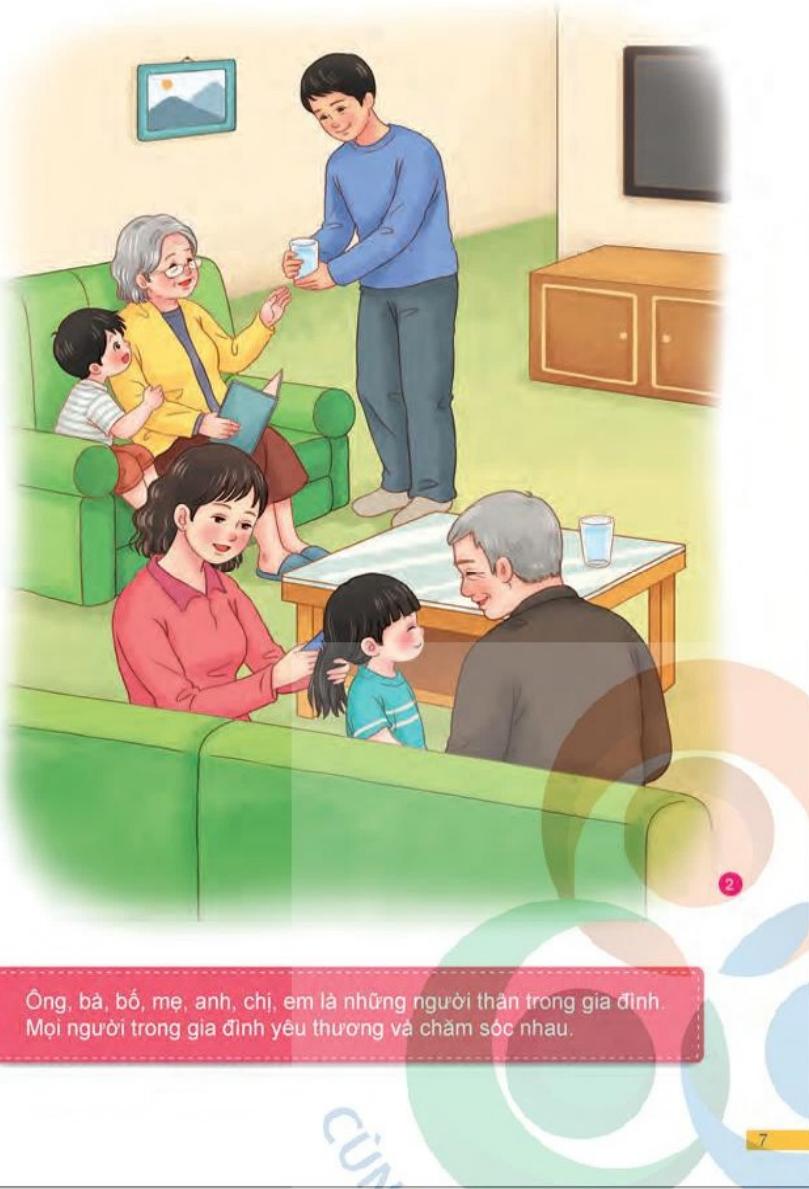
Hoạt động cả lớp:

- Một số HS trả lời các câu hỏi trước lớp. Những HS khác có thể bổ sung câu trả lời, GV có thể gợi ý để HS nói được:

+ Gia đình ở hình 1 có bố, mẹ và hai con;

+ Bố đang tập xe đạp cho chị, mẹ đang chơi cùng em bé;

+ Em bé cùng mẹ đang nhìn chị đi xe đạp và reo mừng.



- GV đặt câu hỏi để khai thác những biểu đạt tinh cảm của các thành viên trong gia đình như:

- + Vẻ mặt và lời nói của bạn gái tỏ ra lo sợ hay vui thích?
- + Vẻ mặt của bố nghiêm trang hay chăm chú?
- + Vẻ mặt và lời nói của mẹ tỏ ra lo âu hay vui mừng?
- + Vẻ mặt và tiếng reo của em bé biểu hiện sự thích thú hay sợ hãi?

b) Quan sát và khai thác nội dung hình 2.

Hoạt động cặp đôi:

Từng cặp HS làm việc tương tự như với hình 1, HS quan sát hình và trả lời câu hỏi: *Gia đình trong hình 2 có những ai? Mọi người đang làm gì?*

Hoạt động cả lớp:

- HS chia sẻ nội dung hình 2 trước lớp. GV gợi ý trên hình để HS nói được:

+ Gia đình trong hình 2 có ông, bà, bố, mẹ, con trai và con gái;

+ Mẹ đang chải tóc cho con gái; bà đang đọc truyện cho cháu trai; bố đang mời bà uống nước (hoặc đưa cốc nước cho bà); ông đang trò chuyện với cháu gái.

- HS tiếp tục trả lời câu hỏi gợi ý của GV:

Tình cảm giữa các thành viên trong gia đình với nhau như thế nào?

+ Chi tiết nào trong hình chứng tỏ cháu trai rất yêu quý, gần gũi với bà? (tựa và ôm tay bà).

+ Việc làm và vẻ mặt của bố thể hiện điều gì? (bố quan tâm, chăm sóc bà).

+ Việc làm và vẻ mặt của mẹ biểu hiện điều gì? (mẹ rất yêu thương và chăm sóc con).

+ Tình cảm của ông...

c) Liên hệ gia đình của mình.

- HS liên hệ trong gia đình của mình, GV gợi ý để HS nói được một số việc thể hiện sự chăm sóc, quan tâm giữa các thành viên trong gia đình:

+ Ở nhà em: ông, bà, bố, mẹ rất yêu thương, chăm sóc em (và em bé),...

+ Bố, mẹ nấu nhiều món ngon cho cả nhà ăn,...

+ Em yêu mẹ, luôn nghe lời mẹ dặn,...

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3: Cùng giới thiệu về bản thân.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS thay nhau tự giới thiệu và nghe bạn giới thiệu về bản thân.

- GV gợi ý HS giới thiệu một số thông tin về bản thân: họ và tên, thứ bậc trong gia đình, tuổi, sở thích, năng khiếu (nếu có),...; GV khuyến khích HS sử dụng hình ảnh hoạt động của bản thân khi giới thiệu về mình.

Hoạt động cả lớp:

- GV yêu cầu một HS xung phong lên bảng để làm mẫu cách giới thiệu về bản thân. GV hướng dẫn HS nói câu đơn giản, diễn đạt ngắn gọn, mô tả được một số thông tin về bản thân.
- HS tiếp tục tự giới thiệu về bản thân mình trước lớp. Tuỳ khả năng, HS có thể giới thiệu bản thân ở các mức độ khác nhau, có thể có hình ảnh minh họa khi giới thiệu hoặc chỉ dùng lời nói. GV khích lệ để HS nói được một số thông tin, ví dụ như:

- + Minh tên là Nguyễn Ngọc A, mình 6 tuổi, là anh lớn trong nhà. Mình thích chơi cờ tướng.
- + Minh tên là Lê Anh, mình 6 tuổi, là em út trong nhà. Mình rất thích múa, mình có thể nghe nhạc và múa theo lời bài hát, mình hay biểu diễn cho mọi người xem,...

HĐ4: Cùng giới thiệu về gia đình của mình.

- a) Chuẩn bị sản phẩm hoặc thông tin về gia đình.

Hoạt động cặp đôi (hoặc nhóm 4):

- Theo từng nhóm, HS làm một sản phẩm về các thành viên trong gia đình của mình (tranh vẽ, ảnh chụp, tấm thẻ thành viên gia đình). GV có thể nêu thêm các câu hỏi gợi mở để khích lệ HS thể hiện nội dung sản phẩm như: *Trong gia đình chúng mình có những ai? Có thể vẽ những thành viên trong gia đình chúng mình không?*
- HS giới thiệu sản phẩm với bạn trong nhóm. Tuỳ điều kiện, HS có thể kể được các thành viên trong gia đình ở các mức độ khác nhau; HS có thể dùng hình ảnh minh họa hoặc chỉ dùng lời nói để giới thiệu.

Lưu ý: HS có thể vẽ gia đình có hai thế hệ hoặc hơn hai thế hệ; có thể vẽ đủ hoặc không đủ các thành viên thường có của gia đình (tuỳ hoàn cảnh thực tế của gia đình HS).

b) Giới thiệu về gia đình của mình.

Hoạt động cả lớp:

Để kích thích hứng thú của HS, GV nên treo trên bảng mô hình cắt dán (hoặc vẽ) một ngôi nhà. Trong khi trình bày, HS có thể đặt hình ảnh gia đình của mình vào mô hình.

3 Cùng giới thiệu về bản thân.

Minh tên là Hà.

Mình tên là An, là anh lớn trong nhà.



3

4 Cùng giới thiệu về gia đình của mình.

Nhà mình có ông ở cùng.



4

- Khuyến khích HS xung phong lên giới thiệu gia đình của mình trước lớp. GV hướng dẫn HS diễn đạt ngắn gọn, mô tả được các thông tin về gia đình. GV lưu ý mỗi HS có sự khác nhau về thành phần các thành viên trong gia đình để HS cả lớp biết được mối quan hệ và cách xưng hô giữa các thành viên trong gia đình.

- Giới thiệu được một số thông tin ngắn gọn:

- + Nếu là gia đình có hai thế hệ, lời giới thiệu có thể là: Đây là gia đình của tôi. Gia đình tôi có người. Mẹ của tôi tên là bố của tôi tên là, em của tôi (hoặc anh, chị của tôi) tên là
- + Nếu là gia đình có hai thế hệ tròn lênh, lời giới thiệu sẽ là: Gia đình tôi có ông và bà là người nhiều tuổi nhất (già nhất) trong gia đình,....

Cách tổ chức khác:

Kết thúc HĐ3, GV hướng dẫn HS chuẩn bị sản phẩm hình ảnh về gia đình của mình tại nhà. Tiếp theo, HĐ4 được thực hiện tại lớp cũng tổ chức giống như đã nêu ở trên.

Gia đình vui vẻ

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Kể được công việc nhà của các thành viên trong gia đình.
- Nói được câu đơn giản để giới thiệu những công việc của bản thân thường làm khi ở nhà và nhận biết được sự cần thiết chia sẻ công việc trong gia đình.
- Kể được một số hoạt động khi nghỉ ngơi của gia đình.
- Nói được cảm xúc của bản thân khi tham gia các công việc nhà và các hoạt động khi nghỉ ngơi cùng gia đình.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Một bài hát về công việc nhà cho trẻ em. Ví dụ bài hát “Bé quét nhà”, nhạc và lời Hà Đức Hậu.
- Tranh, ảnh về một số công việc nhà và hoạt động của gia đình trong thời gian nghỉ ngơi hàng ngày (ưu tiên hoạt động thường có ở địa phương).
- Bộ ghép hình.

Chuẩn bị của HS:

Ảnh về hoạt động của gia đình.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Kể về những công việc nhà trong gia đình bạn.

Hoạt động cả lớp:

- HS nghe nhạc hoặc xem video và hát theo lời bài hát “Bé quét nhà”.
- HS lắng nghe câu hỏi của GV để khai thác nội dung bài hát liên quan đến bài học như: Bài hát kể về công việc của ai? Bạn nhớ trong bài hát làm những công việc gì?...
- HS kể về một số công việc nhà ở gia đình của mình. GV có thể yêu cầu mỗi HS kể về một công việc.
- Mỗi thành viên trong gia đình đều có những công việc riêng. Tuy nhiên, mọi người luôn gắn bó và giúp đỡ lẫn nhau, cùng nhau làm việc, cùng nhau nghỉ ngơi và vui chơi.

Gia đình vui vẻ

1 Kể về những công việc nhà trong gia đình bạn.

2 Quan sát và nói:

- Mọi người trong hình đang làm gì?
- Bạn và người thân thường làm những công việc gì khi ở nhà?



Mẹ ơi, hai mẹ con
cùng làm thật là vui!



Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu và chia sẻ với nhau các công việc và hoạt động của các thành viên trong gia đình nhé.

Lưu ý: GV có thể sử dụng tinh huống khác gắn với nội dung của bài để tổ chức hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Quan sát và nói.

a) Quan sát và khai thác nội dung hình 1.

Hoạt động cặp đôi:

HS quan sát hình 1, hỏi và trả lời về công việc của các thành viên trong gia đình. Các thành viên trong gia đình đang làm gì? Vẻ mặt của mọi người trong lúc làm việc như thế nào?

Hoạt động cả lớp:

GV chiếu hoặc treo hình 1 lên bảng để cả lớp cùng theo dõi.

- Một số HS trả lời câu hỏi. GV có thể hỗ trợ HS bằng cách nêu lại câu hỏi để HS trả lời. Những HS khác có thể bổ sung câu trả lời, HS cần nói được:

- + Mẹ đang nấu cơm, bố đang tia cây, bạn gái đang giúp mẹ chuẩn bị mâm cơm, em trai đang quét ban công.
 - + Mọi người đều tham gia làm công việc nhà.
 - + Mọi người đều vui vẻ.
- GV điều chỉnh câu trả lời của HS khi cần.

b) Quan sát và khai thác nội dung hình 2.

Hoạt động cặp đôi:

HS quan sát hình 2 và trả lời câu hỏi: *Những người trong hình đang làm công việc gì? Họ cảm thấy như thế nào khi làm việc nhà?*

Hoạt động cả lớp:

- HS quan sát vẻ mặt của bạn nhỏ trong hình, nghe GV đọc câu nói của bạn nhỏ: *Mẹ ơi, hai mẹ con cùng làm thật là vui!* sẽ trả lời được:
 - + Mẹ và bạn nhỏ đang phơi quần áo;
 - + Bạn nhỏ cảm thấy rất vui khi cùng mẹ làm việc nhà.
- GV điều chỉnh câu trả lời của HS khi cần.

c) Liên hệ về các công việc nhà của mọi người trong gia đình em.

- HS liên hệ trong gia đình của mình, trả lời câu hỏi trong SGK. GV có thể nêu câu hỏi gợi ý để HS nói được một số việc các thành viên trong gia đình thường làm ở nhà và thái độ của HS khi làm việc nhà. Ví dụ:

- + Khi ở nhà, mỗi người trong gia đình em thường làm những việc gì?
- + Những việc gì mọi người có thể cùng làm chung với nhau khi ở nhà?
- + Em cảm thấy như thế nào khi làm việc nhà cùng mọi người?
- + Vì sao các thành viên trong gia đình nên làm việc nhà cùng nhau?
- Một số HS trả lời trước lớp về công việc trong gia đình.
- GV khen ngợi những HS thường làm việc nhà và khuyến khích các HS khác tham gia làm việc nhà.

Lưu ý: Với hoạt động này, GV nên ưu tiên khai thác những công việc gắn với thực tế gia đình nơi HS sống. GV cần chuẩn bị (hoặc nhờ phụ huynh HS cung cấp) thêm các tranh, ảnh chụp về các công việc ở gia đình cho phù hợp với địa phương. Ví dụ: với gia đình ở thành phố, công việc nhà có thể là nấu nướng, dọn dẹp nhà cửa,

③ **Những lúc nghỉ ngơi, vui chơi mọi người trong gia đình bạn thường làm gì?**



3



4

Mọi người trong gia đình thường làm các việc nhà như nấu cơm, lau dọn nhà cửa,... và vui chơi với nhau.

10

rửa bát,...; ở nông thôn, ngoài các công việc trên còn có dệt vải, cho gia súc ăn, trồng và chăm sóc cây trong vườn,...

HĐ3: Những lúc nghỉ ngơi, vui chơi mọi người trong gia đình bạn thường làm gì?

a) Quan sát và khai thác nội dung hình 3 và 4.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát hình 3, 4 và trả lời câu hỏi:
 - + Các thành viên trong gia đình đang làm gì?
 - + Vẻ mặt của mỗi người như thế nào?

Hoạt động cả lớp:

- HS chia sẻ kết quả hoạt động trước lớp. HS cần nói được:
 - + Hình 3: Bố và bạn gái đang chơi cờ vua, mẹ và em trai đang đọc sách;
 - + Hình 4: Bố, mẹ và em trai đang chơi nhảy dây, bạn gái đang cõi vũ;
 - + Mọi thành viên trong gia đình đang cười rất vui vẻ, hạnh phúc.
- GV điều chỉnh lại cách diễn đạt của HS khi trả lời câu hỏi.



Cùng chơi “Ghép tranh”:

- Xem tranh, xếp các mảnh ghép thành bức tranh hoàn chỉnh.



- Hỏi và trả lời theo tranh.

Những người trong tranh đang làm gì?



Chốt hoạt động khám phá: HS nói được những công việc hằng ngày ở nhà và hoạt động trong thời gian nghỉ ngơi của các thành viên trong gia đình và cảm xúc của bản thân khi cùng các thành viên tham gia các hoạt động đó.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ4: Cùng chơi “Ghép tranh”.

- a) Xem tranh, xếp các mảnh ghép thành bức tranh hoàn chỉnh.

Hoạt động nhóm 4:

- HS quan sát kỹ bức tranh hoàn chỉnh.
- Các nhóm HS thực hiện nhiệm vụ: Sắp xếp mảnh ghép để tạo thành bức tranh hoàn chỉnh.
- HS trong nhóm làm việc cùng nhau để hoàn thành nhiệm vụ. Trong quá trình HS làm việc nhóm, GV cần quan sát các nhóm để hỗ trợ, hướng dẫn HS làm việc chung. Đặt các câu hỏi và gợi ý để HS xác định được vị trí của các mảnh ghép.

- b) Hỏi và trả lời theo tranh.

Hoạt động nhóm 4:

- Sau khi hoàn thiện bức tranh, các nhóm HS hỏi và trả lời:
 - Mọi người trong tranh đang làm gì?
 - Mọi người trong tranh cảm thấy như thế nào khi làm việc cùng nhau?

- Các nhóm HS chỉ hình ảnh trong tranh. HS nói được:

- Mọi người đang dọn dẹp nhà cửa. Bố đang quét bụi cho bức tranh, mẹ đang quét nhà, chị đang lau bàn, em trai đang xếp đồ chơi vào hộp.
- Về mặt của mọi người vui và hạnh phúc khi làm việc cùng nhau.

- Thực hành hỏi và trả lời:

- Bạn cảm thấy như thế nào nếu các thành viên trong gia đình bạn làm việc cùng nhau?
- Bạn cảm thấy như thế nào nếu mọi người trong gia đình bạn vui chơi cùng nhau?

Hoạt động cả lớp:

- Các nhóm HS thực hành hỏi và trả lời trước lớp.
- GV ghi nhận kết quả làm việc của các nhóm, tuyên dương những nhóm hoàn thành tốt.

b) Liên hệ về các hoạt động vui chơi của gia đình em khi rảnh rỗi.

Hoạt động nhóm 4:

- Từng nhóm HS lần lượt hỏi và trả lời:
 - Khi rảnh rỗi, gia đình em thường làm gì?
 - Em thích nhất hoạt động nào?
 - Em cảm thấy như thế nào khi tham gia các hoạt động vui chơi cùng với gia đình?
- Để gợi ý cho HS, GV có thể sử dụng tranh, ảnh sưu tầm để giới thiệu thêm về các hoạt động thường ngày của gia đình (ví dụ: cùng nhau đọc truyện, vẽ tranh, chơi đồ chơi, đá bóng,...).
- Một số nhóm HS xung phong lên chia sẻ. GV yêu cầu các HS trong nhóm luân phiên hỏi và trả lời (mỗi bạn ít nhất một câu hỏi, một câu trả lời).
- GV lựa chọn và nêu trước lớp một số hoạt động vui chơi, nghỉ ngơi phổ biến nhất ở các gia đình.
- Sau hoạt động này, HS nhận thức được các thành viên trong mỗi gia đình đều yêu thương và gắn bó với nhau, luôn chia sẻ thời gian để vui chơi cùng nhau.

Nơi gia đình chung sống

YÊU CẦU CÂN ĐẠT

- Nói được địa chỉ nhà, kiểu nhà, một vài đặc điểm xung quanh nhà thông qua hình ảnh.
- Nhận biết được tên gọi, chức năng của một số đồ dùng, thiết bị phổ biến trong nhà.
- Nhận biết được sự cần thiết của việc sắp xếp đồ dùng trong nhà và thực hiện được việc sắp xếp một số đồ dùng của bản thân.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Video bài hát "Nhà là nơi", nhạc sĩ Nguyễn Hải Phong sáng tác.
- Hình ảnh một số kiểu nhà phổ biến ở địa phương (Hình ảnh thể hiện rõ trong nhà, ngoài nhà).
- Hình 5 phóng khổ lớn, thẻ hình rời (theo tỉ lệ tranh), các đồ dùng: giày, dép, bóng, ghế, quần, áo, cặp sách, sách Toán.

Chuẩn bị của HS:

Ảnh chụp hoặc ảnh vẽ về nơi sống của gia đình.

Nơi gia đình chung sống

HĐ1: Nhà bạn ở đâu? Xung quanh nhà bạn có những gì?

HĐ2: Quan sát và nói về những ngôi nhà trong hình.



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

- HS xem video bài hát "Nhà là nơi" sáng tác nhạc sĩ Nguyễn Hải Phong, hoặc nghe lời bài hát và xem hình ảnh đã chuẩn bị về các kiểu nhà ở địa phương.
- GV yêu cầu HS nói cảm nhận của mình khi nghe và xem những hình ảnh trong bài hát. Sau đó dẫn dắt HS vào bài học.

HĐ1: Nhà bạn ở đâu? Xung quanh nhà bạn có những gì?

Hoạt động cả lớp:

- HS chia sẻ những điều mình biết về địa chỉ, các đặc điểm ngôi nhà của mình.
- HS có thể nói được một số câu đơn giản mô tả được một số thông tin về nơi ở của gia đình mình.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Quan sát và nói về những ngôi nhà trong hình.

a) Nói về các ngôi nhà trong hình ở SGK.

Hoạt động cả lớp:

GV treo hình 3 lên bảng.

- HS quan sát hình và nghe GV đọc nội dung bóng nói của hai bạn, giải thích để HS biết: các nhà đều có địa chỉ. GV nêu ví dụ địa chỉ cụ thể nhà của một số HS trong lớp.
- HS mô tả đặc điểm các ngôi nhà của bạn gái trong hình 3, theo gợi ý của GV nói được: Nhà bạn gái trong hình ở địa chỉ số 2 phố Lê Lợi, nhà có hai tầng, nhà ở gần đường,...

Hoạt động cặp đôi:

HS tiếp tục quan sát từng hình 1, 2, 3 và mô tả các nhà khác có trong hình.

Hoạt động cả lớp:

- Một số HS lên trình bày trước lớp, nói về các ngôi nhà trong hình từ 1 đến 3.



Cùng hỏi và trả lời:

- Nhà bạn có những phòng nào?
- Trong nhà có những đồ dùng, thiết bị gì?



Mỗi ngôi nhà đều có địa chỉ. Nhà ở thường có nhiều phòng, mỗi phòng có các đồ dùng, thiết bị cần thiết cho sinh hoạt.

- GV giới thiệu về các loại nhà trong hình: Nhà sàn, nhà ngói, nhà cao tầng, nhà chung cư. Đặc điểm xung quanh của các loại nhà đó.
- b) Giới thiệu một số kiểu nhà phổ biến ở địa phương.**

GV treo hình ảnh một số kiểu nhà thường có ở địa phương.

- HS quan sát hình ảnh và nhận xét kiểu nhà nào giống với nhà thường có ở địa phương mình (nơi mình sống).
- HS nói tên các kiểu nhà mình biết. GV giới thiệu thêm về các kiểu nhà HS chưa biết và một số đặc điểm của ngôi nhà thường có ở địa phương.
- HS liên hệ và giới thiệu về nơi ở của gia đình mình. Ví dụ:
 - Tên là..., nhà tớ ở số..., đường/phố ..., cạnh nhà tớ có nhà bạn A,...;
 - Nhà tớ ở xóm (làng)..., xung quanh nhà tớ có sân và nhiều cây,...
 - Nhà tớ ở chung cư số..., chung cư rất cao, có thang máy đi lên nhà, xung quanh có vườn hoa,...
- Một số HS giới thiệu nơi ở của gia đình mình trước lớp. Tuỳ khả năng, HS có thể mô tả về đặc điểm ngôi nhà của mình ở các mức độ khác nhau, nhưng cần nói được địa chỉ và kiểu nhà.

HĐ3: Cùng hỏi và trả lời.

GV sử dụng hình ảnh trong nhà tương tự hình SGK của các ngôi nhà thường có ở địa phương hoặc dùng hình ảnh trong SGK để thực hiện HĐ3.

a) Kẽ các phòng trong gia đình.

Hoạt động nhóm 4:

- Tổng nhóm HS hỏi và trả lời: *Nhà bạn có những phòng nào?*
- HS theo thực tế, nói được tên một số phòng trong nhà, hoặc khu vực theo chức năng thường có ở trong nhà:
 - Khu vực bếp (phòng bếp).
 - Phòng khách (nơi sinh hoạt chung).
 - Phòng ngủ,...

b) Kẽ các đồ dùng, thiết bị trong gia đình.

Hoạt động cặp đôi:

- Tổng cặp HS quan sát hình 4, chỉ vào một số đồ dùng, thiết bị trong hình, đặt và trả lời câu hỏi: *Đây là cái gì? Dùng để làm gì?*
- HS có thể nói được tên một số đồ dùng, thiết bị có trong hình và chức năng của chúng.

Hoạt động cả lớp:

- Một số HS nói trước lớp câu trả lời về đồ dùng, thiết bị trong hình 4 như: bàn, ghế, giường, tủ, ti vi, quạt điện, nồi, ấm, chén,...
- HS liên hệ thực tế, giới thiệu đồ dùng trong nhà của mình. GV khuyến khích HS kể được nhiều đồ dùng bằng các câu hỏi: "Nhà chúng mình có những đồ vật nào? Đồ vật đó dùng để làm gì?" hoặc "Tên đồ dùng để nấu cơm là gì?", "Đồ dùng để giặt quần áo có tên là gì?". Tuỳ khả năng, HS có thể nêu được tên và chức năng của một số đồ dùng, thiết bị mà các em quan tâm ở nhà.

Sau hoạt động này, HS nói được trong nhà có nhiều đồ dùng, thiết bị khác nhau, nhắc lại được tên và chức năng một số đồ dùng chính như: giường dùng để ngủ, tủ dùng để đựng quần áo, bàn dùng để học, ghế dùng để ngồi, nồi dùng để nấu cơm,...

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ4: Cùng chơi “Dọn nhà”.

a) Nhận xét về vị trí các đồ dùng ở trong hình.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát hình 5 và chỉ rõ những đồ dùng chưa được sắp xếp ngăn nắp, gọn gàng.
- HS so sánh và chia sẻ những phát hiện của mình với bạn trong nhóm.
- Một số HS lên bảng nói tên và chỉ vị trí những đồ dùng các em phát hiện ra chưa để đúng chỗ. GV hướng dẫn HS cách quan sát để HS tìm ra nhanh và không bỏ sót các đồ dùng đó như:
 - + Quả bóng để giữa nhà.
 - + Giày, dép để mỗi nơi một chiếc.
 - + Cặp sách để ở ghế ngồi bàn uống nước.
 - + Quần để trên ghế ngồi bàn uống nước.
 - + Áo để trên giường.
 - + Sách để trên bàn uống nước.
 - + Ghế ngồi bị đổ.

b) Sắp xếp các đồ dùng vào chỗ phù hợp.

GV sử dụng thẻ hình có gắn nam châm để HS thực hiện sắp xếp.

Hoạt động nhóm 4:

- Từng nhóm HS quan sát hình 5, thực hiện theo yêu cầu của GV: Sắp xếp, di chuyển các đồ dùng về chỗ phù hợp. Tuỳ theo khả năng, HS có thể chỉ sắp xếp được một số đồ dùng quen thuộc. GV có thể gợi ý HS vị trí thích hợp của các đồ dùng khác như quả bóng (đá).
- HS cùng nhau chơi trò chơi, thi đua theo nhóm, di chuyển, sắp xếp các đồ dùng trên hình. GV động viên, khen ngợi đội xếp được nhiều đồ dùng và nhanh nhất.

c) Chia sẻ và trả lời câu hỏi: Vì sao phải để đồ dùng đúng chỗ?

Hoạt động cả lớp:

- HS nêu được một số nhận xét về căn phòng đã được xếp, dọn sau khi kết thúc trò chơi “Dọn nhà”:

4 Cùng chơi “Dọn nhà”:

- Hãy chỉ ra những đồ dùng để chưa đúng chỗ và nói vị trí phù hợp của chúng.
- Theo bạn, vì sao phải để đồ dùng đúng chỗ?



+ Các đồ dùng được xếp gọn gàng, ngăn nắp, không bị lấn lộn, lung tung.

+ Căn phòng sạch, đẹp, gọn gàng,...

+ Dễ nhìn, dễ tìm các đồ dùng khi cần thiết,...

- HS liên hệ với việc làm thường ngày ở nhà và trả lời câu hỏi: Ở nhà, em có thường xuyên sắp xếp các đồ dùng của mình không? Chúng mình có cần sắp xếp đồ dùng của bản thân gọn gàng, ngăn nắp hay không? Vì sao? Chúng mình có thể làm gì để giữ gìn ngôi nhà gọn gàng, ngăn nắp?

- HS chia sẻ các ý kiến về sự cần thiết trong việc tự sắp xếp đồ dùng của bản thân. GV có thể đưa ra lời khích lệ để HS hình thành ý thức tự phục vụ, xây dựng nền nếp, thói quen ngăn nắp như: tự sắp xếp quần, áo, giày, dép, sách, vở,... là những đồ dùng của bản thân vào đúng nơi, đúng chỗ.

- HS thực hiện việc sắp xếp các đồ dùng của bản thân ở nhà ngăn nắp, gọn gàng.

- HS chia sẻ với các bạn, với GV về cảm xúc của mình sau khi thực hiện sắp xếp gọn gàng đồ dùng của bản thân ở nhà.

An toàn khi ở nhà

YÊU CẦU CẨN ĐẶT

- Kể được một số đồ dùng, thiết bị có thể gây nguy hiểm trong gia đình.
- Nêu được một số việc nên làm và không nên làm khi sử dụng một số đồ dùng, thiết bị có thể gây nguy hiểm trong gia đình.
- Xác định được một số tình huống và nhận biết được nguy cơ có thể gây đứt tay, chân, bong, điện giật.
- Nêu được cách xử lý một số tình huống khi bản thân hoặc người khác bị thương khi ở nhà.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

Tranh, ảnh về một số đồ dùng, thiết bị có thể gây nguy hiểm trong gia đình.

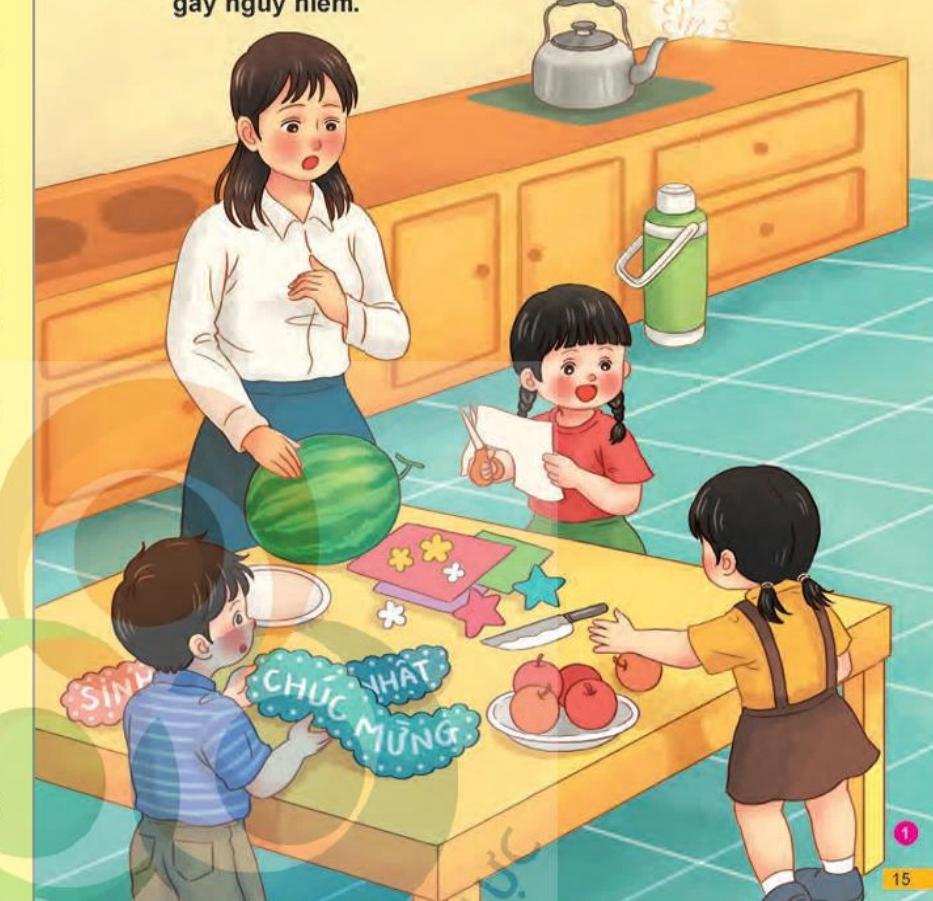
Chuẩn bị của HS:

Hình ảnh một số đồ dùng, thiết bị có thể gây nguy hiểm trong gia đình.

An toàn khi ở nhà

1 Những đồ dùng nào trong nhà bạn có thể gây nguy hiểm?

2 Quan sát hình và nói tên những đồ dùng có thể gây nguy hiểm.



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Những đồ dùng nào trong nhà bạn có thể gây nguy hiểm?

- HS trả lời nhanh câu hỏi do GV đặt ra: Những đồ dùng nào trong nhà bạn có thể gây nguy hiểm?
- Hai đến ba HS trả lời nhanh trước lớp.
- GV nhận xét khái quát một số đồ dùng có thể gây nguy hiểm và dẫn dắt vào hoạt động khám phá.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Quan sát hình và nói tên những đồ dùng có thể gây nguy hiểm.

Hoạt động cặp đôi:

HS quan sát hình 1, thảo luận và trả lời các câu hỏi:

- Những đồ dùng nào có thể làm đứt tay, chân?
- Những đồ dùng nào có thể gây bong?

Hoạt động cả lớp:

- Sau câu trả lời của HS, GV có thể yêu cầu HS giải thích. Ví dụ: Tại sao dao, kéo,... lại có thể gây nguy hiểm? Nếu va chạm vào ấm nước đang đun sôi thì em có thể bị làm sao? Nếu HS không trả lời được, GV có thể đặt thêm các câu hỏi gợi ý: Dao, kéo có thể làm cho em bị thương như thế nào? Cốc, bát, đĩa,... nếu vỡ thì có thể gây nguy hiểm ra sao? Sử dụng ấm nước sôi,... nếu không cẩn thận thì có thể nguy hiểm như thế nào?...

3 Các bạn trong hình đã làm gì để sử dụng đồ dùng an toàn?



- HS cùng GV kết luận: Trong mỗi gia đình, có rất nhiều vật sắc nhọn hoặc dễ vỡ có thể gây nguy hiểm cho bản thân và những người khác: dao, kéo nếu sử dụng không cẩn thận có thể làm đứt tay, chân, gây chảy máu; cốc, bát, đĩa, ấm, chén,... nếu vô ý làm vỡ có thể tạo ra những mảnh vỡ sắc, nhọn gây nguy hiểm cho bản thân và những người khác nếu sờ vào hay giẫm phải. Ổ cắm điện, bình nóng lạnh, các dây điện, ấm điện,... nếu sử dụng không cẩn thận (hoặc không sửa chữa khi bị hư hỏng) có thể bị điện giật. Phích nước nóng, bếp lửa,... có thể gây bỏng.

HĐ3: Các bạn trong hình đã làm gì để sử dụng đồ dùng an toàn?

Hoạt động cặp đôi:

- HS thảo luận với bạn và trả lời câu hỏi: Các bạn trong hình đã làm gì để sử dụng đồ dùng an toàn? GV có thể đưa ra các câu hỏi gợi ý. Ví dụ: Khi muốn sử dụng đồ điện thì chúng ta nên làm gì? Chúng ta nên làm gì khi cầm cốc nước thủy tinh di chuyển? Có nên lại gần bàn là khi mẹ đang là quần áo hay không?
- HS chỉ từng hình, trả lời trước lớp.
- HS rút ra ghi nhớ: Để an toàn, em nên cẩn thận khi dùng dao hoặc các vật sắc nhọn, các đồ dùng dễ vỡ như bát, đĩa, cốc, chén,... các đồ dùng có sử dụng điện, phích nước nóng, bếp ga. Khi sử dụng nên nhờ người lớn giúp đỡ. Tuyệt đối không được sờ vào phích cắm, ổ điện, dây điện, đặc biệt là khi tay ướt.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ4: Điều gì có thể xảy ra với các bạn trong hình? Vì sao?

- HS thảo luận với bạn và trả lời câu hỏi: Điều gì có thể xảy ra với các bạn trong hình? Vì sao? GV có thể đưa ra các câu hỏi gợi ý. Ví dụ: Khi dùng tay giật dây điện thì dây điện có thể bị đứt không? Nếu dây điện bị đứt, hở thì điều gì sẽ xảy ra với bạn ở hình 5? Bạn ở hình 6 đang làm gì? Mảnh vỡ có thể làm bạn bị thương như thế nào?
- HS chỉ từng hình, trả lời và rút ra kết luận: hình 5, bạn cầm dây điện để kéo có thể bị điện giật; hình 6, bạn dùng tay trần để nhặt mảnh vỡ có thể bị đứt tay; hình 7, đứng lên ghế để với tay cầm hộp có thể bị trượt chân, ngã; bên cạnh bạn có ấm nước đang sôi, có nồi cơm điện đang sử dụng điện, nếu chạm vào có thể bị bỏng, ...

Hoạt động mở rộng:

- GV nêu câu hỏi mở rộng để HS tự liên hệ bản thân:
+ Nếu có mặt ở đó, em sẽ khuyên các bạn như thế nào?

4 Điều gì có thể xảy ra với các bạn trong hình? Vì sao?



5 Khi bị thương, bạn sẽ làm gì?



+ Để đảm bảo an toàn (tránh bị điện giật, bị bỏng, bị đứt tay) khi ở nhà, em nên chú ý điều gì?

- HS nhấn mạnh đến những việc không nên làm để đảm bảo an toàn khi ở nhà: tự ý dùng đồ điện, leo trèo, làm vỡ các đồ dùng bằng thủy tinh,...

- HS thảo luận nhóm theo yêu cầu của GV. Đại diện nhóm HS nêu cách xử lý tình huống. GV có thể gợi ý cho HS quan sát hình 8, chú ý đến bông nghĩ của bạn nhỏ để đưa ra phương án giải quyết.

- GV nhấn mạnh: Khi các em bị đứt tay hoặc bị thương cần nói ngay với bố, mẹ hoặc người lớn để có thể được giúp đỡ kịp thời. Nếu bố, mẹ và người lớn không có ở nhà, các em cần rửa sạch tay, sau đó dùng miếng băng dán y tế (hoặc miếng vài sạch) để băng vết thương lại. Nếu vẫn chảy máu cần nhờ hàng xóm giúp đưa đến cơ sở y tế hoặc gọi 115 để được giúp đỡ kịp thời.

Hoạt động mở rộng:

GV có thể hướng dẫn HS cách sử dụng miếng dán y tế (hoặc cách băng vết thương từ miếng vài nhô).

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ5: Khi bị thương, bạn sẽ làm gì?

Hoạt động nhóm 4 (hoặc theo tổ):

- GV nêu yêu cầu: Các em hãy nhớ lại nội dung bài đã học và nêu cách ứng xử trong tình huống sau: Đang ngồi xem phim hoạt hình, Lan cảm thấy rất khát nước, bạn xuống bếp và rót một cốc nước. Do vội uống để kịp lên xem tiếp phim, bạn làm rơi cốc nước xuống đất. Sợ bị mẹ mắng, Lan ngồi nhanh xuống và nhặt các mảnh vỡ để vứt vào thùng rác. Không may, bạn bị mảnh vỡ cửa vào tay và chảy máu. Lan bật khóc và lo lắng không biết nên làm gì? Các em hãy giúp Lan đưa ra cách ứng xử phù hợp nhé.

Bài 5

Ôn tập chủ đề Gia đình

YÊU CẦU CẨN ĐẶT

- Giới thiệu được các thành viên trong gia đình và nơi ở của gia đình bằng lời nói và hình ảnh.
- Chỉ ra được một số đồ dùng, vật dụng nguy hiểm cần cẩn trọng khi dùng, đảm bảo an toàn khi sử dụng.
- Đưa ra được phương án phù hợp khi xử lý tình huống liên quan đến nội dung chủ đề.
- Nhận xét được những việc mình đã thực hiện trong chủ đề.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

Video bài hát “Gia đình nhỏ, hạnh phúc to”, nhạc sĩ Nhật Tinh Anh sáng tác.

Chuẩn bị của HS:

Sản phẩm tự sưu tầm (tranh ảnh, tranh vẽ, đồ dùng, thiết bị,...) về chủ đề.

bài 5

Ôn tập chủ đề Gia đình

- 1 Giới thiệu về gia đình và ngôi nhà của bạn.



Gia đình bạn
có những ai?



Bạn và người thân
làm những việc gì
khi ở nhà?



Trong nhà bạn
có những gì?



Bạn nên làm gì
để giữ an toàn
khi ở nhà?

18

b) Chọn hình vào ô phù hợp.

Hoạt động cả lớp:

- GV treo sơ đồ các nội dung của chủ đề lên bảng, hướng dẫn HS thực hiện hoạt động: đọc câu hỏi trong từng ô, yêu cầu HS đưa hình ảnh phù hợp với ô câu hỏi đó. Hoặc GV có thể giải thích nội dung hình đã gợi ý phù hợp với câu hỏi.
- HS kiểm tra các hình của mình đã có và xếp vào ô câu hỏi phù hợp theo yêu cầu của GV.

Hoạt động nhóm theo tổ:

- HS giới thiệu hình ảnh đã có của chủ đề.
- HS trong các tổ chia sẻ các ý kiến, phương án sắp xếp hình.
- Các tổ thi đua theo yêu cầu: Tổ nào đặt hình ảnh vào nhóm phù hợp trên sơ đồ nhanh nhất, đúng nhất sẽ thắng cuộc.
- Cả lớp cùng đốm chiếu kết quả sắp xếp hình ảnh vào sơ đồ.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS nghe nhạc và hát theo lời một bài hát về gia đình. Chẳng hạn bài hát “Gia đình nhỏ, hạnh phúc to”.

Sau khi nghe xong bài hát, GV dẫn dắt vào bài.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ1: Giới thiệu về gia đình và ngôi nhà của bạn.

a) Chia sẻ các hình ảnh về gia đình.

Hoạt động cả lớp:

GV yêu cầu một số HS giới thiệu hình ảnh đã chuẩn bị sẵn về gia đình và ngôi nhà của mình.

2 Xử lý tình huống:

- Đi học về, bạn trai thấy mọi người đang làm gì?



- Bạn trai nên làm việc nào trước? Vì sao?



Lưu ý:

- Một hình ảnh HS có thể xếp vào nhiều nhóm khác nhau, nhưng cần chỉ rõ nội dung nào trong hình phù hợp với nhóm lựa chọn.
- GV khuyến khích HS sử dụng hình ảnh đã chuẩn bị sẵn về gia đình của mình để xếp vào các nhóm phù hợp.
- Tuỳ trình độ HS, GV có thể tổ chức cho HS thi đua sắp xếp hình vào nhóm phù hợp.
- Đại diện mỗi tổ giới thiệu trước lớp về hình ảnh đã được sắp xếp vào một nội dung chủ đề. Ví dụ: tổ 1 giới thiệu về hình ảnh các thành viên trong gia đình; tổ 2 giới thiệu về hình ảnh các công việc ở nhà,...
- HS cùng GV nhắc lại các nội dung chính trong chủ đề theo từng nhóm đã sắp xếp:
 - Các thành viên trong gia đình thường là: ông, bà, bố, mẹ, anh, chị, em.

+ Công việc ở nhà: nấu cơm, dọn nhà, chăm sóc nhau,...

+ Nhà ở, đồ dùng trong nhà: Có nhiều kiểu nhà khác nhau, trong nhà có nhiều đồ dùng như: giường, tủ, bàn, ghế,...

+ An toàn khi ở nhà: Tránh xa các đồ dùng, thiết bị có thể gây bỏng, gây giật điện và các đồ dùng sắc, nhọn. Nếu bị thương cần gọi người lớn hoặc dùng điện thoại gọi số 115.

HĐ2: Xử lý tình huống.

a) Mô tả tình huống.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát tình huống, trả lời câu hỏi: Trong hình có những ai? Đi học về, bạn trai thấy mọi người đang làm gì? Điều hỏi trên bạn trai ngụ ý gì?

- HS quan sát từng hoạt động của mọi người trong hình. GV giúp HS có thể nói được:

+ Hình có bố, mẹ, bạn trai và em gái nhỏ;

+ Bạn trai đi học về, bố và mẹ đang nấu cơm, còn em gái đang chơi đồ chơi.

b) Xử lý tình huống.

Hoạt động cả lớp:

- HS đặt mình vào vai bạn trai, trả lời câu hỏi: Bạn trai nên làm việc nào trước? Vì sao?

(a) Giúp bố chuẩn bị đồ nấu thức ăn.

(b) Ngồi ghế xem tivi.

(c) Cất (để) cặp vào vị trí bàn học.

(d) Ý kiến khác.

3 Bạn đã làm những việc nào dưới đây? Việc nào không nên làm?

Xin giới thiệu, gia đình
mình có năm người.



3



4



5



6



7



8

- GV yêu cầu một số HS lên bảng mô tả lại hoạt động của mọi người trong hình, đưa ra lựa chọn việc mà bạn trai nên làm trước.

- HS có thể đưa ra lựa chọn khác nhau. Các lựa chọn có thể nằm trong ba phương án gợi ý hoặc phương án các em tự nghĩ ra. GV giúp HS hiểu được, việc bạn cần làm trước tiên là tự sắp xếp đồ của mình vào đúng chỗ (hướng đến kỹ năng tự phục vụ), sau đó mới tham gia giúp bố, mẹ làm việc nhà; càng không nên ngồi ngay xuống ghế và xem ti vi.

HĐ3: Bạn đã làm những việc nào dưới đây?
Việc nào không nên làm?

20

a) Nói tên các việc làm trong từng hình.

Hoạt động cá nhân:

- Các việc làm:

Hình 3: Giới thiệu về gia đình.

Hình 4: Giới thiệu về nơi sống của gia đình.

Hình 5: Làm một số việc vừa sức để giúp đỡ gia đình (dọn cơm).

Hình 6: Nằm đọc sách, mẹ phục vụ đồ ăn.

Hình 7: Khuyên em bé tránh xa các đồ dùng có thể gây nguy hiểm (phích nước nóng).

Hình 8: Sắp xếp đồ dùng cá nhân của mình như: gấp quần, áo.

- Bản thân bạn đã làm những việc nào trong những việc trên?

b) Nhận xét việc “nên làm”, việc “không nên làm”.

- HS nhận xét trong các việc đã làm, việc nào “nên làm” và việc nào “không nên làm”.

- HS có thể nêu thêm các việc khác trong thực tế các em đã thực hiện ở gia đình. GV khuyến khích HS thực hiện các việc nhà phù hợp với lứa tuổi, chăm sóc bản thân, tự phục vụ và tránh làm những việc quá sức mình.

Chủ đề TRƯỜNG HỌC

Thời gian: Học kì 1; Tuần: 6 - 10

Thời lượng: 10 tiết

1. MỤC TIÊU

- Xác định được tên trường, vị trí lớp học, các phòng, khu vực trong trường, đồ dùng trong lớp học của mình.
- Nêu được tên các thành viên, nhiệm vụ và hoạt động chính của một số thành viên trong lớp học, trường học.
- Nhận biết và lựa chọn những hoạt động vui chơi an toàn khi ở trường.
- Làm được một số việc phù hợp để giữ lớp học sạch, đẹp.
- Thể hiện cảm xúc, thái độ tôn trọng và ứng xử phù hợp với các thành viên trong nhà trường.

2. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Lắng nghe bạn và nói được (kể, biểu đạt) về tên trường, địa chỉ của trường, các khu vực, các thành viên và hoạt động học tập vui chơi ở trường.
- **Năng lực nhận thức khoa học:** Nhận biết, mô tả về các khu vực trong trường học và các hoạt động học tập, vui chơi trong trường và lớp học.
- **Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:** Quan sát, nhận xét về nhiệm vụ và công việc của một số thành viên trong lớp học, trường học; nhận xét các hoạt động vui chơi khi ở trường.
- **Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** Phân tích được một số tình huống có nguy cơ ảnh hưởng đến sự an toàn của bản thân và người khác khi ở trường; đưa ra cách ứng xử phù hợp và ra quyết định thực hiện những việc làm đảm bảo an toàn khi ở trường và tuyên truyền bạn bè cùng giữ gìn lớp học sạch, đẹp.

CHỦ ĐỀ TRƯỜNG HỌC

BẠN SẼ HỌC

- Trường học của chúng mình
- Thành viên trong trường học
- Lớp học của chúng mình
- Hoạt động khi đến lớp
- Ôn tập chủ đề Trường học



3. THUẬT NGỮ

Đồ dùng	Giữ gìn
Hoạt động	Tôn trọng
Lớp học	Nguy hiểm
Thành viên	Thiết bị
Tình huống	Trường học
Vệ sinh	

4. TƯ LIỆU DẠY HỌC

- *Tư liệu cho GV:* SGV, Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Đồ dùng dạy học (tranh, ảnh, mô hình, video).
- *Tư liệu cho HS:* SGK, VBT, Sách mềm - VBT, Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Đồ dùng học tập (tranh, ảnh, thẻ chữ, thẻ hình).

5. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Bài/ Số tiết	Nội dung dạy học	Kỹ năng	Ghi chú/ PPDH
6 Trường học của chúng mình (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Tên trường, địa chỉ của trường, tên lớp học. Vị trí của lớp học, các phòng khác trong trường học và một số khu vực khác của nhà trường. Một số hoạt động chính ở các khu vực trong trường học. Cảm nhận của HS khi tham gia các hoạt động ở trường. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh, sơ đồ về trường học. Mô tả một số hoạt động chính trong trường học. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Liên hệ thực tế. Thảo luận cặp đôi. Tổ chức trò chơi.
7 Thành viên trong trường học (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Các thành viên trong nhà trường và nhiệm vụ của một số thành viên. Tình cảm và cách ứng xử với bạn bè, với thầy, cô giáo và các thành viên khác trong nhà trường. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát tranh, ảnh về các thành viên trong trường. Nhận xét, đánh giá tình huống có liên quan đến cách ứng xử với bạn bè, thầy cô và một số thành viên khác trong trường. 	<ul style="list-style-type: none"> Liên hệ thực tế. Quan sát. Tổ chức trò chơi.
8 Lớp học của chúng mình (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Nhiệm vụ của các thành viên có trong lớp học. Một số đồ dùng, thiết bị có trong lớp học: đồ dùng học tập của HS và các đồ dùng, thiết bị dạy học chung của lớp học. Giữ gìn và sử dụng cẩn thận đồ dùng cá nhân. Bảo vệ và sử dụng đúng cách các đồ dùng, thiết bị của lớp học. Làm một số việc phù hợp để giữ gìn lớp học sạch, đẹp. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh, thực tế. Mô tả các đồ dùng, thiết bị có trong lớp học. Sắp xếp đồ dùng học tập gọn gàng, ngăn nắp; giữ gìn lớp học sạch, đẹp. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát và liên hệ thực tế. Thảo luận cặp đôi. Thực hành.
9 Hoạt động khi đến lớp (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Một số hoạt động chính của HS khi đến lớp: hoạt động học tập các môn học ở trong và ngoài lớp. Hoạt động vui chơi trong giờ nghỉ và giữ an toàn khi vui chơi. Cảm nhận khi tham gia các hoạt động học tập và vui chơi khi đến lớp. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Ra quyết định lựa chọn chơi những trò chơi an toàn trong giờ nghỉ ở trường. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát và liên hệ thực tế. Tổ chức trò chơi. Thực hành.
10 Ôn tập chủ đề Trường học (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Cơ sở vật chất của lớp học và trường học. Các thành viên và nhiệm vụ của một số thành viên trong lớp học và trường học. Những hoạt động chính của HS ở lớp học và trường học. An toàn khi vui chơi ở trường và giữ lớp học sạch, đẹp. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Giao tiếp/Trình bày. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Thảo luận cặp đôi. Tổ chức trò chơi.

Bài 6

Trường học của chúng mình

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nói được tên trường, địa chỉ của trường.
- Nói được tên và phân biệt được vị trí của lớp mình, vị trí một số phòng chức năng có ở trường học.
- Kể được một số hoạt động chính ở trong trường học.
- Chia sẻ được cảm nhận ban đầu như vui, thích,... về nơi nào trong trường và những hoạt động nào ở trường.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Video bài hát “Đi học”, nhạc sĩ Bùi Đình Thảo (không bắt buộc).
- Tranh ảnh về trường và một số khu vực, phòng chức năng trong trường.

bài 6

Trường học của chúng mình

- 1 Nói về trường học của chúng mình.

Trường học của
bạn tên là gì?



Trường của bạn ở đâu?



- 2 Các bạn, thầy giáo, cô giáo và nhân viên y tế trong mỗi hình đang làm gì? Ở đâu?



22

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG

- HĐ1: Nói về trường học của chúng mình.

Hoạt động cặp đôi:

- HS thảo luận theo nhóm và trả lời nhanh yêu cầu của GV: Hãy nói về trường học của chúng mình.
- GV có thể gợi ý HS bằng các câu hỏi nhỏ:
 - + Trường học của chúng mình tên là gì? Ở đâu?
 - + Trường học của chúng mình có những khu vực nào?
 - + Lớp học của chúng mình ở đâu?
- GV chốt lại các ý phát biểu của HS để có câu trả lời hoàn chỉnh.

CÙNG HỌC ĐỂ PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Các bạn và thầy giáo, cô giáo trong mỗi hình đang làm gì? Ở đâu?

Hoạt động cặp đôi:

- HS chia thành các nhóm đôi, quan sát hình từ 2 đến 8 và trả lời câu hỏi: Các bạn trong mỗi hình đang làm gì? Ở đâu? Hình nào có thầy giáo, cô giáo? Các thầy giáo, cô giáo đang làm gì? Ở đâu?
- Sau câu trả lời của HS, GV có thể đặt thêm các câu hỏi để HS liên hệ như: Ở trường, em có tham gia hoạt động giống các bạn trong hình không? Em cùng các bạn tham gia hoạt động đó ở nơi nào của trường học?

Hoạt động cả lớp:

- Một số HS được GV chỉ định nêu ý kiến của mình. HS khác có thể bổ sung để cả lớp đều biết được một số hoạt động ở trường: HS có hoạt động học tập trong lớp học, hoạt động đọc sách ở thư viện, hoạt động vui chơi ở sân trường, hoạt động giáo dục thể chất ở sân tập, hoạt động khám phá ở vườn trường, hoạt động chăm sóc sức khoẻ ở phòng y tế,... Thầy giáo, cô giáo giúp các em học tập và các hoạt động khác được tốt hơn.
- Với gợi ý của GV, các HS nói trôi chảy (không phải là đọc) nội dung kiến thức vừa được khám phá.



Trường học có: phòng học, phòng giáo viên, phòng thư viện, phòng y tế,... Trường học còn có sân trường, vườn trường.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3: Cùng chơi “Chúng mình làm hướng dẫn viên”.

Hoạt động nhóm 4:

- Cả lớp nhận nhiệm vụ của GV: Có một đoàn khách đến tham quan và làm việc tại trường học của em. Em hãy đóng vai là một hướng dẫn viên và giới thiệu về trường học của mình với đoàn khách đó.
- HS trao đổi và sắm vai hướng dẫn viên trong nhóm nhỏ. GV có thể quan sát và gợi ý để HS giới thiệu về trường học của mình: Tên trường là gì? Ở trường có các khu vực nào? Lớp học của em ở vị trí nào của trường học (Ở khu vực nào? Vị trí nào trong khu vực đó?). Em và các bạn thường tham gia những hoạt động nào? Ở đâu?...
- Một số đại diện nhóm HS được bầu làm “Hướng dẫn viên” trình bày trước lớp bài hướng dẫn của mình. Các HS khác nhận xét nội dung hướng dẫn của các bạn, bình chọn hướng dẫn viên hay, có bài giới thiệu phong phú.

3 Cùng chơi “Chúng mình làm hướng dẫn viên”.



9

4 Cùng hỏi và trả lời.



24

- GV nhận xét và rút ra kết luận, nhấn mạnh lại một số khu vực trong trường học và khu vực ở đó diễn ra các hoạt động của HS, nhấn mạnh thêm một số đặc điểm về tên trường, địa chỉ của trường. Dặn dò HS cần yêu quý và giữ gìn trường học sạch, đẹp.

HĐ4: Cùng hỏi và trả lời.

Hoạt động cặp đôi:

- HS nhớ lại về các khu vực của trường học và các hoạt động đã được tham gia khi ở trường, trao đổi với bạn bên cạnh về các câu hỏi: Khi đến trường, bạn cảm thấy như thế nào? Trong trường học, bạn thích nơi nào nhất? Bạn thích được tham gia vào hoạt động nào khi ở trường?
- Một số cặp HS được chỉ định lên trước lớp thực hành hỏi - đáp theo câu hỏi. Các HS khác có thể bổ sung.
- GV nhấn mạnh đến cảm xúc tích cực của HS khi ở trường (vui, thích, phấn khởi khi đến trường) và sự cần thiết phải yêu quý, giữ gìn ngôi trường của mình.

Bài 7

Thành viên trong trường học

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nêu được những thành viên trong nhà trường học và công việc của một số thành viên.
- Phân biệt được hành động đúng và không đúng của HS trong một số tình huống liên quan đến cách ứng xử với bạn bè, thầy cô.
- Nói được tinh cảm, thái độ của bản thân với các thành viên trong trường học.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

Tranh, ảnh về một số GV và nhân viên trong trường học.

Bài 7

Thành viên trong trường học

- 1 Trường học của chúng mình có những ai?
- 2 Kể tên những thành viên trong trường học và công việc của họ.



25

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Trường học của chúng mình có những ai?

Hoạt động cả lớp:

- HS nỗi tiếp nhau trả lời nhanh câu hỏi: Trường học của chúng mình có những ai?
- GV nhận xét chung câu trả lời của HS và nói tên một số thành viên trong trường.
- GV vào bài mới.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Kể tên những thành viên trong trường học và công việc của họ.

Hoạt động cặp đôi:

- HS lần lượt trả lời những câu hỏi sau:

+ Ở hình 1 có những ai? Họ đang làm việc gì?

3 Chúng mình nên làm gì để thể hiện sự yêu quý, tôn trọng các thành viên trong trường học?



4



5

6

Trong trường học có giáo viên, học sinh, nhân viên y tế, nhân viên bảo vệ,... Chúng mình yêu quý và tôn trọng các thành viên trong trường học.

26

+ Ở hình 2 có những ai? Họ đang làm việc gì?

+ Hình 3 có phải lớp học không? Ở đó có những ai? Những người trong hình đang làm gì?

+ Ngoài những thành viên có trong hình 1, 2, 3, còn có những thành viên nào khác ở trong trường học? Em biết gì về công việc của họ?

- Từ 2 đến 3 cặp HS trả lời trước lớp, các cặp HS khác nhận xét câu trả lời của bạn. GV chỉ vào từng hình và nói về công việc của cô hiệu trưởng, thầy giáo, cô giáo và nhân viên thư viện.

- HS tự liên hệ và trả lời câu hỏi: *Trường học của chúng mình có những ai? Họ làm công việc gì ở trường?* HS có thể chia sẻ câu trả lời với bạn ngồi bên cạnh. GV quan sát và có thể nêu các câu hỏi gợi ý để HS dễ trả lời. Ví dụ: Hôm nay đến trường, các em đã gặp những ai? Em gặp người đó lúc nào? Em có biết tên thầy (cô) hiệu trưởng, phó hiệu trưởng của trường mình không? Tên của các thầy (cô) trực tiếp dạy các em là gì? Em thấy thầy (cô) giáo thường làm những công việc gì ở trường học? Hằng ngày, em thường thấy nhân viên bảo vệ làm những việc gì?...

- Từ 2 đến 3 HS được chỉ định trả lời câu hỏi trước lớp. Các HS khác nhận xét câu trả lời của các bạn. GV nhấn mạnh: Trường học của chúng ta có nhiều thành viên: các thầy (cô) hiệu trưởng, phó hiệu trưởng; các thầy (cô) giáo trực tiếp dạy các em; các bạn HS; nhân viên bảo vệ, nhân viên y tế, nhân viên thư viện,... Tất cả các thành viên cùng tham gia làm việc để đảm bảo cho hoạt động học tập và vui chơi của các em được tốt nhất.

- GV có thể chuẩn bị ảnh gồm một số thành viên trong trường chiếu lên bảng cho HS quan sát. Sau đó, từ 2 đến 3 HS lên bảng chỉ và giới thiệu từng thành viên trong ảnh.

HĐ3: Chúng mình nên làm gì để thể hiện sự yêu quý, tôn trọng các thành viên trong trường học?

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát các hình 4, 5, 6 và thảo luận. Sau đó, GV tổ chức cho từng cặp HS lên bảng, chỉ vào từng hình và hỏi - đáp theo các câu hỏi: *Các bạn trong từng hình đang làm gì? Tại sao các bạn lại làm như vậy? Em nên làm gì để thể hiện sự yêu quý, tôn trọng các thành viên trong trường học?*

- HS cùng GV nhận xét và rút ra kết luận: Chúng ta cần có những hành động đúng đắn bày tỏ sự tôn trọng, yêu quý và biết ơn đối với các thành viên trong trường như: chào hỏi lễ phép, cảm ơn khi được giúp đỡ, biết chúc mừng trong những ngày vui của thầy, cô giáo, của các nhân viên trong trường học và làm những việc phù hợp để giúp đỡ các thành viên trong trường học khi cần thiết,...

- GV gợi ý cho HS nói được: *Trường học có GV, HS, nhân viên y tế, nhân viên bảo vệ,... Các em cần đoàn kết với bạn bè, tôn trọng và biết ơn các thành viên trong trường.*

4 Cùng chơi “Ai? Làm gì?”.



7

5 Hãy chọn cách ứng xử đúng.



8



9

27

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ4: Cùng chơi “Ai? Làm gì?”.

Hoạt động cả lớp:

- HS quan sát hình 7 và lắng nghe GV hướng dẫn cách chơi: Một HS lên bảng, đứng quay lưng về phía cả lớp. GV lấy một tấm hình (chân dung) về một thành viên trong nhà trường và gắn vào lưng của bạn HS đứng trên bảng. Các HS khác dưới lớp nhìn tấm hình và nói các thông tin: Thành viên đó đang làm gì trong hình? Ở đâu?... HS đứng trên bảng nghe thông tin của các bạn và nêu được tên công việc, địa điểm tiến hành công việc ở trường của thành viên đó.
- Kết thúc trò chơi, GV có thể hỏi thêm: *Em có yêu quý, tôn trọng các thành viên trong trường học của mình không? Em đã làm gì để thể hiện sự yêu quý, tôn trọng đó?*
- GV nhận xét và nhấn mạnh: Có rất nhiều thành viên trong trường học của chúng ta. Mỗi người đều có một công việc riêng,... Chúng ta cần yêu quý, tôn trọng đối với tất cả các thành viên đó.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ5: Hãy chọn cách ứng xử đúng.

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát hình 8, 9 và suy nghĩ theo câu hỏi: *Các bạn trong từng hình đang làm gì? Em đồng tình hay không đồng tình với hành động của bạn nào trong hình? Tại sao?*
- HS thảo luận theo câu hỏi: *Tại sao bạn lại chọn/không chọn hành động này?*
- Từ 2 đến 3 cặp HS lên bảng hỏi - đáp và giải thích sự lựa chọn của cặp mình trước lớp.
- GV nhận xét và rút ra kết luận, nhấn mạnh lại thái độ và cách ứng xử cần có của HS với các thành viên trong trường: Các em cần xung hô lễ phép, chào hỏi đúng cách khi gặp các thầy, cô giáo. Yêu thương bạn bè và biết giúp đỡ các bạn gặp khó khăn khi cần thiết để cùng nhau học tập tốt.

Lớp học của chúng mình

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Kể được tên các đồ dùng học tập của bản thân và các đồ dùng, thiết bị dạy học chung có trong lớp học.
- Trình bày được một số việc để giữ gìn và sử dụng cẩn thận đồ dùng học tập cá nhân và các đồ dùng, thiết bị dạy học chung của cả lớp.
- Đưa ra được ý kiến của bản thân trong một số tình huống liên quan đến việc giữ gìn, sử dụng đồ dùng trong lớp học.
- Thực hành làm một số việc để giữ vệ sinh lớp học sạch, đẹp.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

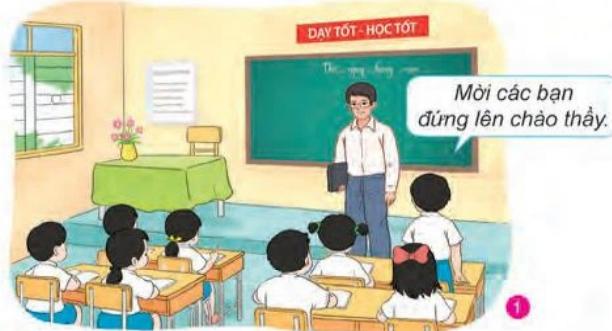
Video bài hát “Em yêu trường em”, nhạc và lời Hoàng Vân (không bắt buộc).

Chuẩn bị của HS:

Chổi, hót rác, khẩu trang, khăn lau.

1 Nói về lớp học của chúng mình.

2 Kể tên và nhiệm vụ của các thành viên trong lớp học.



3 Quan sát và kể tên những đồ dùng, thiết bị có trong lớp học.



28

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Nói về lớp học của chúng mình.

Hoạt động cả lớp:

- HS nói tiếp nhau trả lời nhanh yêu cầu của GV: *Hãy nói một điều về lớp học của chúng mình.*
- GV khai quát, nhận xét chung các câu trả lời của HS và kết nối vào HĐ khám phá.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Kể tên và nhiệm vụ của các thành viên trong lớp học.

Hoạt động cả lớp:

HS trả lời nhanh câu hỏi: *Em hãy đoán xem, bạn đứng trong hình 1 làm nhiệm vụ gì trong lớp học? Em biết gì về công việc của bạn đó?*

Hoạt động cặp đôi:

- HS thảo luận cặp đôi theo câu hỏi. Kể tên các bạn lớp trưởng, lớp phó, tổ trưởng,... trong lớp của em. Hàng ngày, các bạn đó làm nhiệm vụ gì? Việc làm của các bạn đó có lợi gì cho hoạt động chung của cả lớp?
- Một số cặp HS trình bày trước lớp. GV nhận xét và nêu lại tên của một số bạn làm nhiệm vụ quản lí, giúp đỡ lớp học.

4 Bạn đồng ý với hành động nào trong mỗi hình? Vì sao?



3

HĐ3: Quan sát và kể tên những đồ dùng, thiết bị có trong lớp học.

a) Liên hệ về lớp học của HS.

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát lớp học và xung quanh chỗ ngồi, thực hiện yêu cầu: Kể nhanh tên những đồ dùng học tập của em và những đồ dùng chung có trong lớp học của em.
- HS trao đổi với bạn theo câu hỏi: Nêu ích lợi của những đồ dùng này. (GV có thể gợi ý để HS trả lời bằng cách nêu lại tên một số đồ dùng và hỏi HS: *Những đồ dùng này được dùng để làm gì?*...).
- GV nhận xét, nêu lại tên các đồ dùng trong lớp học và ích lợi của chúng.

b) Quan sát và khai thác nội dung hình 2.

Hoạt động cả lớp:

- HS quan sát hình 2 và trả lời câu hỏi: *Lớp học của các bạn trong hình có những đồ dùng nào? Có những đồ dùng nào mà lớp học của chúng mình không có?*
- GV chỉ định từ 2 đến 3 HS lên bảng chỉ vào hình và trả lời câu hỏi. GV nêu nhận xét về các câu trả lời của HS và nhấn mạnh: Mỗi bạn HS đều có đồ dùng học tập riêng; ở lớp học có những đồ dùng chung như: bảng, phấn; bảng to giúp các em quan sát bài học, ghi chép để hiểu bài; năm điều Bác Hồ dạy nhắc nhở em phấn đấu học tập, rèn luyện tốt; những bài làm tốt, những bức vẽ đẹp treo quanh lớp để giúp em học hỏi bạn; bàn, ghế giúp các em ngồi học bài,... Vì thế, các em cần bảo vệ và giữ gìn chúng nhé!



4

Trong lớp học có bảng, bàn, ghế, sách, vở, bút,... Chúng mình cần giữ gìn và sử dụng cẩn thận, đúng cách các đồ dùng, thiết bị.

29

HĐ4: Bạn đồng ý với hành động nào trong mỗi hình? Vì sao?

Hoạt động cặp đôi:

HS quan sát hình 3, 4 và thảo luận theo câu hỏi: *Các bạn trong từng hình đang làm gì? Em đồng ý hay không đồng ý với hành động của bạn nào? Tại sao?*

Hoạt động cả lớp:

Với mỗi hình 3, 4, GV chỉ định 2 đến 3 cặp HS lên bảng hỏi - đáp (có thể kết hợp chỉ vào hình GV treo trên bảng). HS và GV cùng nhận xét từng hình.

Lưu ý: Trong mỗi hình đều có những hành động đúng và chưa đúng liên quan đến việc giữ gìn đồ dùng, vệ sinh lớp học. Do đó, khi kết luận, GV có thể nhấn mạnh đến cả hành động đúng và chưa đúng để HS có thể phân biệt được, từ đó bày tỏ ý kiến đồng ý, ủng hộ những hành động đúng.

5 Thực hành vệ sinh lớp học.

Chúng mình cần chuẩn bị những gì?



5



6

Chúng mình cùng nhau
giữ gìn lớp học
sạch, đẹp nhé!

30

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ5: Thực hành vệ sinh lớp học.

- a) **Nhiệm vụ thực hành 1: Sắp xếp đồ dùng cá nhân đúng chỗ, gọn gàng.**

Hoạt động cả lớp:

HS quan sát chỗ ngồi của mình, sắp xếp lại sách, vở, bút, treo cặp đúng chỗ, nhặt rác quanh chỗ ngồi, lau sạch bàn, ghế,... Các HS ngồi gần nhau quan sát, kiểm tra nhau sau khi thực hành xong.

- b) **Nhiệm vụ thực hành 2: Sắp xếp đồ dùng chung của cả lớp.**

Hoạt động nhóm 4 (hoặc nhóm 6):

- HS chia thành các nhóm nhỏ theo sự phân công và hướng dẫn của GV. HS di chuyển đến các góc trong lớp để sắp xếp, dọn dẹp đồ dùng sao cho đúng chỗ, gọn gàng, ngăn nắp.

- GV quan sát các nhóm và đi đến từng nhóm để hướng dẫn các em khi cần thiết.

- Sau khi thực hành xong, GV nhận xét, khen ngợi HS. Để giúp HS thấy được kết quả của thực hành vệ sinh đối với lớp học, GV có thể cho HS quan sát lại toàn cảnh lớp sau khi thực hành hoặc nêu những điều tốt mà các em vừa thực hiện được.

- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi: Sau khi tham gia các hoạt động thực hành vệ sinh lớp học, các em có suy nghĩ gì? Việc làm của các em có ích như thế nào?

- GV nhận xét và nhấn mạnh: Có rất nhiều đồ dùng trong lớp học của chúng ta. Các em phải chú ý sắp xếp chúng gọn gàng để khi cần chúng ta có thể lấy được ngay, không mất thời gian tìm kiếm; sử dụng đồ dùng cẩn thận để chúng có thể dùng được lâu hơn...

Hoạt động khi đến lớp

YÊU CẦU CẨN ĐẠT

- Kể được các hoạt động chính của HS khi đến lớp.
- Phân biệt và lựa chọn được những hoạt động vui chơi an toàn và không an toàn trong giờ nghỉ ở trường.
- Nói được những cảm nhận của bản thân khi tham gia các hoạt động học tập và vui chơi ở lớp.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

Ảnh chụp hoặc ảnh vẽ về các hoạt động (học tập và vui chơi) của HS khi đến lớp.

Chuẩn bị của HS:

Mỗi nhóm chuẩn bị một miếng bìa cát tông hình tròn, một bức tranh về hoạt động trò chơi gây nguy hiểm đã cắt thành hình tròn bé hơn miếng bìa cát tông, một hộp bút màu, hai dải giấy màu đỏ, một hộp keo dán.

Hoạt động khi đến lớp

- 1 Khi đến lớp, chúng mình được tham gia những hoạt động nào?
- 2 Quan sát và nói về hoạt động học tập của các bạn trong từng hình.



31

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG

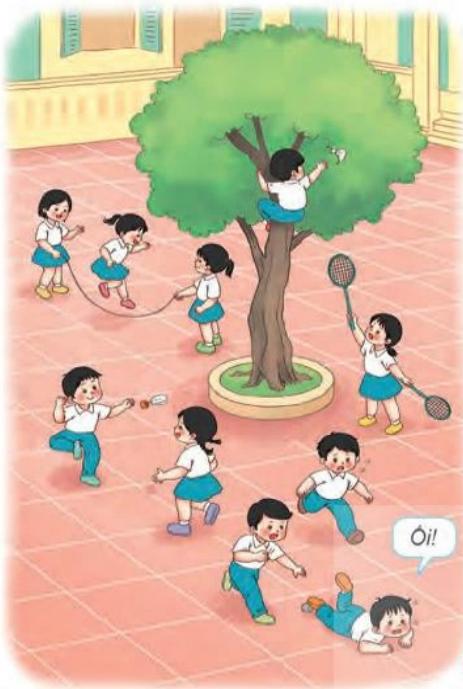
HĐ1: Khi đến lớp, chúng mình được tham gia những hoạt động nào?

Hoạt động cả lớp:

HS trả lời nhanh câu hỏi của GV: Khi đến lớp, chúng mình được tham gia những hoạt động nào? hoặc GV có thể tổ chức cho HS tham gia trò chơi để tạo hứng thú vào bài học.

- *GV dẫn dắt vào nội dung bài học:* Các em tham gia trò chơi có vui không? Khi đến lớp, bên cạnh việc học tập, các em còn được tham gia các trò chơi tập thể rất vui và nhiều hoạt động khác.

3 Các bạn tham gia những hoạt động nào trong giờ ra chơi?
Để an toàn, chúng mình chọn trò chơi nào?



Khi đến lớp, chúng mình được tham gia nhiều hoạt động học tập. Giờ ra chơi, chúng mình cùng vui chơi an toàn.



- GV chỉ định 2 đến 3 HS trả lời. GV nhận xét và kết luận (có thể dùng máy chiếu hoặc tranh, ảnh về các hoạt động học tập ở lớp học, vừa chỉ vừa kết luận): Ở lớp học, em và các bạn được thầy, cô giáo hướng dẫn và tổ chức tham gia nhiều hoạt động học tập khác nhau: cùng nhau viết trong giờ tập viết, cùng nhau học tập trong các giờ học ngoài trời của môn Tự nhiên và Xã hội, cùng nhau học hát trong giờ học của môn Âm nhạc, cùng nhau học thể dục ở sân tập,...

HĐ3: Các bạn tham gia những hoạt động nào trong giờ ra chơi? Để an toàn, chúng mình chọn trò chơi nào?

Hoạt động cặp đôi:

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Quan sát và nói về hoạt động học tập của các bạn trong từng hình.

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát các hình từ 1 đến 5, thảo luận với bạn theo câu hỏi: Các bạn trong từng hình đang tham gia hoạt động học tập nào? Chúng mình đã từng tham gia các hoạt động học tập giống các bạn trong hình chưa?
- Với mỗi hình, một cặp HS được chỉ định lên trước lớp để trả lời.
- Sau khi HS trả lời xong các câu hỏi đối với mỗi hình, GV đặt thêm câu hỏi: Ngoài những hoạt động học tập của các bạn trong hình, em và các bạn còn được tham gia các hoạt động học tập nào khác?

- HS quan sát hình 6 và trả lời câu hỏi: Các bạn *đang tham gia các hoạt động vui chơi như thế nào?*
- Sau khi suy nghĩ, HS thảo luận với bạn về câu hỏi: *Hoạt động vui chơi nào của các bạn trong hình có thể gây nguy hiểm? Bạn đã từng tham gia hoạt động vui chơi giống bạn trong hình chưa?*
- GV chỉ định 2 đến 3 HS trả lời câu hỏi trước lớp, GV nhấn mạnh: Bên cạnh các hoạt động học tập, khi đến lớp, chúng mình còn vui chơi cùng nhau. Để đảm bảo an toàn, chúng mình không nên trượt trên tay vịn cầu thang, leo lên cây cao, trèo lên lan can, chạy đuổi bắt nhau, đứng lên ghế, vì có thể xảy ra ngã, va quệt vào người khác.
- Với gợi ý của GV, HS nói được kiến thức cần ghi nhớ:

Khi đến lớp, chúng mình được tham gia nhiều hoạt động học tập. Giờ ra chơi, chúng mình cùng vui chơi an toàn.

4 Chia sẻ với bạn về hoạt động mình yêu thích.



9

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ4: Chia sẻ với bạn về hoạt động mình yêu thích.

Hoạt động cặp đôi:

HS thảo luận với bạn theo câu hỏi: Bạn thích được tham gia những hoạt động nào khi đến lớp? Khi tham gia hoạt động đó, các bạn thường làm gì?

Hoạt động cả lớp:

GV chỉ định 2 đến 3 cặp HS trình bày kết quả thảo luận trước lớp. GV và HS cùng nhận xét phần trình bày của các nhóm. GV nhấn mạnh: Mỗi bạn đều có những sở thích riêng và đều có những hoạt động yêu thích riêng. Chúng mình cùng nhau hợp tác, tham gia các hoạt động học tập vui vẻ để đạt được kết quả tốt nhất.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ5: Làm biển báo trò chơi nguy hiểm.

Hoạt động nhóm 4:

a) Chuẩn bị.

HS ngồi thành các nhóm từ 4 đến 6 HS. Đặt những vật liệu đã chuẩn bị lên bàn.

b) Thực hành làm biển cảnh báo.

Bước 1: HS dán tranh trò chơi nguy hiểm lên tấm bìa cát tông.

Bước 2: Dùng bút màu đو tó viền tròn lên chỗ bìa cát tông.

Bước 3: Dán chéo hai dải giấy màu đو lên bức tranh.

5 Làm biển báo trò chơi nguy hiểm.



10

33

c) Trưng bày sản phẩm trước lớp.

- Mỗi nhóm HS mang sản phẩm của nhóm lên trình bày và giới thiệu trước lớp. Cả lớp bình chọn và khen ngợi các nhóm.

- GV nhận xét, khen ngợi HS về quá trình hoạt động thực hành và kết quả thực hành của các nhóm.
- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi: Sau khi tham gia hoạt động thực hành, các em có suy nghĩ gì? Việc làm của các em có ích như thế nào?
- GV nhận xét và nhấn mạnh: những trò chơi có thể gây nguy hiểm HS không nên tham gia khi ở lớp và tuyên truyền, nhắc nhở các bạn HS khác ở trường không nên tham gia trò chơi nguy hiểm để đảm bảo an toàn.

Bài 10

Ôn tập chủ đề Trường học

YÊU CẦU CẨN ĐẠT

- Giới thiệu và trình bày được về những bức tranh đã vẽ, những điều HS biết về các khu vực trong trường; các đồ dùng, thiết bị trong lớp học; tên và công việc của một số thành viên trong nhà trường; những hoạt động bản thân được tham gia ở trường.
- Trình bày được những việc bản thân HS đã thực hiện để giữ gìn trường, lớp sạch, đẹp.
- Tự đánh giá việc giữ vệ sinh lớp học và những điều đã thực hiện được trong chủ đề.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của HS:

Sản phẩm tự sưu tầm (tranh ảnh, tranh vẽ, đồ dùng, thiết bị) về chủ đề.

bài 10

Ôn tập chủ đề Trường học

1 Giới thiệu về trường học của bạn.



Trường học
của bạn có
những gì?

Trường học
của bạn có
những ai?



Ở trường,
bạn được
tham gia
những hoạt
động nào?

Bạn đã
làm gì để
giữ gìn
lớp học
sạch, đẹp?



34

1

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

- HS nghe nhạc và hát theo lời bài hát về trường học.
- GV dẫn dắt vào bài học.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ1: Giới thiệu về trường học của bạn.

- a) Quan sát, trả lời câu hỏi và sắp xếp hình ảnh vào sơ đồ trường học.

Hoạt động nhóm 4 (hoặc theo tổ):

- Từng nhóm HS ngồi theo sự phân công của GV.
- Các nhóm HS lắng nghe GV đọc câu hỏi gợi ý trong sơ đồ.
- HS sắp xếp các hình ảnh đã chuẩn bị sẵn về trường học của mình như: các hình ảnh về khu vực, phòng chức năng của trường; các hình ảnh về thầy, cô giáo, các thành viên khác trong trường học; các hình ảnh về những hoạt động học tập, vui chơi của các bạn

2 Xử lý tình huống:

- Quan sát tình huống.



- Bạn đồng ý với phương án nào sau đây? Vì sao?



Bạn có phương án nào khác không?



35

trong lớp học, trường học; các hình ảnh về những việc làm giữ gìn, vệ sinh lớp học, trường học,... vào vị trí phù hợp trong sơ đồ.

b) Giới thiệu hình ảnh về trường học.

Hoạt động nhóm 4 (hoặc theo tổ):

Sau khi hoàn thành sơ đồ về trường học, các nhóm HS cùng nhau giới thiệu về trường học của mình theo các câu hỏi gợi ý và những hình ảnh đã được sắp xếp trong sơ đồ. Khi giới thiệu về trường học, GV có thể gợi ý để HS có thể nói được những câu đơn giản như: Đây là trường học của chúng mình, trường học của mình có các khu vực Đây là cô giáo của chúng mình. Ở trường học, chúng mình được tham gia Chúng mình cùng nhau để giữ gìn trường học sạch, đẹp.

Hoạt động cả lớp:

- GV treo sơ đồ các nội dung của chủ đề lên bảng. Các nhóm lên trước lớp giới thiệu về trường học theo sơ đồ đã gắn hình ảnh của nhóm mình. GV và HS cùng nhận xét và bình chọn nhóm có lời giới thiệu hay.
- HS cùng GV tổng kết lại các nội dung chính trong chủ đề theo từng ô đã sắp xếp ở trên:
 - + Trong trường học thường có: khu vực phòng học, khu vực nhà vệ sinh, khu vực vườn trường, sân chơi, bãi tập thể dục,...
 - + Ở trường có: các thầy, cô giáo, các bạn HS, nhân viên bảo vệ, nhân viên y tế,...
 - + Ở trường, em và các bạn được tham gia nhiều hoạt động học tập ở trong lớp và ngoài lớp; hoạt động vui chơi vận động, đọc sách,.... trong giờ nghỉ.
 - + Em cần bảo quản, giữ gìn đồ dùng học tập gọn gàng; sử dụng đúng cách các đồ dùng của lớp học và làm những việc phù hợp để giữ gìn lớp học sạch, đẹp.

3 Bạn đã thực hiện những việc nào dưới đây?



HĐ3: Bạn đã thực hiện những việc nào dưới đây?

Hoạt động cá nhân:

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ2: Xử lí tình huống.

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát tình huống thể hiện trong hình 2, thảo luận và trả lời câu hỏi: Các bạn trong hình đang làm gì? Bạn gái đã nói gì với bạn trai? Nếu em là bạn trai trong tình huống đó, em sẽ xử lí như thế nào?
- HS quan sát hai hình (a), (b) để đưa ra lựa chọn hoặc có thể đưa ra phương án xử lí của mình (c).

Hoạt động cả lớp:

Một số HS được chỉ định lên trước lớp nêu cách lựa chọn của mình. GV nhận xét và đặt câu hỏi *Tại sao?* khi HS đưa ra cách lựa chọn, GV yêu cầu HS giải thích rõ hơn về sự lựa chọn của mình. GV nhấn mạnh đến những việc HS không nên làm để đảm bảo an toàn khi ở trường: không leo trèo lên bàn, ghế, lên cây; không chạy nhanh, đuổi bắt nhau trong giờ ra chơi,...

- HS quan sát các hình từ 3 đến 7 và nói được việc đã thực hiện và chưa thực hiện được.

- Tuỳ vào thực tế HS thực hiện được hoặc chưa thực hiện được các hoạt động như các bạn HS trong hình mà có câu trả lời. Những việc HS cần làm trong chủ đề là: chào hỏi lễ phép với thầy, cô giáo, các nhân viên khác trong trường; nghiêm trang khi chào cờ; bỏ rác đúng nơi quy định; giữ gìn đồ dùng trong lớp học; chú ý nghe lời thầy, cô giáo giảng bài, tích cực phát biểu xây dựng bài,...

- HS có thể nêu thêm các việc khác các em đã thực hiện được ở trường.

- GV khen ngợi những HS đã thực hiện được nhiều việc và khuyến khích cả lớp thực hiện tốt nhiều việc theo quy định của trường học.

Chủ đề CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

Thời gian: Học kì 1; Tuần: 11 – 15;
Thời lượng: 10 tiết

1. MỤC TIÊU

- Nhận biết và mô tả được đặc điểm về quang cảnh xung quanh nơi sống của mình.
- Nhận biết và nói được tên, lợi ích của một số công việc của người dân trong cộng đồng.
- Nhận biết và nêu được ý nghĩa của một số biển báo và đèn tín hiệu giao thông.
- Kể được một số hoạt động thường ngày của người dân và hoạt động trong các dịp Tết và lễ hội năm mới.
- Thể hiện sự tham gia vào một số hoạt động tại nơi mình sống và cảm nhận sự gắn bó với cộng đồng.
- Thể hiện sự quý trọng bản thân, người khác và thực hiện quy tắc an toàn khi tham gia giao thông tại cộng đồng.

2. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Lắng nghe bạn và nói được (kể, mô tả) về quang cảnh địa phương, công việc của những người xung quanh, công việc yêu thích, hoạt động yêu thích trong dịp Tết và lễ hội năm mới, làm việc nhóm trong một số hoạt động học tập.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Biết lựa chọn cách xử lí phù hợp trong những tình huống (giả định) liên quan đến an toàn ở trên đường và giữ gìn cộng đồng nơi sống sạch, đẹp.
- Năng lực nhận thức khoa học:** Nhận biết bản thân là một phần trong cộng đồng; mô tả được các sự vật tự nhiên và hiện tượng xã hội ở cộng đồng; nhận biết được ý nghĩa của đèn tín hiệu giao thông và một số biển báo giao thông; phân biệt được công việc của những người dân trong cộng đồng; so sánh, phân loại được một số sự vật, hiện tượng trong cộng đồng (quang cảnh, hoạt động của người dân) theo một số tiêu chí đơn giản.

CHỦ ĐỀ CỘNG ĐỒNG ĐỊA PHƯƠNG

BẠN SẼ HỌC

- Nơi chúng mình sống
- Người dân trong cộng đồng
- An toàn trên đường đi
- Tết và lễ hội năm mới
- Ôn tập chủ đề Cộng đồng địa phương



- **Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:** Quan sát, mô tả, phân biệt được một cách đơn giản một số đặc điểm của quang cảnh trong cộng đồng (nông thôn hoặc thành thị); đặt được câu hỏi về quang cảnh địa phương, công việc của người dân trong cộng đồng, các hoạt động trong dịp Tết và lễ hội năm mới.

- **Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** Phân tích được một số tình huống về an toàn trên đường đi, một số hành động gây ảnh hưởng không tốt đến môi trường sống trong cộng đồng và đưa ra được cách ứng xử phù hợp; nhận xét được cách ứng xử trong mỗi tình huống.

3. THUẬT NGỮ

An toàn	Công việc	Cộng đồng	Lễ hội
Giao thông	Nguy hiểm	Quang cảnh	Trân trọng
Sum họp	Tình huống	Tết Nguyên đán	

4. TƯ LIỆU DẠY HỌC

- Tư liệu cho GV:* SGV, Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Đồ dùng dạy học (tranh, ảnh, mô hình, video).
- Tư liệu cho HS:* SGK, VBT, Sách mềm - VBT, Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Đồ dùng học tập (tranh, ảnh, thẻ chữ, thẻ hình).

5. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Bài/ Số tiết	Nội dung dạy học	Kỹ năng	Ghi chú/PPDH
11 Nơi chúng mình sống (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Quang cảnh và một số công trình công cộng nơi mình sống: cây xanh, ruộng, vườn, nhà ở, trường học, cửa hàng, chợ, vườn hoa, đường phố, một số phương tiện giao thông,... Tình cảm gắn bó với nơi mình sống thông qua việc tham gia một số hoạt động chung trong cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Giao tiếp (hỏi và trả lời)/biểu đạt khi mô tả về quang cảnh nơi mình sinh sống, nơi mình yêu thích hay các hoạt động tham gia trong cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Liên hệ thực tế. Trao đổi, hoạt động.
12 Người dân trong cộng đồng (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Một số công việc của người dân trong cộng đồng: làm nông nghiệp, đi biển, bán hàng, dạy học, khám bệnh, làm vệ sinh môi trường, chăm sóc cảnh quan, môi trường,... Lợi ích của mỗi công việc mang lại cho người dân ở địa phương. Một số hoạt động của HS giúp ích cho cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Giao tiếp/biểu đạt: Giới thiệu được một số công việc của người dân trong cộng đồng và lợi ích của các công việc đó; chia sẻ về hoạt động đã làm để giúp ích cho cộng đồng. 	<ul style="list-style-type: none"> Liên hệ thực tế. Quan sát hình ảnh. Lắng nghe, trao đổi và chia sẻ.
13 An toàn trên đường đi (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Một số tình huống nguy hiểm xảy ra trên đường đi và cách phòng tránh tai nạn khi đi bộ trên đường và đi qua đường sắt,... Ý nghĩa một số biển báo: biển báo dành cho người đi bộ, biển báo nguy hiểm,... và đèn tín hiệu giao thông. Thực hành đi bộ qua đường theo mô hình. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Liên hệ thực tế đi đường hằng ngày. Giao tiếp/biểu đạt: Hỏi và trả lời về các tình huống trên đường đi, ý nghĩa của đèn tín hiệu giao thông và một số biển báo giao thông. Thực hành đi bộ an toàn theo mô hình. 	<ul style="list-style-type: none"> Liên hệ thực tế. Quan sát hình ảnh. Trao đổi, hoạt động. Xử lý tình huống. Thực hành đi bộ theo mô hình.
14 Tết và lễ hội năm mới (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Thời gian diễn ra Tết Nguyên đán. Một số hoạt động để chuẩn bị và đón Tết Nguyên đán. Một số hoạt động HS đã tham gia trong dịp Tết Nguyên đán. Một lễ hội đầu năm mới: thời gian diễn ra lễ hội, hoạt động của người dân trong lễ hội, hoạt động mà HS đã tham gia trong lễ hội. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Giao tiếp: Hỏi và trả lời về ngày Tết Nguyên đán hoặc lễ hội năm mới; mô tả được một số công việc/hoạt động trước và trong dịp đón năm mới. Tạo được sản phẩm: cắt, dán, vẽ, hoặc sưu tầm hình ảnh... về chủ đề ngày Tết và lễ hội năm mới. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh và liên hệ thực tế. Làm việc nhóm. Thực hành làm sản phẩm về ngày Tết và lễ hội năm mới.
15 Ôn tập chủ đề Cộng đồng địa phương (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Quang cảnh làng xóm, đường phố ở nơi HS sống: cây xanh, ruộng, vườn, nhà ở, chợ, công viên, đường phố, phương tiện giao thông,... Một số hoạt động của người dân trong cộng đồng: những công việc diễn ra hằng ngày, hoạt động trong dịp lễ hội truyền thống (Tết năm mới). An toàn trên đường đi: An toàn khi đi bộ trên đường. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Giao tiếp: Giới thiệu được sản phẩm đã thực hiện trong chủ đề. Trình bày, sắp xếp hình ảnh theo một số tiêu chí. Đưa ra quyết định để giải quyết một số tình huống liên quan đến nội dung chủ đề. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Xử lý tình huống. Làm việc nhóm. Trao đổi, hoạt động.

Bài 11

Nơi chúng mình sống

YÊU CẦU CẨN ĐẠT

- Mô tả được một số nét về quang cảnh ở địa phương nơi sinh sống.
- Đặt được câu hỏi và trả lời về quang cảnh ở một số khu vực, vùng miền.
- Nói được một hoạt động đã tham gia trong cộng đồng.
- Có ý thức tham gia các hoạt động chung, góp phần bảo vệ môi trường trong cộng đồng sạch, đẹp.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Một bài hát về quê hương, ví dụ bài hát “Quê hương tươi đẹp”, Dân ca Nùng, lời Anh Hoàng.
- Tranh, ảnh về một số địa danh/khu vực hay hình ảnh đặc trưng về cộng đồng ở địa phương.

Chuẩn bị của HS:

Tranh, ảnh về một số địa danh/khu vực ở địa phương.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Bạn đang sống ở đâu? Nói về nơi bạn sống.

Hoạt động cả lớp:

- HS xem video bài hát “Quê hương tươi đẹp”.
- GV đặt câu hỏi để khai thác nội dung bài hát liên quan đến bài học như: *Bạn nhớ trong bài hát nghĩ gì về quê hương, về nơi sống của mình? Quê hương của bạn nhỏ trong bài hát có gì đẹp?*
- HS trả lời câu hỏi tuỳ thuộc vào nhận thức của từng cá nhân.
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi và nói về nơi HS sống.
- Một số HS trả lời câu hỏi.

bài 11

Nơi chúng mình sống

1 Bạn đang sống ở đâu? Nói về nơi bạn sống.

2 Quan sát và nói về quang cảnh trong hình.



38

- Mỗi chúng ta đều có nơi sinh sống của mình, đó là nơi chúng ta gắn bó, gọi là quê hương. Mỗi nơi chúng ta sống đều có vẻ đẹp riêng. Hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu xem nơi chúng ta sống có những gì nhé!

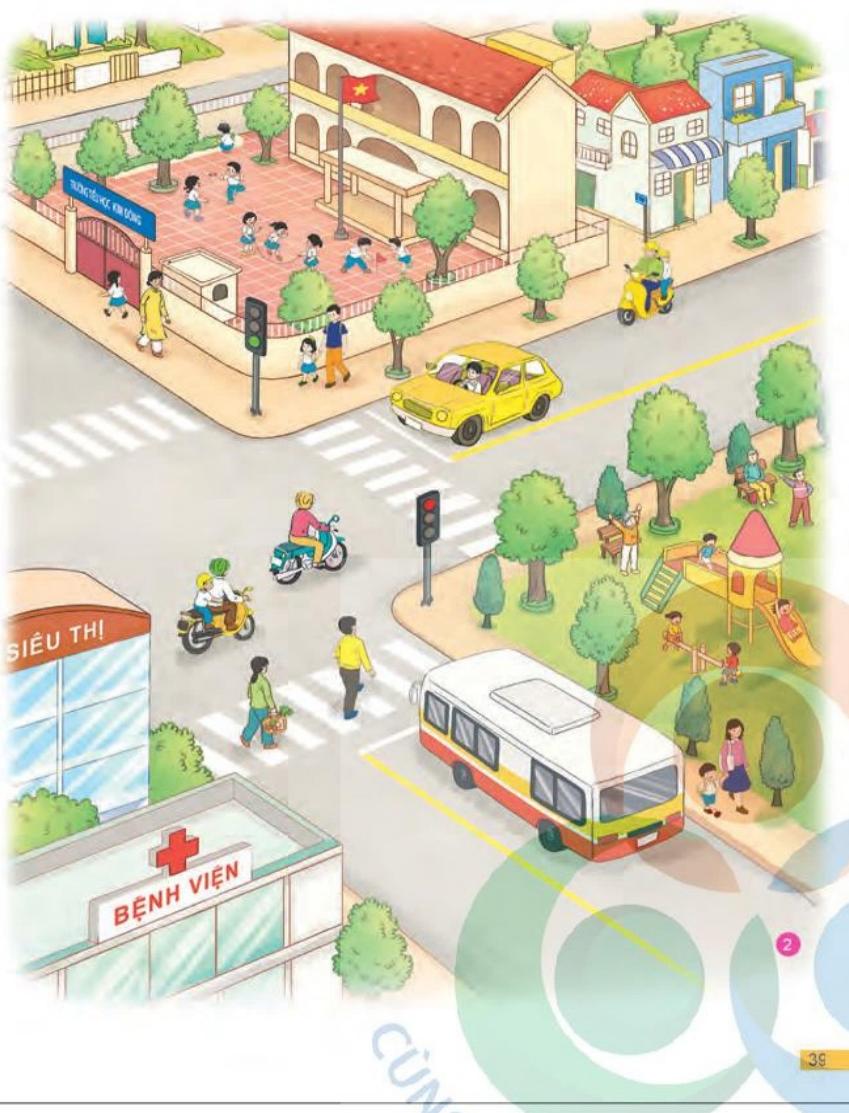
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Quan sát và nói về quang cảnh trong hình.

Hoạt động nhóm 4:

- Từng nhóm HS quan sát hình 1 (quang cảnh nông thôn) hoặc hình 2 (quang cảnh thành thị), thực hiện nhiệm vụ: *Quan sát và kể những gì em thấy trong hình.*
- GV đưa ra một số câu hỏi gợi ý (*Em quan sát thấy cảnh gì? Mọi người trong hình đang làm gì?*) để HS tập trung vào các đối tượng quan sát. GV cần khai thác bối cảnh trong hình phù hợp với quang cảnh ở địa phương HS sống.

Lưu ý: Ở nông thôn, GV đặt những câu hỏi khai thác quang cảnh về cánh đồng lúa, trường học, chợ,...; ở thành thị, GV đặt những câu hỏi khai thác quang cảnh về đường giao thông, trường học, công viên, nhà cao tầng,...



Hoạt động cả lớp:

- Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp. Những HS khác có thể bổ sung câu trả lời của bạn, GV gợi ý để HS nói được:

- + Hình 1: Quang cảnh ở nông thôn có cổng làng, con đường làng có mọi người đang đi lại,...
- + Hình 2: Quang cảnh ở thành thị có nhiều nhà, siêu thị, trường học, công viên,...

Lưu ý: GV sưu tầm thêm tranh, ảnh về quang cảnh ở một số vùng miền khác nhau của đất nước để giới thiệu cho HS.

- HS liên hệ về nơi sống của mình, GV gợi ý, nêu câu hỏi để HS nói được một số quang cảnh nơi HS sống. Ví dụ:

- + Em sống ở đâu? Nơi em sống có những gì?
- + Nơi em sống có những khu vực nào? Tên gọi của những khu vực đó là gì?

Sau hoạt động này, HS sẽ được những quang cảnh ở địa phương nơi các em sống và ở một số vùng miền khác của đất nước. GV giúp HS hiểu được: Nơi chúng ta sống đều có nhiều cảnh đẹp. Mỗi cảnh đẹp có những nét đặc trưng riêng và có vai trò quan trọng trong cuộc sống của chúng ta.

HĐ3: Nói về hoạt động của các bạn trong hình.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát hình 3 và 4, trả lời câu hỏi về hoạt động của mọi người trong hình:

- + Các thành viên trong từng hình đang làm gì?
- + Những hoạt động đó có lợi ích gì đối với cộng đồng?

Hoạt động cả lớp:

- Một số đại diện cặp đôi HS hỏi và trả lời trước lớp. Những HS khác có thể bổ sung cho câu trả lời của các bạn, GV có thể gợi ý để HS nói được:

- + Hình 3: Các bạn cùng người lớn đang dọn vệ sinh và chăm sóc cây xung quanh nơi họ sống.
- + Hình 4: Các bạn nhỏ đang đánh cồng chiêng cùng người lớn ở buôn làng.
- + Các hoạt động này giúp các bạn nhỏ tham gia vào các hoạt động chung trong cộng đồng, giúp cho cộng đồng được sạch, đẹp hơn, giữ gìn truyền thống văn hóa của cộng đồng.

Sau hoạt động này, HS nhận thức được, cần tích cực tham gia các hoạt động ở cộng đồng, đóng góp cho cộng đồng địa phương nhiều hoạt động ý nghĩa.

3 Nói về hoạt động của các bạn trong hình.



3



4

Nơi chúng mình sống có nhà cửa, đường phố, cây xanh, núi đồi, đồng ruộng,... Chúng mình yêu quý và gắn bó với nơi mình sống.

4 Kể về quang cảnh và những hoạt động bạn đã tham gia ở nơi bạn sống.

Bạn đã tham gia những hoạt động nào ở nơi bạn sống?



40

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ4: Kể về quang cảnh và những hoạt động bạn đã tham gia ở nơi bạn sống.

a) Kể về quang cảnh nơi bạn sống.

Hoạt động cặp đôi:

- HS liên hệ về nơi sống của mình, GV gợi ý, nêu câu hỏi, sử dụng tranh ảnh (về quang cảnh địa phương) để HS nói được một số quang cảnh nơi HS sống:
 - + Nơi bạn sống có những gì? hoặc Khu vực bạn sống có những gì?
 - + Mọi người thường đến đó để làm gì?
 - + Bạn thích đến chỗ nào ở nơi bạn sống?
- HS thực hành đặt câu hỏi và trả lời để mô tả được quang cảnh, công trình ở nơi sống. GV gợi ý các câu hỏi nhỏ để HS dễ đặt câu hỏi và trả lời. Ví dụ: Nơi bạn sống có khu vui chơi không? Khu vui chơi có những trò chơi gì? Bạn có thích đến khu vui chơi không? Bạn thích điều gì nhất khi đến khu vui chơi?

Hoạt động cả lớp:

- Một số cặp HS hỏi và trả lời trước lớp về quang cảnh nơi các em sống. GV yêu cầu các HS trong nhóm luân phiên hỏi và trả lời (mỗi bạn ít nhất một câu hỏi, một câu trả lời). GV gợi ý HS nêu được các sự vật, quang cảnh theo một thứ tự từ nhà đến trường, từ nhà đến bến xe buýt, từ nhà ra cánh đồng,... GV sửa về cách hỏi và trả lời của HS (nếu cần).

Lưu ý: Để dạy học bài này phù hợp với địa phương, GV nên sử dụng thêm các hình ảnh phù hợp với địa phương.

- Cuối hoạt động này, GV dán/treo những hình ảnh sưu tầm đã sử dụng lên bảng/tường lớp học để thể hiện tương đối đầy đủ khung cảnh chung của địa phương nơi HS sống.

b) Chia sẻ về hoạt động em đã tham gia trong cộng đồng.

Hoạt động nhóm 4:

- Các nhóm HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi:
 - + Bạn đã tham gia hoạt động nào cùng với những người ở nơi bạn sống?
 - + Hoạt động mà bạn đã tham gia giúp ích gì cho cộng đồng?
- GV có thể sử dụng các hình ảnh hoạt động tập thể trong cộng đồng (nếu có) để gợi ý cho HS.
- Các nhóm HS thực hành hỏi và trả lời trước lớp về nội dung các câu hỏi. Các câu trả lời có thể khác nhau tuỳ từng nhóm HS.

Ví dụ: tham gia lễ rước đèn đêm Trung thu; tham gia dọn dẹp vệ sinh đường làng, ngõ, phố; tham gia trồng hoa ở đường làng; tham gia các hoạt động văn nghệ;... Các hoạt động này giúp cho mọi người dân trong cộng đồng gắn bó với nhau hơn, làm cho nơi các bạn sống vui hơn, đẹp và sạch hơn.

Bài 12

Người dân trong cộng đồng

YÊU CẦU CÂN ĐẠT

- Nêu được lợi ích của một số công việc của người dân trong cộng đồng.
- Đặt được câu hỏi và trả lời về một số công việc của người dân trong cộng đồng.
- Nói được công việc yêu thích của bản thân.
- Chia sẻ một việc đã làm mang lại lợi ích cho cộng đồng.

ĐÓ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Bài thơ “Ước”, tác giả Nguyễn Kim Nguyệt.
- Tranh, ảnh về một số công việc phổ biến, đặc trưng của người dân ở địa phương.

Chuẩn bị của HS:

Tranh, ảnh về một số công việc của người dân ở địa phương (nếu có điều kiện).

Bài 12

Người dân trong cộng đồng

- 1 Hằng ngày, bạn thường gặp những ai?
Họ làm những công việc gì?

- 2 Nói về công việc của những người trong hình.
Những việc làm đó có lợi ích gì?



41

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Hằng ngày, bạn thường gặp những ai? Họ làm những công việc gì?

Hoạt động cả lớp:

- HS nghe bài thơ “Ước” của tác giả Nguyễn Kim Nguyệt, suy nghĩ và trả lời:
 - + Bạn nhớ trong bài thơ mơ ước làm những công việc gì? Những công việc đó mang lại lợi ích gì cho mọi người?
 - + Thường ngày bạn gặp những ai? Họ làm những công việc gì?
- HS trả lời câu hỏi tuỳ thuộc vào nhận thức của từng cá nhân.

GV dẫn dắt vào bài học.

Lưu ý: GV có thể sử dụng tình huống khác gắn với nội dung của bài để thực hiện hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Nói về công việc của những người trong hình. Những việc làm đó có lợi ích gì?

a) Quan sát và khai thác nội dung các hình từ 1 đến 4.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát các hình từ 1 đến 4, thảo luận và trả lời câu hỏi:
 - + Trong mỗi hình, mọi người đang làm gì? Họ đang làm việc đó ở đâu?
 - + Công việc đó mang lại lợi ích gì?
- Các cặp HS thay nhau hỏi và trả lời về công việc của những người ở trong từng hình. GV điều chỉnh câu trả lời của HS để giúp các em hỏi và trả lời được đúng.

Hoạt động cả lớp:

- Một số đại diện cặp HS trả lời câu hỏi trước lớp. GV có thể gợi ý để HS nói được:

- + Hình 1: Người nông dân đang thu hoạch lúa trên cánh đồng, người nông dân làm ra lúa gạo để làm thức ăn cho chúng ta.
- + Hình 2: Bác sĩ đang khám, chữa bệnh cho một bạn nhỏ ở trạm y tế hoặc bệnh viện. Bác sĩ chữa bệnh và bảo vệ sức khỏe cho chúng ta.
- + Hình 3: Cô bán bánh ở cửa hàng bánh, cung cấp đồ ăn khi cần.
- + Hình 4: Cô cảnh sát giao thông đang điều khiển giao thông trên đường phố, giúp cho giao thông được an toàn và thông suốt.

b) Tìm hiểu thêm về một số công việc khác của người dân trong cộng đồng và các vùng miền khác nhau.

Hoạt động nhóm 4:

- Các nhóm HS suy nghĩ và thực hiện nhiệm vụ: Hãy kể tên các công việc của người dân trong cộng đồng nơi em sống và ở các vùng miền khác nhau mà em biết.
- GV nêu câu hỏi gợi ý để HS trả lời:
 - + Ngoài những công việc vừa tìm hiểu qua các hình đã nêu, hãy kể tên một số công việc khác mà mọi người thường làm ở khu vực chúng ta đang sống.
 - + Em biết những công việc nào có ở những nơi khác mà không có ở nơi chúng ta sống không?
 - + Các công việc đó mang lại lợi ích gì cho cộng đồng?

Hoạt động cả lớp:

- Một số đại diện nhóm HS chia sẻ trước lớp về tên các công việc và lợi ích của từng công việc. Ví dụ:
 - + Lính cứu hỏa giúp dập tắt các đám cháy;
 - + Đầu bếp nấu các món ăn ở nhà hàng, khách sạn;
 - + Người đưa thư, thợ điện,...

Lưu ý: Ở hoạt động này, GV nên lưu tâm và sử dụng tranh, ảnh về công việc của người dân ở vùng miền khác nhau của đất nước để giới thiệu cho HS.

Sau hoạt động này, HS nói được: Những người dân trong cộng đồng làm các công việc khác nhau. Mỗi công việc đều mang lại lợi ích cho mọi người. Do đó, chúng ta cần biết ơn và trân trọng công việc của họ.

3 Việc làm của các bạn trong mỗi hình có lợi ích gì?



5



6



Người dân trong cộng đồng làm nhiều công việc khác nhau. Chúng mình biết ơn và trân trọng công việc của họ.

42

HĐ3: Việc làm của các bạn trong mỗi hình có lợi ích gì?

a) Quan sát và khai thác nội dung hình 5 và 6.

Hoạt động cặp đôi:

- Các nhóm HS quan sát hình 5 và 6, trả lời câu hỏi:
 - + Các bạn trong từng hình đang làm gì?
 - + Những việc đó giúp ích gì cho cộng đồng?
- HS quan sát và gọi tên hoạt động của các bạn đang thực hiện trong từng hình để trả lời câu hỏi.

Hoạt động cả lớp:

Một số đại diện nhóm HS trả lời câu hỏi trước lớp. Những HS khác có thể bổ sung câu trả lời, GV gợi ý để HS nói được:

- Hình 5: Hai bạn nhỏ đang bô rác vào thùng rác. Việc bô rác vào thùng rác nhằm giữ cho đường phố sạch sẽ, cô lao công sẽ đỡ vất vả.
- Hình 6: Hai bạn nhỏ đang tưới cây, giúp cho cây tươi tốt và nơi sống của các bạn xanh, đẹp hơn.

4 Giới thiệu về công việc của những người xung quanh bạn.

Bố bạn làm công việc gì?

Bố mình là bộ đội.



5 Sưu tầm hình ảnh và nói về công việc mơ ước của bạn.



b) Liên hệ bản thân.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS lần lượt hỏi và trả lời: *Bạn đã làm được những việc gì có ích cho cộng đồng?*
- GV gợi ý cho HS nhớ lại những việc làm của mình nhằm giúp cho nơi các em sống sạch, đẹp, mọi người gắn bó với nhau hơn. Ví dụ:
 - + Luôn bỏ rác vào thùng rác hoặc để rác đúng nơi quy định.
 - + Trồng và chăm sóc cây xanh ở nơi các em sinh sống.
 - + Quét dọn vệ sinh đường phố, đường làng, ngõ xóm.
 - + Nhắc nhở mọi người giữ cho đường phố sạch, đẹp.
 - + Nhắc nhở mọi người không hái hoa, bẻ cành.

Hoạt động cả lớp:

- Một số cặp HS xung phong lên thực hành hỏi - trả lời trước lớp (mỗi bạn hỏi, trả lời ít nhất một câu).
- GV sửa cách hỏi và trả lời của HS (nếu cần).
- GV ghi lại những công việc các bạn HS đã làm giúp ích cho cộng đồng và tuyên dương những bạn đã làm nhiều việc tốt.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ4: Giới thiệu về công việc của những người xung quanh bạn.

Hoạt động cặp đôi:

Từng cặp HS đọc câu hỏi và trả lời của hai bạn nhỏ. Thực hành theo hình. Tiếp theo, đặt câu hỏi và trả lời với bạn về những người thân khác. Ví dụ:

- Bố bạn làm nghề gì?
- Bố tớ làm ...

Hoạt động cả lớp:

- Một số cặp HS thực hành hỏi và trả lời trước lớp về công việc của những người xung quanh.
- GV điều chỉnh câu hỏi, câu trả lời của các cặp HS để giúp các em hỏi và trả lời được đúng.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ5: Sưu tầm hình ảnh và nói về công việc mơ ước của bạn.

Hoạt động cá nhân:

GV yêu cầu HS suy nghĩ về một công việc HS muốn làm sau này và sưu tầm một hình ảnh về công việc đó.

Lưu ý:

- HS có thể sưu tầm trước bài học nếu có điều kiện hoặc sau khi kết thúc bài học.
- Nếu HS đã sưu tầm trước, GV hướng dẫn HS nói về công việc mơ ước và giới thiệu về hình ảnh đó.

Hoạt động cả lớp:

- Một số cặp HS thực hành hỏi và trả lời trước lớp.
- GV điều chỉnh câu hỏi - trả lời của HS để giúp các em hỏi và trả lời được đúng.

Bài 13

An toàn

trên đường đi

YÊU CẦU CẨN ĐẶT

- Nói được một số tình huống nguy hiểm trên đường đi và cách phòng tránh.
- Nêu được ý nghĩa của một số biển báo, đèn tín hiệu giao thông.
- Thực hành đi bộ an toàn theo mô hình.
- Thực hiện được quy tắc an toàn khi đi bộ.
- Chia sẻ với người thân và bạn bè về đi bộ an toàn hoặc an toàn trên đường đi.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Video bài hát “An toàn giao thông”, sáng tác nhạc sĩ Trần Thanh Tùng.
- Tranh rời: mô hình biển báo, đèn hiệu giao thông.
- Một số hình ảnh về các tình huống gây nguy hiểm trên đường đi (nếu có).
- Một số biển báo giao thông thường gặp ở địa phương.
- Bìa cứng để dán các biển hiệu.

Chuẩn bị của HS:

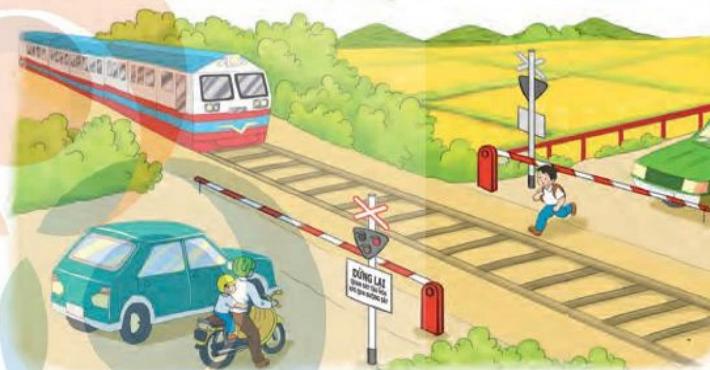
Bút màu vẽ, giấy trắng, giấy màu, kéo dán.

Bài 13

An toàn trên đường đi

1 Theo bạn, chúng mình nên đi bộ trên đường như thế nào cho an toàn?

2 Những hành động nào gây nguy hiểm trên đường đi? Cần làm gì để tránh những nguy hiểm đó?



44

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Theo bạn, chúng mình nên đi bộ trên đường như thế nào cho an toàn?

Hoạt động cả lớp:

- HS xem video bài hát “An toàn giao thông”.
- GV nêu các câu hỏi:
 - + Đèn tín hiệu giao thông được nhắc đến trong bài hát có những màu gì? Những màu đó có ý nghĩa gì?
 - + Bạn nhớ trong bài hát khuyên chúng ta nên làm gì để an toàn trên đường đi?
- HS trả lời câu hỏi tuỳ thuộc vào nhận thức của từng cá nhân.
- GV dẫn dắt vào bài học.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Những hành động nào gây nguy hiểm trên đường đi? Cần làm gì để tránh những nguy hiểm đó?

Hoạt động nhóm 4:

- Từng nhóm HS quan sát hình 1, 2 và trả lời câu hỏi:
 - + Những hành động nào gây nguy hiểm trên đường đi?
 - + Chúng ta cần làm gì để tránh những tình huống nguy hiểm đó?
- GV đưa ra một số câu hỏi gợi ý để HS tập trung vào từng đối tượng cần quan sát. Ví dụ:
 - + Hình 1: Em hãy quan sát những người đang đi bộ trên đường và cho biết họ đang đi bộ ở những vị trí nào (trên vỉ hè, lối đi dành cho người đi bộ, làn đường dành cho ô tô và xe máy)? Người đi bộ đi ở đâu sẽ không an toàn?
 - + Hình 2: Vì sao mọi người dừng chờ trước rào chắn? Bạn nhớ đang làm gì? Vì sao hành động của bạn nhớ gây mất an toàn?
 - + Trong các hành động ở hình 1 và 2, chúng ta cần làm gì để tránh nguy hiểm?
- HS quan sát hình, suy nghĩ và trả lời theo các câu hỏi.



Cùng quan sát hình và nói:

- Màu sắc của các đèn tín hiệu giao thông cho biết điều gì?
- Tên và ý nghĩa của một số biển báo giao thông.



Biển chỉ dẫn



Biển báo nguy hiểm



Biển báo cấm



Cấm người đi bộ

Để đảm bảo an toàn cho bản thân và mọi người, chúng mình cần thực hiện đúng các quy định khi tham gia giao thông.

- Đi bộ sát bên phải đường ở những nơi không có vỉa hè; đi bộ trên vỉa hè ở những nơi có vỉa hè.
- Đi bộ qua đường đúng nơi quy định, nơi có vạch kẻ đường dành cho người đi bộ.
- Quan sát trước khi đi qua đường bộ và đường sắt.
- Không chơi đùa ở trên đường và ở gần đường sắt.

HĐ3: Cùng quan sát hình và nói.

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát các hình vẽ về đèn tín hiệu giao thông và biển báo giao thông, suy nghĩ và trả lời câu hỏi:

- + Đèn tín hiệu giao thông có những màu gì? Màu sắc của từng đèn tín hiệu có ý nghĩa gì?
- + Tên và ý nghĩa của một số biển báo giao thông.

Hoạt động cả lớp:

- Một số HS chia sẻ trước lớp về ý nghĩa từng màu sắc của đèn tín hiệu giao thông và từng biển báo giao thông.

GV gợi ý để HS nói được:

- + Đèn tín hiệu giao thông có ba màu. Màu xanh có nghĩa là các phương tiện giao thông và người đi bộ được đi. Màu vàng có nghĩa là các phương tiện giao thông và người đi bộ cần giảm tốc độ và dừng lại. Màu đỏ có nghĩa là các phương tiện giao thông và người đi bộ không được phép đi qua.

- + Đèn tín hiệu giao thông cho người đi bộ có hai màu: Màu đỏ có hình người với tư thế đứng có ý nghĩa dừng lại. Màu xanh có hình người với tư thế đi có ý nghĩa được phép đi.

+ Các biển báo và ý nghĩa của chúng:

* Nhóm biển chỉ dẫn (thứ tự từ trái qua phải trong SGK):

- Cầu vượt qua đường dành cho người đi bộ.
- Lối đi dành cho người đi bộ qua đường.
- Đường dành cho người đi bộ.

* Nhóm biển báo nguy hiểm (theo thứ tự từ trái qua phải trong SGK):

- Đường bộ giao nhau với đường sắt có rào chắn.
- Đoạn đường hay có đất, đá sạt lở.
- Đoạn đường phía trước có công trường đang thi công.

* Biển báo cấm: Cấm người đi bộ.

- Lưu ý: GV có thể chuẩn bị trước để giới thiệu thêm một số biển báo giao thông thường gặp ở nơi HS sống.

Hoạt động cả lớp:

- Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp. GV gợi ý để HS nói được:

+ Hình 1: Mọi người đang đi bộ trên đường và đi bộ qua đường. Có hai người đang đi bộ trên vỉa hè, hai người đang đi bộ qua đường ở vạch kẻ đường dành cho người đi bộ, có hai người qua đường nhưng không ở phần đường dành cho người đi bộ. Việc đi qua đường không đúng làn đường dành cho người đi bộ là nguy hiểm cho bản thân và các phương tiện tham gia giao thông khác. Trong trường hợp này, chúng ta cần đi bộ qua đường đúng nơi quy định - nơi có vạch kẻ đường cho người đi bộ.

+ Hình 2: Đoạn đường sắt có giao nhau với đường bộ. Tàu hỏa đang chạy tới, các phương tiện tham gia giao thông đang dừng chờ tàu hỏa chạy qua. Một bạn nhỏ đang chạy qua đường sắt khi tàu hỏa đang tới gần. Hành động này gây mất an toàn cho bạn nhỏ và sự an toàn của đoàn tàu hỏa. Trong trường hợp này, chúng ta cần chờ tàu hỏa chạy qua rồi mới qua đường.

Lưu ý: GV sử dụng tranh, ảnh để giới thiệu thêm một số trường hợp gây nguy hiểm trên đường đi khác (chủ yếu là các trường hợp đi bộ không an toàn).

Sau hoạt động này, HS cần nói được: Một số quy định nhằm đảm bảo an toàn khi đi bộ trên đường:

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ4: Cùng chơi “Tham gia giao thông”.

Chuẩn bị:

- GV hoặc HS chuẩn bị/sưu tầm một số biển báo giao thông HS thường gặp khi tham gia giao thông ở địa phương, ví dụ: ở vùng núi cần chuẩn bị thêm các biển cảnh báo đoạn đường có đất đá sạt lở, ở vùng có đường sắt cần chuẩn bị biển báo về điểm giao nhau giữa đường bộ với đường sắt,...
- GV hoặc HS chuẩn bị các biển để phân biệt các đối tượng tham gia giao thông (HS sẽ đeo): xe buýt, taxi, ô tô, xe máy, người đi bộ.
- HS sẽ chọn các đối tượng đóng vai (người đi bộ, xe máy, xe buýt, ô tô, taxi,...) và đeo các biển đã chuẩn bị dành riêng cho từng đối tượng sau lưng/trước ngực.

a) Thực hành đi bộ và tham gia giao thông an toàn trên đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông.

Hoạt động cả lớp:

- HS thực hành đi bộ và tham gia giao thông theo yêu cầu của GV, ví dụ: đi từ điểm nào tới điểm nào trên sơ đồ.

- GV quan sát và ghi chép lại tiến trình tham gia giao thông của HS, lưu ý những HS gặp vấn đề khi tham gia giao thông (đi bộ sai với quy định, chen lấn, xô đẩy,...).

- HS chia sẻ và trả lời các câu hỏi:

- + Bạn đi bộ trên đoạn đường nào?
- + Bạn cần thực hiện những quy định gì?
- GV hướng dẫn để HS trả lời được (điều chỉnh câu trả lời nếu cần):
 - + Các bạn đang đi bộ trên đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông.
 - + Khi đi bộ trên đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông, các bạn phải luôn đi bên phải đường, quan sát trước khi qua đường và qua đường đúng nơi quy định.
 - + Chấp hành các biển báo giao thông có ở trên đường.

4 Cùng chơi “Tham gia giao thông”:

- Thực hành: Đi bộ trên đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông và không có đèn tín hiệu giao thông.
- Bạn cần thực hiện quy định nào khi đi bộ ở các đoạn đường trên?



b) Thực hành đi bộ và tham gia giao thông an toàn trên đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông.

Hoạt động cả lớp:

- Từng nhóm HS thực hành đi bộ và tham gia giao thông theo yêu cầu của GV (lưu ý thay đổi các nhóm phương tiện giao thông khác nhau).

- GV quan sát và ghi chép lại tiến trình tham gia giao thông của các nhóm HS, lưu ý những HS gặp vấn đề khi tham gia giao thông (đi bộ sai quy định, chen lấn, xô đẩy khi tham gia giao thông, không tuân thủ tín hiệu đèn giao thông,...).

- HS chia sẻ và trả lời các câu hỏi như với hoạt động trước.

- GV hướng dẫn để HS trả lời được:

- + Các bạn đang đi bộ trên đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông.
- + Các bạn cần phải chấp hành hiệu lệnh của đèn tín hiệu giao thông, biển báo giao thông; luôn đi bên phải đường và qua đường đúng nơi quy định.
- GV hoặc HS nhắc lại các quy tắc khi đi bộ trên đoạn đường có đèn tín hiệu giao thông và không có đèn tín hiệu giao thông.

Tết và lễ hội năm mới

YÊU CẦU CẨN ĐẠT

- Nêu được thời gian diễn ra Tết Nguyên đán và một lễ hội năm mới.
- Nêu được các công việc và hoạt động trong dịp Tết và một lễ hội năm mới.
- Đặt được câu hỏi và trả lời về những hoạt động diễn ra trong ngày Tết hoặc lễ hội năm mới.
- Kể được một hoạt động đã tham gia vào một lễ hội năm mới với những biểu hiện cảm xúc nhất định.
- Làm được một sản phẩm như cắt dán, tô tranh hoặc vẽ,... về chủ đề ngày Tết hoặc lễ hội năm mới.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

Tranh ảnh, vật thật để thể hiện các phong tục và hoạt động đặc trưng của ngày Tết và lễ hội năm mới.

Chuẩn bị của HS:

Bút màu vẽ, giấy màu, kéo, keo dán.

Lưu ý:

- Để dạy học bài này phù hợp với địa phương, GV nên sử dụng thêm các chất liệu văn hoá của địa phương cho phù hợp. Ví dụ: Thay vì/Bên cạnh tìm hiểu về Tết năm mới (Tết Nguyên đán) của người Kinh, HS có thể tìm hiểu về Tết năm mới của người Chăm (Ni-gia Nu-ga), Tết năm mới của người Khơ-me (Chôn Cho-nam Thơ-mây) hoặc Tết năm mới của các dân tộc khác phù hợp với địa phương.
- GV có thể sưu tầm tư liệu về một số lễ hội năm mới ở những địa phương khác để giới thiệu cho HS nếu có thời gian.

- 1 Chúng mình thấy những hình ảnh này trong dịp nào?



- 2 Tìm hiểu về Tết Nguyên đán:

- Tết Nguyên đán diễn ra vào thời gian nào?
- Mọi người thường làm gì vào dịp Tết?



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG

- HĐ1:** Chúng mình thấy những hình ảnh này trong dịp nào?

Hoạt động cả lớp:

- HS quan sát hình vẽ ở hoạt động 1 trong SGK và trả lời câu hỏi:
 - + Chúng mình thường nhìn thấy những hình ảnh này vào dịp nào?
 - + Bạn nhớ nhất điều gì về dịp đó?
- HS trả lời câu hỏi tùy thuộc vào nhận thức của từng cá nhân, qua đó GV định hướng tới hoạt động khám phá.

GV dẫn dắt vào bài học (Gợi ý): Vào dịp đầu năm, các dân tộc trên thế giới đều có các hoạt động để đón chào năm mới. Thời gian đón năm mới có thể khác nhau ở các dân tộc khác nhau. Ở Việt Nam, Tết Nguyên đán là một ngày lễ đón năm mới của người Kinh, bên cạnh đó, còn có Tết đón năm mới của nhiều dân tộc khác. Năm mới cũng là dịp diễn ra nhiều lễ hội ở các vùng miền trên đất nước ta. Trong bài học hôm nay, chúng ta cùng tìm hiểu về Tết và lễ hội năm mới nhé.

Lưu ý: GV có thể sử dụng hình 1 hoặc sử dụng các hình ảnh, vật thật đặc trưng thể hiện cho ngày Tết năm mới ở địa phương.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Tìm hiểu về tết Nguyên đán.

a) Quan sát và khai thác nội dung các hình từ 2 đến 6.

Hoạt động nhóm 4:

- Từng cặp HS quan sát hình từ 2 đến 6 và trả lời câu hỏi:
 - + Tết Nguyên đán diễn ra vào thời gian nào?
 - + Những người trong hình đang làm gì để chuẩn bị cho ngày Tết?
 - + Những hoạt động nào thường diễn ra trong dịp Tết?
 - + Các bạn nhỏ trong hình đang tham gia những hoạt động nào?
- HS tập trung vào các đối tượng quan sát và chỉ vào từng vị trí trong hình. Ví dụ:
 - + Hình 2 vẽ cảnh ở đâu? Mọi người trong hình đang làm gì?
 - + Hình 3 vẽ cảnh ở đâu? Mọi người trong hình đang làm gì?
 - +

Hoạt động cả lớp:

- Một số đại diện cặp HS trả lời câu hỏi trước lớp. GV gợi ý để HS nói được:
 - + Hình 2: Cảnh chợ Tết, nơi có bày bán các nguyên liệu làm thức ăn, trang trí trong nhà ngày Tết, có người mua và bán hàng. Hai mẹ con một bạn nhỏ đang mua hàng (mua lá dong); một bạn nhỏ mua cành đào với ông.
 - + Hình 3: Cảnh trong nhà; bố mẹ và con đang gói bánh chưng.
 - + Hình 4: Hình ảnh bàn thờ gia tiên ngày Tết (GV giải thích thêm về ý nghĩa của việc thờ cúng tổ tiên ngày Tết).
 - + Hình 5: Cảnh chúc Tết đầu năm mới. Đây là dịp gia đình sum họp và mọi người chúc nhau những điều tốt lành trong năm mới.
 - + Hình 6: Hoạt động vui chơi trong dịp Tết (ném cò,...). GV giải thích thêm về hoạt động ném cò trong dịp Tết.
- GV giới thiệu thêm một số hoạt động vui chơi khác trong dịp Tết.

Lưu ý: Khi khai thác các hình ảnh, GV yêu cầu HS trả lời các câu hỏi:

- + Ở gia đình em, trước và trong dịp Tết, hoạt động nào thường có sự góp mặt của nhiều thành viên trong gia đình? Trong hoạt động đó, mỗi người làm những việc gì?
- + Nói lại một lời chúc Tết của em dành cho người thân (ông, bà hoặc bố, mẹ,...) vào ngày Tết năm mới.



Tết Nguyên đán là dịp lễ quan trọng để đón năm mới của người Việt Nam. Đây là dịp để các thành viên trong gia đình sum họp. Mọi người cùng chúc nhau những điều tốt lành. Có nhiều lễ hội diễn ra trong dịp đầu năm mới.

3 Kể về một lễ hội đầu năm mới mà bạn biết:

- Lễ hội đó diễn ra vào thời gian nào?
 - Bạn và người thân tham gia hoạt động gì ở lễ hội?
- Bạn thích hoạt động nào?



- 48
- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi và chia sẻ trước lớp. GV góp ý, điều chỉnh để câu chúc của HS được hoàn thiện, kết hợp nói về ý nghĩa của lời chúc và những việc làm của HS thể hiện sự quan tâm đến người khác.

b) Liên hệ bản thân và chia sẻ các hoạt động diễn ra vào dịp Tết năm mới ở địa phương em.

Hoạt động cặp đôi:

- HS thảo luận với bạn để trả lời câu hỏi:
 - + Tết đón năm mới ở địa phương em có gì giống hoặc khác với tết Nguyên đán của các bạn trong bài học?
 - + Trước Tết, gia đình bạn thường chuẩn bị những gì? Bạn đã cùng bố, mẹ làm những việc gì để đón Tết?
 - + Hãy kể tên những hoạt động khác trong ngày Tết đón năm mới ở nơi em sống.
- Một số cặp HS chia sẻ câu trả lời trước lớp.
- GV tuyên dương những bạn cùng bố mẹ và gia đình chuẩn bị đón Tết và tham gia các hoạt động trong ngày Tết cùng gia đình, nhắc nhở HS nhớ tham gia các hoạt động chuẩn bị và đón Tết năm mới cùng bố mẹ và gia đình.

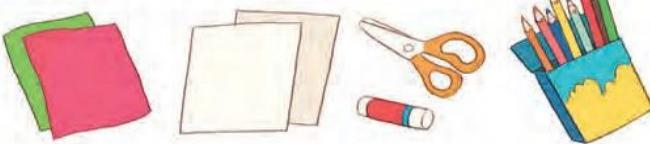
Lưu ý: Với các địa phương có đa số HS không đón tết Nguyên đán, GV tổ chức thêm hoạt động để HS tìm hiểu về Tết đón năm mới của địa phương đó.



8

4 Cùng làm một sản phẩm hoặc sưu tầm hình ảnh về ngày Tết và lễ hội năm mới:

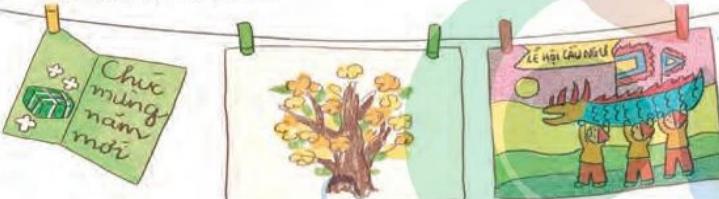
- Cùng bạn chuẩn bị các vật liệu.



- Cắt, xé, dán và vẽ thêm để trang trí cho sản phẩm.



- Trưng bày sản phẩm.



49

Sau hoạt động này, HS biết được: Điểm chung của ngày Tết là sự sum họp, là dịp để mọi người gặp mặt, thể hiện lòng biết ơn ông bà, bố mẹ; hỏi thăm và chúc sức khoẻ lẫn nhau, chúc nhau năm mới nhiều may mắn.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3: Kể về một lễ hội đầu năm mới mà bạn biết.

a) Kể về một lễ hội đầu năm mới mà bạn biết.

Hoạt động cặp đôi:

- GV nêu một số câu hỏi để các cặp HS hỏi và trả lời về lễ hội đầu năm mới:
 - Nói tên một lễ hội đầu năm mới mà bạn biết.
 - Lễ hội đó diễn ra ở đâu? Lễ hội đó diễn ra vào thời gian nào?
 - Mọi người thường làm gì trong lễ hội đó?
 - Bạn đã làm gì khi tham gia lễ hội đó?
 - Bạn thích hoạt động nào ở lễ hội đó?
- Các cặp HS thực hành hỏi và trả lời.
- GV quan sát các nhóm, có thể yêu cầu trả lời thêm câu hỏi: Vì sao bạn thích hoạt động đó/làm việc đó trong dịp lễ hội năm mới?
- Các cặp HS lần lượt thực hành hỏi và trả lời trước lớp về một lễ hội năm mới.

b) Giới thiệu về một số lễ hội đầu năm mới.

Hoạt động cả lớp:

- HS quan sát hình 7, 8 và trả lời câu hỏi: Đây là lễ hội gì? Lễ hội đó thường diễn ra vào thời gian nào?
- Một số HS trả lời câu hỏi, một số HS khác bổ sung.
- GV cung cấp thông tin, giới thiệu về lễ hội ở hình 7 và hình 8:
 - Hình 7 là lễ hội cầu ngư. Lễ hội cầu ngư thường diễn ra ở các địa phương ven biển Trung Bộ và Nam Bộ của Việt Nam. Ở một số địa phương, lễ hội cầu ngư thường được diễn ra vào dịp đầu năm mới.
 - Hình 8 là hội đầu vật. Đầu vật là một hoạt động truyền thống trong lễ hội đầu năm mới ở nhiều địa phương, đặc biệt ở vùng Bắc Bộ.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4: Cùng làm một sản phẩm hoặc sưu tầm hình ảnh về ngày Tết và lễ hội năm mới.

a) Sưu tầm hình ảnh về ngày Tết hoặc lễ hội năm mới.

Hoạt động cá nhân:

- GV giao nhiệm vụ: mỗi HS sưu tầm ít nhất một hình ảnh về ngày Tết hoặc lễ hội năm mới ở địa phương.
- HS sưu tầm và giới thiệu sản phẩm vào tiết ôn tập của chủ đề.

b) Cùng làm một sản phẩm về ngày Tết hoặc lễ hội năm mới.

Hoạt động nhóm 4:

- Các nhóm HS chuẩn bị vật liệu theo hướng dẫn của GV: giấy màu, giấy trắng A4, bút màu, kéo, hò dán.
- Mỗi nhóm HS chọn một sản phẩm để thực hiện. Ví dụ: cắt, dán thiệp chúc Tết; cắt, dán phong bao lì xì, vẽ thiệp chúc Tết, vẽ một hoạt động ở lễ hội năm mới,...
- Các nhóm phân chia công việc cho các bạn và thực hành làm sản phẩm. GV quan sát và hướng dẫn khi cần thiết.
- Các nhóm HS hoàn thiện và trưng bày sản phẩm.

Hoạt động cả lớp:

- Các nhóm HS trình bày/giới thiệu về sản phẩm của nhóm mình (nói được tên của sản phẩm: tranh vẽ hay tranh cắt, dán vẽ thiệp chúc Tết/phong bao lì xì/...).

Lưu ý: Nếu còn thời gian, GV có thể tổ chức cho từng nhóm giới thiệu về sản phẩm của mình. Nếu không còn thời gian, việc giới thiệu sản phẩm có thể tổ chức vào tiết ôn tập chủ đề.

Bài 15

Ôn tập chủ đề Cộng đồng địa phương

YÊU CẦU CẨN ĐẶT

- Trình bày và sắp xếp được các sản phẩm đã thực hiện, hoặc sưu tầm trong chủ đề vào sơ đồ cho sẵn.
- Giới thiệu được một sản phẩm đã thực hiện trong chủ đề.
- Đưa ra được phương án xử lý phù hợp với tình huống.
- Tự đánh giá về những việc đã làm để đóng góp cho cộng đồng nơi sống và thực hiện quy định an toàn khi đi bộ trên đường.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

Hình ảnh về các tình huống bổ sung liên quan đến nội dung chủ đề (không bắt buộc).

Chuẩn bị của HS:

Sản phẩm tự sưu tầm (tranh ảnh, tranh vẽ) đã thực hiện trong chủ đề.

bài 15

Ôn tập chủ đề Cộng đồng địa phương

- 1 Sắp xếp sản phẩm bạn đã sưu tầm vào nhóm phù hợp theo mẫu.



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS nghe bài hát hoặc bài thơ về cảnh quê hương, đất nước. Sau đó GV dẫn dắt vào bài.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HD1: Sắp xếp sản phẩm bạn đã sưu tầm vào nhóm phù hợp theo mẫu.

Hoạt động nhóm 4:

- Từng nhóm HS làm việc với sơ đồ do GV chuẩn bị sẵn.
- Mỗi thành viên trong nhóm lựa chọn và đưa ra các sản phẩm (tranh vẽ, tranh cắt dán, tranh sưu tầm,...) đã thực hiện về chủ đề; thảo luận và chia sẻ các ý kiến, phương án sắp xếp từng sản phẩm vào các nhóm trên sơ đồ.
- Các nhóm HS thi đua theo yêu cầu:
 - + Sắp xếp nhanh và phù hợp nhất.
 - + Có nhiều sản phẩm để xếp vào sơ đồ nhất.

Hoạt động cả lớp:

- Các nhóm treo sản phẩm của nhóm mình lên bảng hoặc lên các góc khác nhau ở trong lớp (tuỳ không gian và sắp xếp của GV).

3 Xử lý tình huống:

- Quan sát tình huống.



1

- Bạn đồng ý với phương án nào sau đây? Vì sao?



51

- HS lần lượt đi quan sát sản phẩm của các nhóm khác.
- HS bình chọn sản phẩm được yêu thích nhất. GV nhận xét sản phẩm của từng nhóm và chấm điểm (hoặc xếp loại) theo các tiêu chí (đã đưa ra).
- GV công bố các nhóm thắng cuộc (phù hợp với tiêu chí) và trao giải thưởng (nếu có).

HĐ2: Giới thiệu về một sản phẩm bạn đã thực hiện trong chủ đề.

Hoạt động nhóm 4:

- Sau khi hoàn thành sơ đồ về chủ đề, các nhóm HS cùng nhau giới thiệu về sản phẩm mà các em đã thực hiện.
- Mỗi HS trong nhóm sẽ lựa chọn một sản phẩm mình đã chuẩn bị để giới thiệu trong nhóm.
- GV có thể gợi ý để HS nói được: Đây là hình ảnh/tranh vẽ/tranh cắt dán/... về quang cảnh địa phương/công việc của người dân cộng đồng/hoạt động chung cộng đồng/.....

Hoạt động cả lớp:

- Các nhóm HS cử đại diện giới thiệu trước lớp về sản phẩm của nhóm.
- GV điều chỉnh/gợi ý để HS giới thiệu được tốt.
- HS nhận xét và bình chọn cho bạn có lời giới thiệu về sản phẩm hay nhất.
- GV chốt lại những nội dung chính trong chủ đề về quang cảnh và hoạt động của người dân ở cộng đồng.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3: Xử lý tình huống.

Hoạt động nhóm 4:

- Từng cặp HS quan sát hình 1, trả lời câu hỏi:
 - Các bạn trong hình đang chơi ở đâu? Vì sao em biết điều đó?
 - Các bạn đang chơi nói gì với các bạn đang đứng trên vỉa hè?
 - HS quan sát từng hoạt động của mọi người trong hình và đọc lời thoại để có thể hiểu và mô tả được tình huống.
 - HS quan sát hình ảnh mô tả hai phương án, suy nghĩ và trả lời câu hỏi: *Bạn đồng ý với phương án nào sau đây?*
 - HS có thể lựa chọn một trong hai phương án hoặc đưa ra ý kiến khác:
 - (a) Xuống chơi với các bạn.
 - (b) Nói với các bạn: *Chơi ở dưới lòng đường nguy hiểm lắm. Các bạn nên đến sân chơi để chơi.*
 - (c) Ý kiến khác.
 - HS chia sẻ phương án lựa chọn với nhau và giải thích vì sao mình lựa chọn phương án đó.
- #### Hoạt động cả lớp:
- Một nhóm HS lên trước lớp mô tả lại tình huống (mô tả lại hoạt động của mọi người trong hình), đưa ra phương án lựa chọn của nhóm và giải thích vì sao nhóm lựa chọn phương án đó.

4 Bạn đã thực hiện những việc nào dưới đây?



- GV giúp HS hiểu được trong tình huống này, chơi ở dưới lòng đường là gây nguy hiểm đến bản thân và người đi đường, do đó, các bạn nên đến sân chơi để chơi.

Lưu ý: Nếu có thời gian, GV có thể chuẩn bị thêm một số tình huống và yêu cầu HS thảo luận để đưa ra phương án giải quyết. Ví dụ một số tình huống:

Tình huống về giữ gìn nơi bạn sống sạch, đẹp: Bạn sẽ làm gì khi nhìn thấy một bạn nhỏ xả rác ra đường phố? Bạn sẽ làm gì khi nhìn thấy một bạn nhỏ hái hoa hay đi vào bồn hoa ở công viên?...

Tình huống về giữ an toàn khi đi đường: Trên đoạn đường không có đèn tín hiệu giao thông, bạn sẽ làm gì khi thấy các bạn nhỏ đi bộ bên trái đường và có nhiều phương tiện đang tham gia giao thông? Bạn sẽ làm gì khi nhìn thấy các bạn nhỏ đi bộ dưới lòng đường?...

- GV kết luận về cách lựa chọn phương án giải quyết các tình huống do HS đưa ra và nêu phương án khác nếu cần thiết.

HĐ4: Bạn đã thực hiện những việc nào dưới đây?

Hoạt động cá nhân:

- HS quan sát các việc làm/hoạt động trong từng hình.
- HS liên hệ về những việc mình đã làm hoặc chưa làm để giữ gìn nơi sống sạch, đẹp; thực hiện đi bộ an toàn và tham gia các hoạt động chung trong cộng đồng.

- GV giải thích thêm về hình 6: Hoạt động kéo co ở trong hình có thể thay thế bằng một số hoạt động các em đã tham gia với người dân ở cộng đồng như biểu diễn văn nghệ, các hoạt động thể thao khác,...

- Tuỳ vào thực tế những việc HS đã thực hiện trước đó mà có câu trả lời.

+ Nếu HS làm được những việc nhằm giữ gìn nơi sống sạch đẹp như luôn bỏ rác đúng nơi quy định, đã tham gia các hoạt động chung trong cộng đồng, tuân thủ các quy định đi bộ an toàn, giữ gìn nơi sống sạch, đẹp,..., GV cần khen ngợi.

+ Nếu HS chưa làm được những việc đó, GV nên tìm hiểu nguyên nhân và đưa ra các lời khuyên phù hợp với từng tình huống.

- HS có thể nêu thêm các việc khác trong thực tế các em đã thực hiện trong cộng đồng. GV khen ngợi và khuyến khích HS thực hiện các việc tốt có đóng góp cho cộng đồng phù hợp với lứa tuổi.

Chủ đề THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

Thời gian: Học kì 1 + 2; Tuần: 17 – 22;
Thời lượng: 12 tiết

1. MỤC TIÊU

- Mô tả được một số đặc điểm bên ngoài của thực vật và động vật qua hình ảnh hoặc vật thật.
- Nhận biết được một số ích lợi của cây trồng và vật nuôi đối với đời sống con người.
- Bước đầu phân biệt được một số con vật có ích hoặc gây nguy hiểm đối với con người.
- Có ý thức tránh tiếp xúc và biết được cách phòng tránh cây và con vật gây nguy hiểm cho bản thân.
- Thể hiện sự yêu quý tự nhiên, thực hiện được một số việc phù hợp để chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi.

2. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Lắng nghe bạn nói và bước đầu biết sử dụng lời nói hoặc kết hợp hình ảnh để trình bày, giới thiệu được về tên gọi, đặc điểm bên ngoài, ích lợi và nguy hiểm của động vật và thực vật.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Biết lựa chọn cách xử lý phù hợp để đảm bảo an toàn cho bản thân khi gặp tình huống liên quan đến cây, con vật gây nguy hiểm.
- Năng lực nhận thức khoa học:** Mô tả được đặc điểm bên ngoài của thực vật và động vật ở xung quanh. Nhận biết được ích lợi của cây trồng và vật nuôi với đời sống con người; một số cây và con vật gây nguy hiểm, ảnh hưởng đến sức khỏe con người.
- Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:** Đặt được câu hỏi về cây và con vật ở xung quanh. Quan sát, mô tả được đặc điểm bên ngoài của cây và con vật quen thuộc. Phân biệt được một cách đơn giản: động vật và thực vật dựa vào đặc điểm di chuyển; ích lợi của cây, con vật với đời sống con người; con vật có lợi và gây nguy hiểm.

CHỦ ĐỀ THỰC VẬT VÀ ĐỘNG VẬT

BẠN SẼ HỌC

- Cây và con vật quanh ta
- Các bộ phận của cây
- Các bộ phận của con vật
- Cây và con vật đối với con người
- Chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi
- Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật



53

- Năng lực vận dụng kiến thức, kỹ năng đã học:** Nhận biết một số dấu hiệu có nguy cơ gây hại đến bản thân, việc làm gây hại đến cây, con vật,... và đưa ra lựa chọn, cách ứng xử, việc làm phù hợp để đảm bảo an toàn của bản thân, chăm sóc, bảo vệ vật nuôi, cây trồng.

3. THUẬT NGỮ

Bảo vệ	Bộ phận	Chăm sóc	Cây trồng
Di chuyển	Động vật	Nguy hiểm	Vật nuôi
Ích lợi	Thực vật	Tình huống	

4. TƯ LIỆU DẠY HỌC

- Tư liệu cho GV:* SGV, Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Đồ dùng dạy học (tranh, ảnh, mô hình, video).
- Tư liệu cho HS:* SGK, VBT, Sách mềm - VBT, Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Đồ dùng học tập (tranh, ảnh, thẻ chữ, thẻ hình).

5. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Bài/ Số tiết	Nội dung dạy học	Kỹ năng	Ghi chú/ PPDH
16 Cây và con vật quanh ta (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Tên gọi, đặc điểm nổi bật về hình dạng, màu sắc,... của cây (cây cho rau, cây cho hoa, cây cho bóng mát hoặc cây cho quả,...) ở xung quanh. Tên gọi, đặc điểm nổi bật về hình dạng, độ lớn, sự di chuyển,... của một số con vật quen thuộc (cá, chim hoặc gà, vịt, mèo hoặc chó, kiến hoặc ruồi, gián,...) sống ở xung quanh. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát vật thật (hình ảnh hoặc video). Giao tiếp: hỏi và trả lời, trình bày, biểu đạt bằng ngôn ngữ, hoặc hình ảnh về cây, con vật. So sánh, nhận xét sự khác biệt giữa thực vật và động vật dựa vào đặc điểm di chuyển của cây, con vật. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Hỏi - trả lời. Phân loại.
17 Các bộ phận của cây (2 tiết)	Các bộ phận chính bên ngoài: rễ, thân, lá,... của cây thường gặp: cây cho rau, cây cho hoa, cây cho quả.	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát tranh ảnh và chỉ trên hình. Giao tiếp: hỏi và trả lời, trình bày, biểu đạt bằng ngôn ngữ hoặc hình ảnh mô tả các bộ phận bên ngoài của một số cây quen thuộc. So sánh, nhận xét điểm giống nhau và khác nhau về các bộ phận bên ngoài của cây. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Thảo luận cặp đôi.
18 Các bộ phận của con vật (2 tiết)	Các bộ phận chính bên ngoài: đầu, mình, bộ phận di chuyển (chân, vây, cánh,...) của con vật quen thuộc.	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát tranh ảnh và chỉ trên hình. Giao tiếp: hỏi và trả lời, trình bày, biểu đạt bằng ngôn ngữ, hoặc hình ảnh mô tả các bộ phận bên ngoài của một số con vật quen thuộc. So sánh, nhận xét điểm giống nhau và khác nhau về các bộ phận bên ngoài của con vật. Bước đầu thu thập thông tin (hình ảnh) con vật. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Hỏi - trả lời. Trò chơi.
19 Cây và con vật đối với con người (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Ích lợi của cây đối với con người: làm thức ăn, cho bóng mát, làm cảnh,... Ích lợi của con vật đối với con người: làm thức ăn, làm cảnh,... và nguy hại do chúng gây ra đối với con người: gây bệnh, gây nguy hiểm, làm bị thương,... Ý thức phòng tránh các con vật gây nguy hiểm và các loại cây có các bộ phận sắc, nhọn, gây nguy hiểm. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh cây, con vật trong thực tế. Giao tiếp (hỏi và trả lời), nói được tên gọi, ích lợi hoặc tác hại của cây và con vật. Trình bày, sắp xếp theo tiêu chí đơn giản: cây, con vật có ích lợi và con vật gây nguy hiểm. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Thảo luận cặp đôi. Hỏi - trả lời.
20 Chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Những việc làm để chăm sóc và bảo vệ cây trồng: tưới cây, không bê cành,... Những việc làm chăm sóc và bảo vệ vật nuôi: cho ăn, uống nước, sống ở nơi an toàn,... Ý thức đối xử tốt với cây trồng và vật nuôi. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh những việc chăm sóc, bảo vệ cây trồng, vật nuôi. Giao tiếp (hỏi và trả lời), nói được lợi ích hoặc tác hại của một số hành động đối xử của con người với cây trồng, vật nuôi. Phân biệt được hành động “nên làm” hay “không nên làm” để chăm sóc cây trồng, vật nuôi. Thực hiện việc làm phù hợp ở trường, ở nhà để chăm sóc cây trồng, vật nuôi. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát Thảo luận cặp đôi. Thực hành.
21 Ôn tập chủ đề Thực vật và động vật (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống được các kiến thức đã học về chủ đề: Thực vật và động vật quen thuộc ở xung quanh. Tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của cây trồng, vật nuôi. Ích lợi và nguy hại của một số con vật. Xử lý tình huống có liên quan đến giữ an toàn bản thân khi tiếp xúc với vật nuôi. Tự đánh giá một số việc đã thực hiện trong chủ đề. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát tranh ảnh. Giao tiếp: trình bày, giới thiệu được sản phẩm đã thực hiện trong chủ đề. Trình bày, sắp xếp tranh ảnh theo một số tiêu chí đơn giản. Đưa ra quyết định, lựa chọn phương án để xử lý tình huống liên quan đến giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với vật nuôi. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát Xử lý tình huống. Làm việc nhóm.

Bài 16

Cây và con vật quanh ta

YÊU CẦU CẨN ĐẶT

- Nói được tên một số cây và con vật quen thuộc ở xung quanh qua quan sát thực tế.
- Đặt được câu hỏi và trả lời về đặc điểm nổi bật bên ngoài của một số cây và con vật quen thuộc.
- Phân biệt được thực vật và động vật qua quan sát sự tự di chuyển của động vật.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Video bài hát "Lý cây xanh" (Dân ca Nam Bộ).
- Địa điểm tổ chức hoạt động HS quan sát thực tế. (Hoặc video đảm bảo các yếu tố cho quan sát).
- Kính lúp, máy ảnh (nếu có).
- 2 hình cây, 2 hình con vật quen thuộc có hình dạng bên ngoài khác nhau.
- Bộ thẻ hình.

Chuẩn bị của HS:

Giấy khổ lớn, bút chì, chì màu.

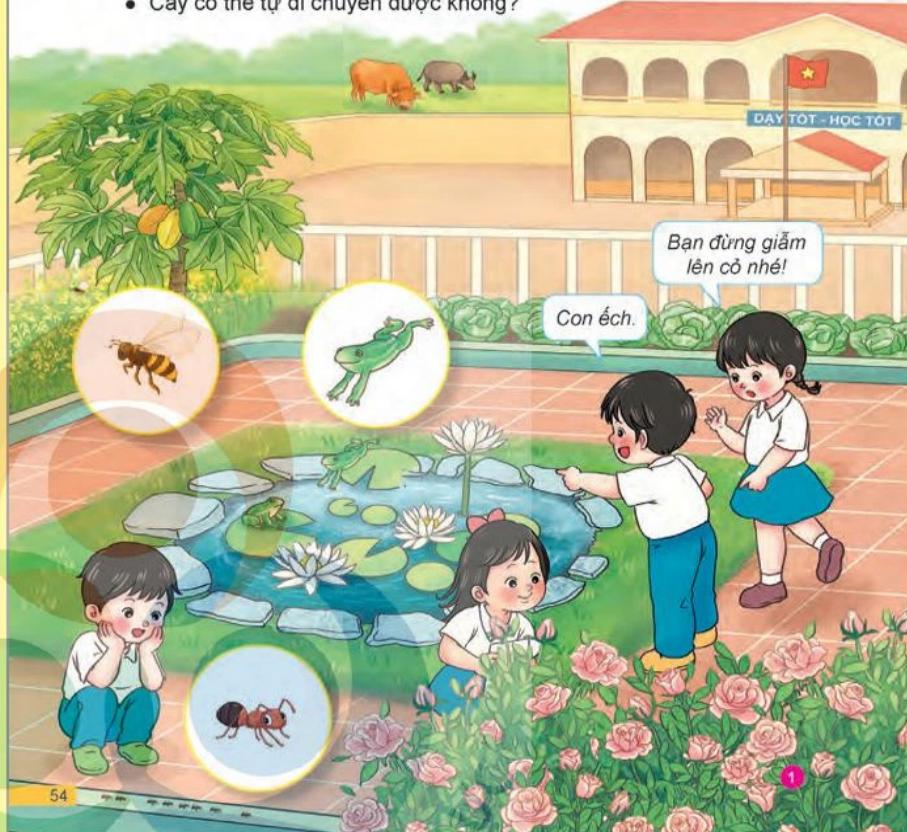
bài 16

Cây và con vật quanh ta

1 Xung quanh chúng mình có những cây và con vật nào?

2 Quan sát và trả lời:

- Bạn nhìn thấy cây nào, con vật nào? Bạn nhìn thấy chúng ở đâu?
- Cây có thể tự di chuyển được không?



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Xung quanh chúng mình có những cây và con vật nào?

Hoạt động cả lớp:

- HS theo dõi video (hoặc nghe nhạc) và hát theo lời bài hát "Lý cây xanh".
- HS liên hệ từ nội dung bài hát, trả lời câu hỏi: Trong bài hát có cây nào, con vật nào?
- GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi: *Xung quanh chúng mình có những cây nào, con vật nào?*
- GV dẫn dắt vào bài học.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Quan sát và trả lời.

a) Chuẩn bị học qua trải nghiệm thực tế.

Lưu ý: Nếu không có vườn trường, GV có thể cho HS quan sát cây ở khu vực bồn hoa, cây cảnh, cây cho bóng mát trong trường học, nơi có kiến hoặc một số con vật khác. Trên một số cây cần có biển tên cây.

Hoạt động nhóm tổ:

- HS suy nghĩ và thảo luận để trả lời câu hỏi: *Cần làm gì để giữ an toàn khi học ở ngoài vườn trường?* HS quan sát hình, có thể nêu được:
 - + Đi theo nhóm, không tự ra khỏi khu vực quy định.
 - + Không tự ý chạm vào các cây và con vật.
 - + Không giẫm chân lên cỏ,...
- HS trao đổi trong nhóm để nắm bắt được yêu cầu (nhiệm vụ) khi học ngoài vườn trường: "Quan sát các cây và con vật ở vườn trường", trả lời được câu hỏi:
 - + Bạn nhìn thấy cây nào, con vật nào?

- + Bạn nhìn thấy chúng ở đâu?
- + Cây có thể tự di chuyển được không?
- Một số HS nhắc lại yêu cầu.

b) Học trải nghiệm thực tế ngoài lớp học.

Hoạt động nhóm:

- Mỗi nhóm HS quan sát theo những khu vực khác nhau ở vườn trường. Có thể HS chọn một cây và một con vật mình thích, nhớ đặc điểm của chúng. HS tập trung quan sát: hình dạng, màu sắc, độ lớn của cây và con vật.
- Tại khu vực được phân công, HS quan sát cây, trao đổi trong nhóm, nói cho nhau tên cây, tên con vật quan sát được.
- HS có thể quan sát các con vật bé ở dưới đất, ở trên hoa, lá,... ở vườn trường hoặc quan sát rộng ra các cây xung quanh trường. Có thể dùng kính lúp để quan sát những con vật bé. GV hướng dẫn HS so sánh để nêu được:
 - + Tên cây, tên con vật (hoặc chỉ mô tả về màu cây, màu hoa, độ lớn của cây; hình dạng độ lớn của con vật).
 - + Cây không tự di chuyển được.

HĐ3: Vẽ và nói với bạn về một cây hoặc con vật mà bạn đã quan sát.

Hoạt động cá nhân:

- HS vẽ một cây hoặc một con vật mình thích khi quan sát.
- Tranh vẽ cần thể hiện được hình dạng, màu sắc của cây hoặc con vật, tô màu (nếu có điều kiện).

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS hỏi - trả lời để tìm hiểu về cây, con vật đã vẽ. GV có thể mời một cặp HS lên làm mẫu cách hỏi - trả lời.
- GV khuyến khích các bạn khác trong nhóm có thể đặt thêm câu hỏi để hiểu rõ hơn đặc điểm nổi bật của cây và con vật.

Hoạt động cả lớp:

- Một số HS giới thiệu về cây hoặc con vật đã vẽ trước lớp, nói tên cây hoặc con vật và đặc điểm nổi bật của chúng. GV mời các HS có bài vẽ các cây, con vật có hình dạng, đặc điểm đa dạng lên giới thiệu trước lớp.

3 Vẽ và nói với bạn về một cây hoặc con vật mà bạn đã quan sát.



2



3

Xung quanh chúng ta có nhiều cây và con vật. Cây là thực vật. Thực vật không tự di chuyển được. Các con vật là động vật. Động vật tự di chuyển được.

55

- HS có thể trưng bày các sản phẩm đã giới thiệu trên bảng theo từng nhóm: các loại cây, các con vật.
- GV tổ chức cho HS nhận xét riêng từng nhóm cây hoặc con vật.

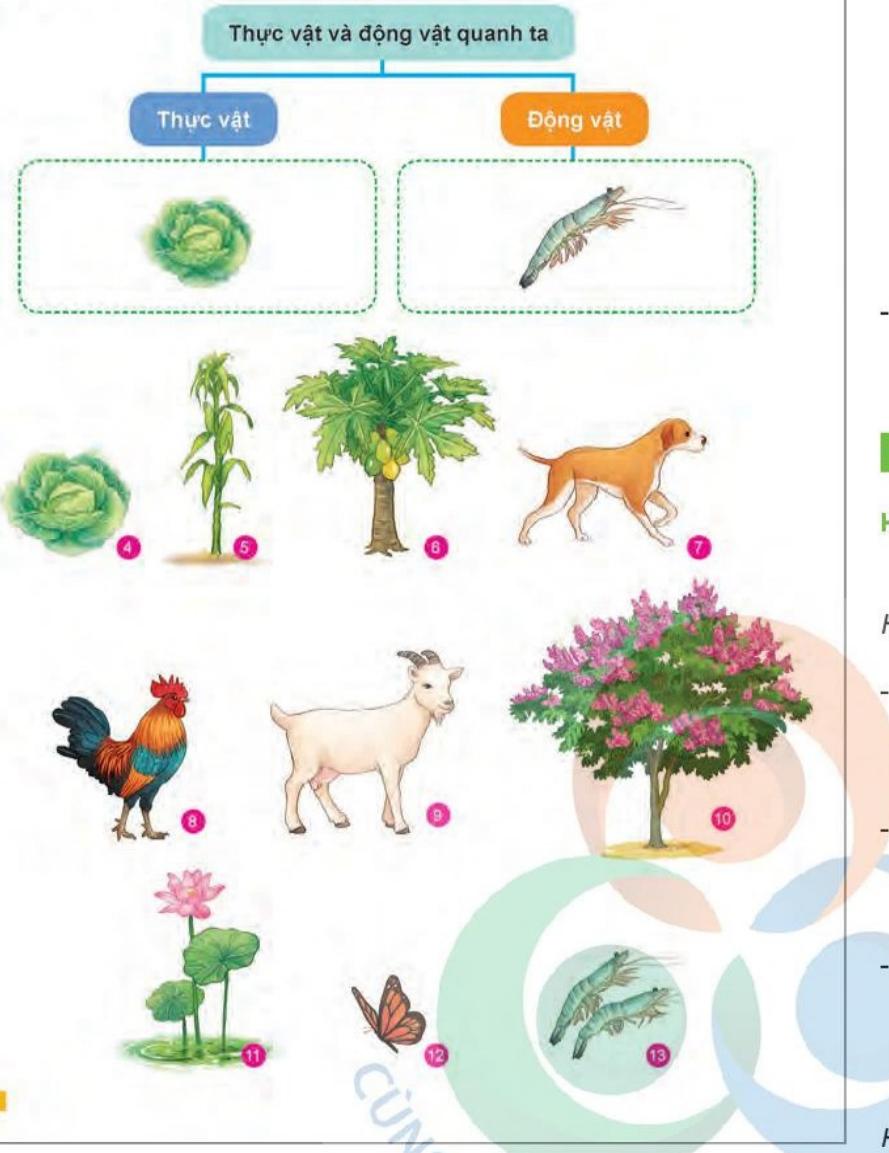
a) Nhận xét về cây.

Hoạt động cá nhân:

- HS quan sát các bài vẽ về cây, trả lời câu hỏi: Các cây có hình dạng, màu sắc, độ lớn như thế nào? Các cây có tự di chuyển được không? (GV có thể sử dụng các hình ảnh đã chuẩn bị để HS quan sát cùng với bài của chính HS đã vẽ).
- HS so sánh, nhận xét, nói được những điểm khác nhau của các cây đã vẽ. Có thể so sánh với các cây cho bóng mát ở sân trường, cây làm cảnh trong lớp. Từ đó, HS:

- + Nói được: tên cây, hình dáng cây cao hay thấp, độ lớn cây to hay nhỏ, màu sắc hoa,...
- + Nói quan sát thấy cây: ngoài vườn, trong bồn cây, góc trường, sân trường,...
- + Nhận xét được: cây không tự di chuyển được.

4 Chọn hình vào nhóm phù hợp và giới thiệu với bạn.



56

GV giới thiệu: Xung quanh ta có rất nhiều cây khác nhau. Chúng có tên gọi, hình dáng, màu sắc, độ lớn,... rất đa dạng (như cây hoa cúc, cây phượng, cây đu đủ,...). Các cây được gọi chung là thực vật.

b) Nhận xét về con vật.

Hoạt động cá nhân:

- HS hoạt động tương tự như với mục a) **Nhận xét về cây**, HS quan sát, so sánh, nhận xét hình vẽ con vật của các bạn (hoặc hình ảnh do GV cung cấp), từ đó nói được:

- + Tên con vật, hình dạng con vật, to hay nhỏ, lớn hay bé, màu sắc,...
- + Nơi quan sát được: dưới đất, trên cây,...
- + Các con vật di chuyển được từ chỗ này đến chỗ kia.
- **GV giới thiệu:** Xung quanh ta có rất nhiều con vật khác nhau. Chúng có ở sân trường, vườn trường, lớp học, trên cây, dưới đất,... Chúng có tên gọi, hình dáng, độ lớn khác nhau (như

con kiến, con bướm, con chim, con trâu, con ếch,...) và tự di chuyển được. Các con vật được gọi chung là động vật.

- HS so sánh và phân biệt được: Thực vật không tự di chuyển được, động vật có thể tự di chuyển từ nơi này đến nơi kia.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ4: Chọn hình vào nhóm phù hợp và giới thiệu với bạn.

Hoạt động nhóm 4:

- HS quan sát các cây và con vật trong hình, nói cách xếp chúng vào một trong hai nhóm “Thực vật” hoặc “Động vật”.
- HS nói kết quả sắp xếp hình với các bạn trong nhóm. Nhóm cùng nhau thống nhất và sắp xếp các hình ảnh thành kết quả của nhóm.
- Các nhóm trình bày kết quả lên giấy khổ lớn hoặc mặt sau tờ lịch để dán các “thẻ hình” tạo thành sản phẩm của nhóm (nếu có thể).

Hoạt động cả lớp:

- Một số nhóm HS chia sẻ trước lớp kết quả sau khi hoàn thành sản phẩm nhóm.
- Kết quả:
 - + Nhóm thực vật: cây bắp cải, cây ngô, cây đu đủ, cây bàng lăng, cây hoa sen.
 - + Nhóm động vật: con chó, con gà, con dê, con bướm, con tôm.
 - HS liên hệ thực tế, có thể kể thêm tên các cây, con vật mà các em biết và sắp xếp vào hai nhóm “Thực vật” hoặc “Động vật” cho phù hợp vào sản phẩm của nhóm.
 - GV nhận xét, khen ngợi nhóm kể được nhiều tên các cây và con vật.
- Kết thúc bài học, HS nói được tên một số loại thực vật, tên một số loài động vật đã được làm quen hoặc đã biết.

Bài 17

Các bộ phận của cây

YÊU CẦU CÂN ĐẠT

- Nói được tên, đặc điểm bên ngoài, nhận biết được bộ phận bên ngoài của một số cây thường gặp.
- Nêu được các bộ phận giống nhau và khác nhau của một số cây thường gặp.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Video bài hát "Lý cây xanh", dân ca Nam bộ.
- Một số vật thật và hình ảnh cây cho rau, cây cho hoa, cây cho quả quen thuộc (một số cây có cả rễ).
- Hình ảnh khoa học các bộ phận bên ngoài của cây.

Chuẩn bị của HS:

- Giấy, kéo, bút vẽ, bút màu, hồ dán.
- Một số vật thật các bộ phận của cây (lá khô, cánh hoa khô,...) và tranh ảnh một số cây quen thuộc.

Bài 17

Các bộ phận của cây

1 Kẽ về một cây bạn thích.

2 Chỉ trên hình và nói tên các bộ phận của cây.



1



2



4

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Kẽ về một cây bạn thích.

- HS nghe nhạc và hát theo lời bài hát "Lý cây xanh" (dân ca Nam Bộ), trả lời lần lượt câu hỏi của GV: Nội dung bài hát nói về cái gì? Cây được mô tả như thế nào?
- HS có thể trả lời các nội dung khác nhau cảm nhận được từ bài hát.
- HS kẽ về một cây HS thích.
- GV tập trung vào các ý kiến mô tả về đặc điểm bên ngoài của cây để dẫn dắt vào bài mới.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

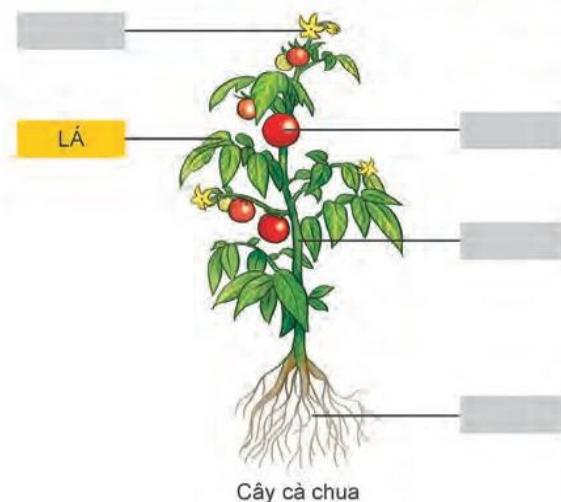
HĐ2: Chỉ trên hình và nói tên các bộ phận của cây.

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát từng hình từ 1 đến 4, chỉ trên hình và nói tên các bộ phận của cây mà các em biết.
- HS xung phong làm mẫu chỉ hình và nói tên các bộ phận của một cây.
- Từng cặp HS tiếp tục chỉ trên hình, nói với nhau tên các bộ phận của cây. Có thể trao đổi để tìm hiểu: *Cây có những bộ phận nào?*
- HS chia sẻ với bạn các bộ phận phù hợp với cây mình nói tới:
 - + Cây rau cải: có (bộ phận) rễ, thân, lá, hoa.
 - + Cây quất: có thân, lá, hoa (rễ không nhìn thấy).
 - + Cây bèo tây: có thân (cành), lá, hoa, rễ.

3 Đặt thẻ tên các bộ phận của cây vào vị trí phù hợp trên hình.

RỄ THÂN LÁ HOA QUẢ



4 Hỏi và trả lời về đặc điểm bên ngoài của cây.

Lá cây tía tô có màu gì?



Cây có hình dạng, màu sắc, độ lớn,... khác nhau. Cây thường có các bộ phận rễ, thân, lá, hoa, quả.

58

+ Cây bàng: có lá, thân (cành), một phần của rễ nổi trên mặt đất.

Lưu ý: Dựa trên hiểu biết của mình, HS có thể nêu nhiều hơn hoặc ít hơn các bộ phận chính của cây.

Hoạt động cả lớp:

- Mỗi HS có thể chọn một trong các hình từ 1 đến 4 để giới thiệu trước lớp về tên cây và các bộ phận của cây.
- HS tiếp tục giới thiệu cho đến khi đủ cả bốn hình (có thể HS sẽ gọi tên khác nhau của cùng một bộ phận của cây).
- GV có thể đặt hình ảnh các cây HS vừa trình bày cạnh nhau để HS dễ nhận xét.
- HS có thể vẫn còn ý kiến khác nhau về tên gọi của cùng một bộ phận hoặc gọi tên chưa đúng. GV nhắc lại các ý kiến khác biệt đó để chuyển sang HĐ3.

HĐ3: Đặt thẻ tên các bộ phận của cây vào vị trí phù hợp trên hình.

Hoạt động cả lớp:

GV treo hình ảnh khoa học “Cây cà chua” lên bảng.

HS quan sát 5 thẻ tên các bộ phận chính của cây, GV giới thiệu minh họa cách đặt thẻ tên vào ô tương ứng với bộ phận trên hình.

Hoạt động cá nhân (hoặc nhóm):

- HS thực hiện theo yêu cầu: Đặt thẻ tên các bộ phận vào các ô tương ứng trên hình.
- HS so sánh kết quả với bạn, nói được tên các bộ phận và chỉ được vị trí trên hình.

Hoạt động cả lớp:

HS quan sát mô hình, đọc chú thích các bộ phận trên hình, trả lời được câu hỏi: Cây thường có những bộ phận nào? (Cây thường có các bộ phận: rễ, thân, lá, hoa, quả).

HĐ4: Hỏi và trả lời về đặc điểm bên ngoài của cây.

Hoạt động nhóm (hoặc tố):

- HS giới thiệu trong nhóm một số cây thật đã chuẩn bị, nói được tên của cây.
- HS sử dụng các giác quan của mình để quan sát kĩ từng cây, nhận biết đặc điểm bên ngoài nổi bật của từng cây.
- HS thay nhau hỏi và trả lời về đặc điểm bên ngoài của từng cây:
 - Một bạn hỏi – từng bạn trả lời về đặc điểm của cây đó. HS có thể hỏi và trả lời về: màu sắc của lá cây, của hoa; hình dạng của lá; mùi hương của hoa, lá, ...
 - Bạn trả lời xong lại chọn một cây khác và đặt câu hỏi để các bạn trong nhóm trả lời,...

Hoạt động cả lớp:

Hỏi – trả lời về đặc điểm của cây (nếu có điều kiện tổ chức).

Cùng làm tranh từ các bộ phận của cây:

- Giới thiệu với các bạn vật liệu đã chuẩn bị.



- Cắt, xé, dán và vẽ thêm để trang trí cho tranh.



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

HD5: Cùng làm tranh từ các bộ phận của cây.

Hoạt động nhóm hoặc tổ:

- HS giới thiệu với các bạn trong nhóm những vật liệu đã chuẩn bị sẵn để làm tranh.
- Nhóm HS lựa chọn ảnh cây mình thích để làm mẫu tranh. Lưu ý các hình ảnh cây để làm mẫu gợi ý cho tranh cần đơn giản, dễ làm, ít chi tiết.
- HS trong nhóm nói được ý tưởng (mong muốn) vẽ tranh: tên cây trong tranh, các bộ phận của cây.
- HS lựa chọn vật liệu phù hợp cho tranh: lá khô, cành nhỏ, bút, vỏ cây, giấy màu, bút vẽ, keo, hò dán.
- HS tùy theo khả năng cùng nhau thực hiện cắt, xé, dán tạo sản phẩm nhóm: Sử dụng giấy màu hoặc lá khô, cành hoa khô để làm các bộ phận của cây; Sử dụng hò dán để dán chúng vào các vị trí trên cây đã vẽ; Có thể trang trí, tô màu, vẽ thêm vào tranh các bộ phận khác như rễ, hoa,... để tạo bức tranh sinh động.

59

Hoạt động cả lớp:

- Các nhóm giới thiệu tranh đã hoàn thành trước lớp hoặc triển lãm tranh (nếu có thời gian) hoặc treo, trưng bày ở góc học tập.
- HS giới thiệu sản phẩm của nhóm mình và tham quan sản phẩm của các nhóm bạn. (Hoặc GV có thể tổ chức hoạt động này vào tiết học kết thúc chủ đề). HS giới thiệu tranh của nhóm theo nội dung:
 - + Tên cây trong bức tranh.
 - + Các bộ phận của cây.
 - + Đặc điểm bên ngoài nổi bật của cây.

Bài 18

Các bộ phận của con vật

YÊU CẦU CÂN ĐẠT

- Nói được tên, chỉ được trên hình các bộ phận chính bên ngoài: đầu, mình và bộ phận di chuyển của một số con vật quen thuộc.
- Đặt được câu hỏi đơn giản để tìm hiểu về các bộ phận và đặc điểm bên ngoài nổi bật của con vật thường gặp.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Tranh ảnh một số con vật quen thuộc có đặc điểm khác nhau.
- Video: Mô tả cách di chuyển của một số con vật; Bài hát “Gà trống, mèo con và cún con”, nhạc và lời Thé Vinh.
- Thẻ chữ các bộ phận bên ngoài của con vật: *đầu, mình, bộ phận di chuyển*.
- Một con vật thật nếu có (chú ý an toàn).

Chuẩn bị của HS:

Sưu tầm hình ảnh (hình chụp, vẽ) một số con vật quen thuộc hoặc yêu thích.

Bài 18

Các bộ phận của con vật

1 Nói về con vật bạn yêu thích. Nó có những đặc điểm gì?

2 Chỉ trên hình và nói tên các bộ phận bên ngoài của con vật.



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Nói về con vật bạn yêu thích. Nó có những đặc điểm gì?

Hoạt động cả lớp:

- HS xem video (hoặc nghe nhạc) bài hát “Gà trống, mèo con và cún con”.
- HS trả lời câu hỏi: *Nội dung bài hát nói về con vật nào? Chúng như thế nào? Chúng mình có con vật nào yêu thích? Con vật đó có đặc điểm gì?*
- GV dẫn dắt vào bài học.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Chỉ trên hình và nói tên các bộ phận bên ngoài của con vật.

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát các hình từ 1 đến 4, nói tên từng con vật và các bộ phận của chúng.
- Từng cặp HS chỉ trên hình và nói với nhau tên con vật và tên các bộ phận bên ngoài của từng con vật.
- HS có thể hỏi bạn các bộ phận của con vật mà mình chưa biết, đặt câu hỏi để tìm hiểu: *Con vật có những bộ phận nào? Đây là bộ phận gì?*

Lưu ý: Dựa trên hiểu biết của mình, HS có thể nêu nhiều hơn hoặc ít hơn các bộ phận chính của một con vật.

Hoạt động cả lớp:

- HS lén bảng chì vào hình con vật và các bộ phận chính. HS chỉ vào bộ phận nào, GV dùng thẻ chữ tương ứng gắn trực tiếp vào hình bộ phận vừa được nhắc đến của con vật. Từ đó HS nói được: Các con vật đều có đầu, mình và bộ phận di chuyển.

- GV có thể giải thích thêm: Các con vật đều có các bộ phận chính bên ngoài là đầu, mình và bộ phận di chuyển. Bộ phận di chuyển ở một số loài động vật khác nhau là khác nhau như: chân (đa số các con vật); cánh, chân (ở chim, gà, ong, bướm,...). Các bộ phận di chuyển khác nhau để con vật thích nghi với điều kiện sống và thói quen sinh sống.

- HS cùng xem video về một số con vật trong đời sống tự nhiên, nhận xét cách di chuyển của chúng.

- HS kể thêm tên các con vật có thể di chuyển bằng các bộ phận khác nhau như:

- + Di chuyển bằng cánh: bướm, chim, gián,...
- + Di chuyển bằng chân: ếch, nhái, cóc, gà, lợn, chó, mèo, chuột;...
- + Di chuyển bằng vây: các loại cá.

- Nếu có điều kiện GV cho HS quan sát một con vật thật và mô tả đặc điểm bên ngoài của con vật đó.

HĐ3: Hỏi và trả lời về đặc điểm bên ngoài của con vật.

Hoạt động nhóm (hoặc tổ):

- HS sử dụng các hình đã quan sát ở HĐ2, hỏi và trả lời theo từng hình con vật.

- HS thay nhau hỏi và trả lời về đặc điểm bên ngoài của từng con vật:

- + Một bạn chọn một con vật bất kì, đặt câu hỏi – từng bạn trả lời về đặc điểm của con vật đó. HS có thể hỏi và trả lời về: màu sắc của con vật (hoặc màu của lông con vật); hình dáng của con vật và hình dạng các bộ phận bên ngoài (dài, tròn, ngắn, to,...); cách di chuyển của con vật; tiếng kêu của con vật.
- + Bạn trả lời xong lại chọn một con vật khác và đặt câu hỏi để các bạn trong nhóm trả lời,...

Hoạt động cả lớp:

- Một số cặp HS lên bảng, đặt câu hỏi và trả lời về đặc điểm bên ngoài con vật.

- Với sự gợi ý so sánh đặc điểm bên ngoài của bốn con vật, HS nhận xét được: các con vật có ba bộ phận chính bên ngoài và có những đặc điểm riêng biệt rất khác nhau.

Hỏi và trả lời về đặc điểm bên ngoài của con vật.

Lông của con chim này
có màu gì?



5

Các con vật có hình dạng, màu sắc, độ lớn,... khác nhau. Chúng thường có đầu, mình và bộ phận di chuyển như chân, cánh, vây...

4 Làm bộ sưu tập và giới thiệu:

- Cùng bạn sắp xếp hình các con vật thành bộ sưu tập.
- Giới thiệu với bạn về các con vật trong bộ sưu tập.

Đây là con mèo.
Nó có móng rất sắc.



6

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ4: Làm bộ sưu tập và giới thiệu.

Hoạt động nhóm hoặc tổ:

- HS giới thiệu với bạn hình ảnh các con vật đã chuẩn bị, nói tên gọi và các đặc điểm nổi bật của chúng. Ví dụ:

- + Con gà có đầu, mình và hai chân, có bộ lông dài. Con gà kêu cục tác hoặc gáy ò, ó, ó.
 - + Con chó có đầu, mình và bốn chân, đuôi dài, lông mượt. Con chó kêu gâu, gâu.
 - + Con bướm có đầu, mình, hai cánh, màu rất đẹp.
 - + Con cá có đầu, mình, vây, đuôi.
- HS trong nhóm cùng nhau lựa chọn và sắp xếp các hình ảnh đã chuẩn bị thành một sản phẩm của nhóm. HS dán thẻ tên hoặc viết tên dưới hình ảnh các con vật.

5 Cùng chơi “Bắt chước các con vật”.



62

Hoạt động cả lớp:

- Một số nhóm trình bày sản phẩm trước lớp. HS khi trình bày có thể mô tả thêm tiếng kêu, cách di chuyển của những con vật trong bộ sưu tập của nhóm mình.
- HS trong lớp nhận xét bộ sưu tập đẹp nhất và nhiều con vật nhất.

Cách tổ chức khác:

- HS tham gia Hội chợ trưng bày sản phẩm.
- Các nhóm đi tham quan sản phẩm của nhóm khác, đặt câu hỏi với nhóm bạn, tìm hiểu về tên gọi, tiếng kêu, cách di chuyển của các con vật mà nhóm mình không có.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ5: Cùng chơi “Bắt chước các con vật”.

Hoạt động nhóm theo tổ:

- HS chọn một con vật mình thích và bắt chước hình dáng, cách di chuyển hoặc tiếng kêu của chúng.
- HS trong nhóm nhận xét, giúp đỡ phần trình diễn của nhau sao cho thật giống. Tuỳ từng khả năng, HS có thể bắt chước hình dáng và tiếng kêu hoặc chỉ một trong hai đặc điểm.

Hoạt động cả lớp:

HS các nhóm lên thi đua. Các nhóm nhận xét, bình chọn nhóm bắt chước giống nhất. Hoặc những bạn nào có khả năng bắt chước giống nhiều con vật nhất.

Cách tổ chức khác:

Khi tổ chức chung cả lớp, HS không cần thi đua theo nhóm mà thể hiện một cách tự do, vui vẻ theo khả năng của mình.

Bài 19

Cây và con vật đối với con người

YÊU CẦU CẨN ĐẶT

- Kể được ích lợi của một số cây trồng và vật nuôi đối với con người.
- Kể được tên một số cây và con vật gây nguy hiểm đối với con người.
- Phân biệt được một số cây theo ích lợi; một số con vật theo ích lợi, tác hại của chúng đối với con người.
- Nêu được và có ý thức thực hiện một số việc để giữ an toàn cho bản thân khi tiếp xúc với cây và các con vật.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Ví dụ bài hát "Vườn cây của ba", nhạc và lời Phan Nhân
- Một số cây thật hoặc hình ảnh cây có gai, cây có lá sắc,...
- Một số hình ảnh con vật gây nguy hiểm ở địa phương.

Chuẩn bị của HS:

- Một số hình ảnh cây và con vật có ích, con vật gây nguy hiểm.
- Một tờ giấy khổ lớn.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1. Kể tên một cây hoặc con vật bạn thích. Chúng có ích lợi gì đối với con người?

Hoạt động cả lớp:

- HS xem video (hoặc nghe nhạc) bài hát "Vườn cây của ba" nhạc và lời Phan Nhân.
- HS trả lời câu hỏi: Trong bài hát mẹ trồng những cây gì? Ba trồng những cây gì?
- HS có thể nói được tên riêng của cây hoặc tên gọi chung của cây.
- GV đặt câu hỏi: Các em thích cây nào? Con vật nào? Kể tên một cây hoặc con vật các em thích. Chúng được dùng để làm gì?

Bài 19

cây và con vật đối với con người

1 Kể tên một cây hoặc con vật bạn thích. Chúng có ích lợi gì đối với con người?

2 Nói về những ích lợi của cây đối với con người.



- Một số HS xung phong nói trước lớp. HS có thể nói các vai trò khác nhau của cây, con vật. GV nhắc lại các ý kiến đúng, không nhắc lại ý kiến sai, hướng ý kiến về ích lợi của cây trồng và vật nuôi với con người.
- GV dẫn dắt vào bài mới.

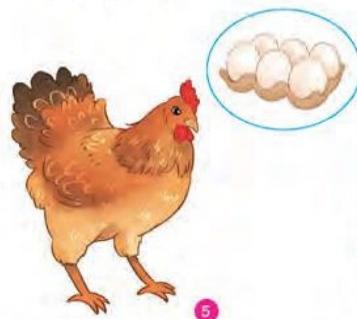
TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Nói về những ích lợi của cây đối với con người.

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát các hình từ 1 đến 4, liên hệ thực tế nói được ích lợi của các cây trong từng hình.
- HS trao đổi với bạn và nói được:
 - + Hình 1 vẽ cây rau cải. Cây rau cải dùng làm thức ăn.
 - + Hình 2 vẽ cây bưởi. Cây bưởi cho quả để ăn, cho hoa có hương thơm.
 - + Hình 3 vẽ cây to và người ngồi dưới bóng của cây đọc sách. Đó là cây cho bóng mát.
 - + Hình 4 vẽ cây hoa đồng tiền. Hoa đồng tiền nhiều màu sắc đẹp, trồng để làm cảnh.

3 Con vật nào có ích, con vật nào gây hại đối với con người?



64

Hoạt động cả lớp:

- HS nói được ích lợi của cây:

+ Nhiều loại cây trồng để làm thức ăn.

+ Các cây to (có tán rộng) để che bóng mát.

+ Các cây hoa để làm đẹp cảnh quan, trang trí nhà cửa, nhiều loại hoa có hương thơm.

- HS có thể kể thêm nhiều ích lợi nữa của các loại cây.

HĐ3: Con vật nào có ích, con vật nào gây hại đối với con người?

HS quan sát hình ảnh từ 5 đến 10, ở từng hình nói được tên con vật, nhận biết những con vật mang lại ích lợi gì hoặc những con vật gây hại gì với con người.

Hoạt động cặp đôi:

- HS chia sẻ với bạn, phân biệt được các con vật thành hai nhóm: con vật có ích và con vật gây hại với con người:

+ Con vật có ích với con người: con gà nuôi để cho trứng, làm thức ăn; nuôi cá để làm cảnh, làm đẹp trong nhà (một số loài cá làm thức ăn), nuôi mèo để bắt chuột; Ở miền núi, nuôi ngựa để chở hàng,...

+ Con vật gây hại với con người: con muỗi hút máu, truyền bệnh; con gián là con vật trung gian truyền bệnh từ các con vật khác sang người,...

Hoạt động cả lớp:

a) Nói về con vật có ích.

- Một số cặp HS lên bảng chia sẻ trước lớp. HS nói được ích lợi của con vật theo nội dung từng hình.

- HS liên hệ thực tế, có thể kể thêm nhiều ích lợi khác của con vật:

+ Mèo để bắt chuột. Ngoài ra, mèo còn là một người bạn, gần gũi với con người.

+ Ngựa để thồ hàng. Ngoài ra, ngựa có thể là phương tiện đi lại ở vùng núi, đưa ngựa phục vụ giải trí,...

+ ...

- GV lưu ý HS: Đối với một số con vật nuôi không chỉ có mục đích làm thức ăn hay một số mục đích cụ thể khác mà việc nuôi một số con vật còn có ý nghĩa nhân văn, giáo dục giá trị khi nuôi như nuôi mèo, chó,...

b) Nói về con vật gây hại.

HS thực hiện tương tự như phần chia sẻ về con vật có ích. HS nói được trong các con vật thể hiện trong hình, có hai con vật gây hại: con muỗi và con gián nhà.

Cách tổ chức khác:

- HS chia sẻ ý kiến trước lớp, phân biệt được những con vật có ích và những con vật gây hại; HS giới thiệu hình ảnh đã chuẩn bị, liên hệ thực tế có thể kể thêm tên các con vật theo hai loại có ích và gây hại.

- HS có thể dùng hình ảnh đã chuẩn bị để phân chia phù hợp vào hai nhóm có ích và gây hại.

HĐ4: Quan sát và trả lời.

a) Khai thác nội dung SGK.

Hoạt động nhóm:

- HS quan sát hình ảnh từ 11 đến 14, trả lời câu hỏi: Cây và con vật có thể gây nguy hiểm như thế nào khi tiếp xúc với chúng?

- HS chia sẻ cùng nhau. Với gợi ý của GV, HS nói được:

- + Cây hoa hồng có gai nhọn có thể làm chảy máu tay.
- + Cây xương rồng có gai rất nhọn, ngoài ra nhựa (mủ) của cây xương rồng rất độc, nếu chạm phải có thể gây dị ứng, rất, ngứa.
- + Con chó có thể cắn, vồ lên người làm người bị thương.
- + Người nuôi ong có thể bị ong đốt khi lấy mật ong.

Hoạt động cả lớp:

- HS quan sát bông nghĩ và đọc lời đối thoại của hai bạn trong tranh, thảo luận, trả lời câu hỏi.

- HS chia sẻ ý kiến, liên hệ thực tế để nói được:

- + Trên cành hoa hồng có gai rất nhọn, nếu chạm vào có thể gây chảy máu tay.
- + Người làm vườn đeo găng tay để bảo vệ tay, không bị gai đâm.
- + Người thợ nuôi ong cần mặc đồ bảo hộ che kín tay, mặt, ... khi tiếp xúc với ong.

b) Liên hệ và mở rộng thực tế ở địa phương.

- HS quan sát thêm những hình ảnh, thông tin (nếu có) về một số con vật gây nguy hiểm như: muỗi, ruồi, kiến ba khoang, chuột,... các con vật đó có thể đốt, cắn, chích hoặc truyền bệnh cho người;

4 Quan sát và trả lời:

- Cây và con vật có thể gây nguy hiểm như thế nào khi tiếp xúc với chúng?
- Cần làm gì để giữ an toàn khi tiếp xúc với cây và con vật?



Bạn cần làm gì khi tiếp xúc với cây có gai?



Cây được trồng để làm thức ăn, cho hoa,... và cho bóng mát. Một số con vật được nuôi để làm thức ăn, làm cảnh,... và làm bạn với con người. Một số cây, con vật có thể gây nguy hiểm khi tiếp xúc.

65

Các cây có thể gây nguy hiểm khi chạm vào là những cây trên thân có gai, hoặc lá có cạnh sắc, lá có lông gây ngứa,... GV nêu tên cây cụ thể theo thực tế địa phương.

- Một số HS, đặc biệt HS đã biết về việc nuôi mèo, nuôi chó có thể chia sẻ với các bạn về việc tiếp xúc với mèo như lông mèo và móng vuốt của mèo có thể gây nguy hiểm cho bản thân,...

- HS nói được:

+ Để giữ an toàn cho bản thân, chúng ta không nên trêu chọc, làm các con vật tức giận, để tránh bị thương, bị cắn.

+ Đặc biệt không tiếp xúc với các vật nuôi không phải của gia đình.

+ Các con vật như ruồi, muỗi, chuột và bọ có thể bò lên cơ thể đốt, chích và truyền bệnh. Cần vệ sinh nơi ở, xịt thuốc驱虫, tiêu diệt chúng.

- Không nên chạm vào những cây thân có gai, lá có lông gây ngứa, có nhựa độc,...

5 Quan sát cây, con vật xung quanh và hoàn thành phiếu theo mẫu.

MẪU PHIẾU QUAN SÁT CÂY				
Tên cây	Ích lợi			
	Cho rau	Cho quả	Cho hoa	Cho bóng mát
Cây mít		X		X

MẪU PHIẾU QUAN SÁT CON VẬT			
Tên con vật	Có ích	Gây hại	Gây nguy hiểm
	X		
Chim sâu	X		

66

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ5: Quan sát cây, con vật xung quanh và hoàn thành phiếu theo mẫu.

a) Chuẩn bị quan sát.

Hoạt động cả lớp:

- HS nghe GV hướng dẫn hai loại phiếu và cách làm phiếu. Mỗi HS chọn một trong hai phiếu quan sát, mỗi nhóm quan sát cả hai phiếu.
- HS nhắc lại cách giữ an toàn cho bản thân khi quan sát cây và con vật ở xung quanh.
- HS hình thành các nhóm và đến các địa điểm đã chọn hoặc GV đã phân công.

b) Tiến hành quan sát xung quanh.

Hoạt động nhóm:

- HS theo hướng dẫn của GV có thể quan sát ở gia đình, ở vườn trường hoặc sưu tầm hình ảnh các cây và con vật có ích, con vật gây hại, con vật gây nguy hiểm.
- HS hoàn thành phiếu: Viết chữ hoặc dán hình ảnh đã sưu tầm; đánh dấu tương ứng vào các cột.
- HS chia sẻ kết quả phiếu quan sát với các bạn trong nhóm khác.

Bài 20

Chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi

YÊU CẦU CẨN ĐẠT

- Kể được một số việc chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi.
- Thực hiện được một số việc làm phù hợp với khả năng để chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi ở xung quanh nơi sống.
- Thể hiện được tình cảm, thái độ của bản thân trước những việc làm có hại cho cây trồng và vật nuôi.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Một số hình ảnh những việc thường làm để chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi.
- Dụng cụ tưới cây, làm vườn phù hợp với HS.

Chuẩn bị của HS:

Một số dụng cụ thực hành và bảo hộ cá nhân khi chăm sóc cây trồng và vật nuôi (bình tưới, khẩu trang, găng tay,...).



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỎI ĐỘNG

HĐ1: Nhà bạn đã trồng cây hay nuôi những con vật nào? Kể những việc bạn đã làm để chăm sóc chúng.

Hoạt động cả lớp:

a) Khai thác hình ảnh SGK.

HS trả lời theo ý hiểu về nội dung hình. GV giải thích những việc làm đó để chăm sóc con chó, bảo vệ các quả không bị hỏng, tưới cho cây để cây luôn phát triển tốt.

b) Khai thác kinh nghiệm HS.

- HS tiếp tục liên hệ thực tế để trả lời câu hỏi: *Nhà bạn đã trồng những cây hay nuôi con vật nào? Kể những việc bạn đã làm để chăm sóc chúng.*
- GV gợi ý để HS có thể nói lại những điều HS biết hoặc từng nhìn thấy người lớn thường làm để chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi. HS không nhất thiết nói được toàn bộ hay chính xác các việc đã làm để chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi.

2 Quan sát và thảo luận: Cần làm gì để chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi?



Chúng mình cần tưới nước, chăm sóc thường xuyên cho cây trồng. Các con vật cần được cho ăn, uống đầy đủ và được đối xử tốt.

cao, mùa đông rất lạnh, đồng bào nuôi trâu cách xa nhà, có chuồng che chắn cẩn thận để giữ ấm cho trâu khỏi bị rét. Nhiều nơi khi có băng tuyết, đồng bào dắt trâu xuống vùng thấp, nơi có nhiệt độ ấm hơn để tránh rét.

- + Hình 3: Con chó được đi tiêm phòng bệnh. Việc đó có lợi cho con chó, giúp chó khoẻ mạnh. GV giải thích thêm: Cần tiêm phòng bệnhẠI và bệnh KHÁC cho chó mỗi năm một lần.
- + Hình 4: Cây bị thiếu nước dẫn đến héo rũ, nhiều lá vàng. Cây có thể bị chết.
- + Hình 5: Con mèo đang đứng ngoài trời mưa. Việc đó có hại, không tốt cho mèo. Con mèo có thể bị ốm.
- + Hình 6: Người làm vườn đang cuốc đất quanh gốc cây. Việc đó có lợi cho cây.

b) Trả lời câu hỏi: Cần làm gì để chăm sóc cây trồng và vật nuôi?

Hoạt động cả lớp:

- HS quan sát lại các hình từ 2 đến 6, trả lời câu hỏi: Trong các hình đó, cây trồng và vật nuôi nào chưa được chăm sóc tốt? Điều gì có thể xảy ra với chúng?
- GV có thể gợi ý những câu hỏi cụ thể hơn: Nếu không được tưới nước thì cây sẽ như thế nào? Nếu con mèo không được vào nhà, phải đứng ngoài trời mưa, nắng thì sẽ như thế nào?...
- HS liên hệ thực tế, chia sẻ thêm các ý kiến về những hành động đối xử chưa tốt gây nguy hại cho cây trồng và vật nuôi khiến cây trồng có thể bị chết, vật nuôi có thể bị ốm. Ví dụ: thả rông, đánh chó, mèo; không có chuồng giữ ấm cho trâu, bò và gia súc vào mùa đông; không che nắng, làm mát cho cây trồng và vật nuôi vào ngày nắng gắt,...
- HS liên hệ với những việc có thể làm ở trường; kể thêm những việc làm để chăm sóc, bảo vệ những vật nuôi khác như cho gà, lợn, trâu, dê,... ăn, uống; chăm sóc những cây cảnh ở sân trường, cây ở xung quanh lớp học.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Quan sát và thảo luận: Cần làm gì để chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi?

Hoạt động này có thể tổ chức thành hai nội dung riêng biệt hoặc tích hợp cả hai nội dung khi khai thác hình.

a) Quan sát và nói những việc làm có lợi hay không có lợi cho cây trồng, vật nuôi.

Hoạt động cặp đôi:

HS quan sát hình từ 2 đến 6, trả lời câu hỏi: Trong hình vẽ gì? Việc đó có lợi hay không có lợi/không tốt cho cây trồng, vật nuôi? GV gợi ý HS quan sát từng chi tiết trong hình.

- HS trả lời câu hỏi trước lớp theo nội dung từng hình, với sự giúp đỡ của GV, HS nói được:

+ Hình 2: Mẹ đang cho trâu ăn trong chuồng. Việc đó có lợi cho con trâu, giúp trâu không bị đói, rét. GV giải thích thêm: Ở vùng

3 Việc nào nên làm, việc nào không nên làm? Vì sao?



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3: Việc nào nên làm, việc nào không nên làm? Vì sao?

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát các hình từ 7 đến 10, có thể liên hệ những việc làm diễn ra trong cộng đồng để xác định:
 - + Hình nào mô tả những việc nên làm?
 - + Hình nào mô tả những việc không nên làm?
- Từng cặp HS so sánh kết quả, chia sẻ ý kiến với bạn.

Hoạt động cả lớp:

- HS chia sẻ kết quả trước lớp, nói được những việc nên làm, những việc không nên làm. GV gợi ý để HS có thể nói được ý nghĩa một số việc nên làm và hậu quả của những việc không nên làm sẽ ảnh hưởng đến cây trồng và vật nuôi như thế nào, chẳng hạn:

- + Hình 7: Không nên khuấy nước, gây nguy hiểm cho con cá.
- + Hình 8: Nên cho gà ăn.
- + Hình 9: Không nên bẻ cành, ngắt lá các loại cây trồng ở nơi công cộng.
- + Hình 10: Không được đánh mèo (các con vật nuôi khác) vì có thể gây ra thương tích, nguy hiểm cho chúng và trên hết, các con vật đều có quyền được chăm sóc và bảo vệ.

4 Cùng thực hiện chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi.



69

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4: Cùng thực hiện chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi.

Hoạt động nhóm 4:

- Từng nhóm HS lựa chọn các đồ dùng, dụng cụ bảo hộ và nghe GV hướng dẫn cách đảm bảo an toàn khi thực hiện các hoạt động.
- Các nhóm HS lựa chọn những công việc phù hợp với mình theo hướng dẫn của GV: tưới cây, nhổ cỏ, bắt sâu; cho vật nuôi ăn, uống nước; treo biển hướng dẫn bảo vệ cây,...
- HS thực hiện chăm sóc, bảo vệ cây trồng và vật nuôi theo sự phân công.

Ôn tập chủ đề

Thực vật và động vật

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Trình bày và sắp xếp được cây và con vật vào sơ đồ cho sẵn; giới thiệu được về một cây hoặc một con vật mình biết hoặc yêu thích.
- Xác định một số dấu hiệu không an toàn qua tình huống và lựa chọn được cách xử lý an toàn cho bản thân.
- Làm được một sản phẩm về chủ đề (tranh vẽ, sưu tập về cây, con vật; hoạt động chăm sóc, bảo vệ cây, con vật;...).
- Nhận xét được những việc đã làm liên quan đến tìm hiểu, chăm sóc cây, con vật và tự bảo vệ bản thân phòng tránh con vật gây nguy hiểm.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV: 6 thẻ hình cây, con vật có ích hoặc gây nguy hiểm.

Chuẩn bị của HS:

- Sản phẩm tự sưu tầm (tranh ảnh, tranh vẽ, cây, con vật) về chủ đề.
- Dây kẹp để treo, đinh sản phẩm (theo nhóm).

Ôn tập chủ đề

Thực vật và động vật

- 1 Trình bày và giới thiệu sản phẩm về chủ đề.



1

- 2 Chọn hình phù hợp với ô chữ.

Cây và con vật có ích
đối với con người

Con vật có thể gây hại hoặc
gây nguy hiểm đối với con người



70

2

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS cùng hát bài hát về cây hoặc con vật.

Lưu ý: GV có thể chọn tình huống khác phù hợp để tổ chức hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ1: Trình bày và giới thiệu sản phẩm về chủ đề.

Hoạt động nhóm 4:

- HS lựa chọn một sản phẩm mình thích trong bộ sưu tập của cá nhân để giới thiệu trong nhóm.
- Từng nhóm HS tạo thành một sản phẩm của nhóm. Sản phẩm của nhóm được trình bày và sắp xếp theo:
 - + Hình ảnh về thực vật.
 - + Hình ảnh về động vật.
 - + Các sản phẩm sáng tạo: tự vẽ hay cắt, dán.

Hoạt động cả lớp:

- Từng nhóm trưng bày sản phẩm và đại diện nhóm giới thiệu sản phẩm của nhóm mình trước lớp. Giới thiệu được thông tin cơ bản: tên cây, con vật, đặc điểm bên ngoài của chúng.

3 Xử lý tình huống:

- Quan sát tình huống.

- HS trong lớp có thể hỏi thêm thông tin về các cây và con vật trong sản phẩm trưng bày của nhóm bạn:
 - + Con vật tên là gì? Có ích lợi gì? Có gây nguy hiểm không?
 - + Cây tên là gì? Có ích lợi gì? Điều gì xảy ra nếu chạm vào?
- Các nhóm nhận xét nhóm có sản phẩm ấn tượng, đa dạng hình ảnh nhất.

Cách tổ chức khác:

- HS trưng bày sản phẩm của nhóm như ở hội chợ. HS trong lớp đi tham quan sản phẩm trong "Hội chợ".
- Tại mỗi sản phẩm trưng bày, nhóm phân công người phụ trách giới thiệu sản phẩm.
- Sau phần tham quan, HS chia sẻ nhận xét nhóm có sản phẩm đa dạng, ấn tượng nhất,...

HĐ2: Chọn hình phù hợp với ô chữ.

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát và đọc nội dung ô chữ.
- HS quan sát hình, nói được tên các cây, con vật thuộc nhóm "Cây và con vật có ích đối với con người" hay "Con vật có thể gây hại hoặc nguy hiểm đối với con người".
- Từng cặp HS so sánh kết quả sắp xếp hình ảnh. HS có thể cùng bạn trao đổi, giải thích thêm các thông tin về cây, con vật mà mình chưa biết.
- HS liệt kê thêm các cây, con vật khác nữa và xếp chúng vào nhóm:
 - + Cây và con vật có ích, dùng làm thức ăn: cây rau cải, cây dừa (quả dừa), trà hoa hồng, gà, lợn, tôm,...
 - + Cây và con vật có ích, dùng trang trí, làm cảnh: cá cảnh, các loại hoa, các loại cây cảnh,...
 - + Con vật có thể gây nguy hiểm đối với con người: ruồi, gián, chó, mèo, chuột,...



3

- Bạn đồng ý với phương án nào sau đây? Vì sao?



71

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

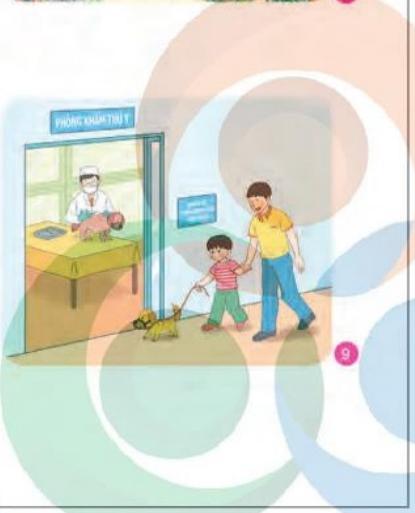
HĐ3: Xử lý tình huống.

a) Quan sát và mô tả tình huống.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng nhóm HS quan sát hình mô tả tình huống, trả lời câu hỏi:
 - + Bạn nhỏ và em gái đang làm gì? Em gái muốn điều gì?
 - + Đây có phải con chó của hai anh em hay của một gia đình khác?
- HS quan sát hình mô tả tình huống, theo gợi ý của GV, nói được:
 - + Bạn nhỏ và em gái đi ngang qua cổng một ngôi nhà. Em gái muốn chơi với con chó.
 - + Con chó là của một gia đình mà họ đi ngang qua.

4 Bạn đã làm những việc nào dưới đây? Việc nào không nên làm?



72

b) Xử lý tình huống.

Hoạt động cặp đôi:

HS quan sát và trao đổi với nhau để thấy được rằng: phương án a) hai anh em đi vào chơi với con chó; phương án b) anh đang mô tả cho em sự nguy hiểm của con chó. HS đưa ra và lí giải cho phương án trả lời.

Hoạt động cả lớp:

- HS lên trình bày trước lớp phương án lựa chọn của mình (cách xử lý của mình).
- Nếu HS lựa chọn phương án a), GV có thể đặt thêm một số câu hỏi:
 - + Theo em, con chó sẽ phản ứng như thế nào với người lạ?
 - + Em có chắc chắn là con chó sẽ không gây nguy hiểm khi có người lạ tiến đến gần không?
 - + ...

- Nếu HS chọn phương án b), HS đưa ra lời giải thích cho lựa chọn của mình: Con chó có thể xô lên, cắn hai anh em, gây nguy hiểm.

- HS có thể đưa ra các phương án khác. GV cùng HS phân tích các phương án đó để thấy được phương án đó có phù hợp hay không.

HĐ4: Bạn đã làm những việc nào dưới đây? Việc nào không nên làm?

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát hình, nói được việc làm của các bạn trong từng hình:
 - + Hình 4: Tưới nước cho cây.
 - + Hình 5: Vẽ một con vật đã quan sát hoặc con vật yêu thích (làm sản phẩm) theo yêu cầu của bài học trong chủ đề.
 - + Hình 6: Trêu chọc vật nuôi.
 - + Hình 7: Chăm sóc vườn rau của lớp.
 - + Hình 8: Ngủ nằm màn tránh muỗi đốt.
 - + Hình 9: Đưa vật nuôi đi tiêm phòng, khám bệnh.
- HS tự nhận xét đã thực hiện được những việc nào giống như việc của các bạn trong hình, việc nào chưa thực hiện và nêu lí do chưa thực hiện. Ý kiến của HS có thể đúng hoặc chưa đúng.

Hoạt động cả lớp:

- Một số HS kể trước lớp những việc mình đã thực hiện giống hoặc tương tự các bạn nhỏ trong hình, không nhất thiết HS làm được cả 6 việc đã nêu.
- GV và HS cùng nhận xét các việc làm tốt, khen ngợi các bạn thực hiện những việc: chăm sóc cây trồng, vẽ một sản phẩm về cây hoặc con vật mình thích, mặc màn khi đi ngủ để tránh muỗi đốt, nhắc nhở người thân tiêm phòng cho vật nuôi.
- HS chia sẻ và rút kinh nghiệm những việc làm chưa đúng hoặc hành động đó “không đẹp” hoặc gây tổn hại với cây và con vật, ví dụ như trêu chọc vật nuôi.
- HS kể thêm các việc làm khác tương tự như hành động của các bạn nhỏ trong hình. GV khuyến khích HS làm các việc phù hợp với bản thân, tham gia nhiều hoạt động để làm ra sản phẩm lưu giữ được.

Chủ đề CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ

Thời gian: Học kì 2; Tuần: 23 – 29;
Thời lượng: 14 tiết

1. MỤC TIÊU

- Biết được tên gọi, hoạt động của một số bộ phận bên ngoài cơ thể người và các giác quan.
- Nêu được lí do đơn giản về sự cần thiết phải bảo vệ các giác quan.
- Biết cách tự chăm sóc cơ thể, đảm bảo an toàn cho bản thân.
- Thể hiện trách nhiệm khi thực hiện được một số việc để chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ, giữ gìn các bộ phận, các giác quan của cơ thể mình.

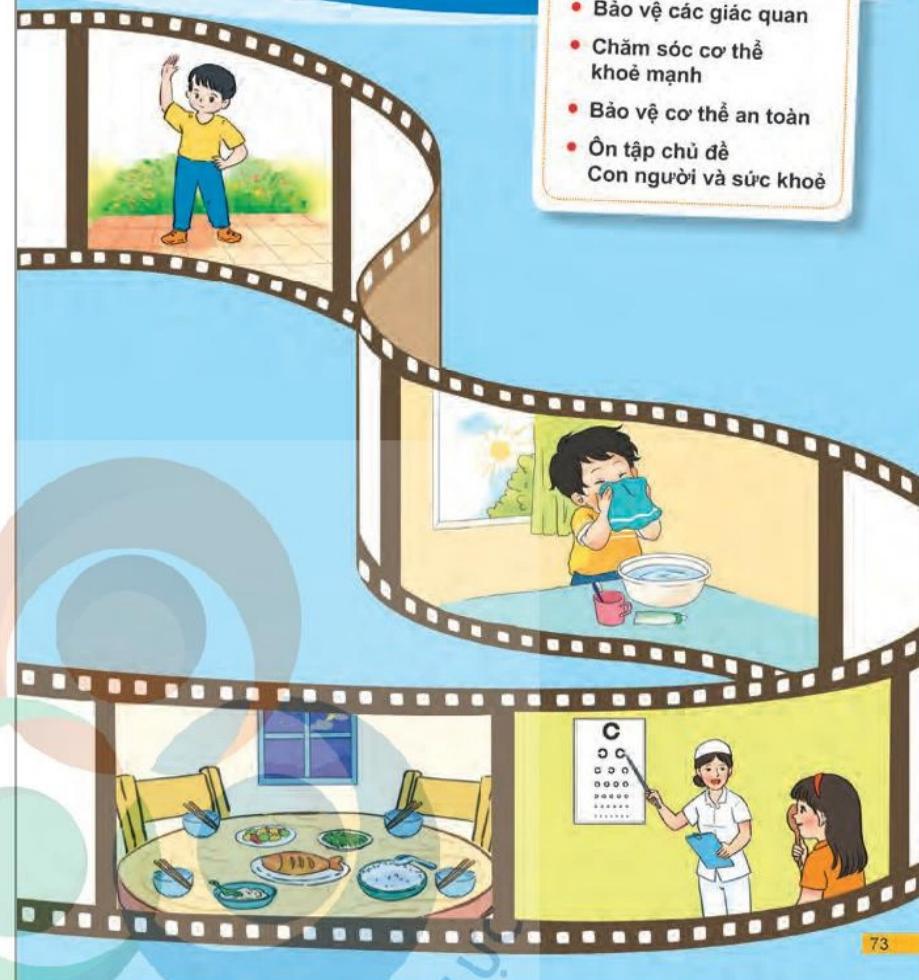
2. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Lắng nghe bạn nói và bước đầu biết sử dụng lời nói hoặc kết hợp chỉ hình ảnh để trình bày, giới thiệu được các bộ phận bên ngoài cơ thể và các giác quan của cơ thể.
- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Nhận biết một số tình huống có dấu hiệu, hành vi đe doạ sự an toàn của bản thân; Theo hướng dẫn của GV, lựa chọn được cách ứng xử phù hợp trong mỗi tình huống (giả định); Quan sát, đặt được câu hỏi tim hiểu về các bộ phận bên ngoài cơ thể và các giác quan, ích lợi, sự cần thiết bảo vệ, giữ gìn các bộ phận cơ thể và các giác quan.

- Năng lực nhận thức khoa học:** Nhận biết được ba phần chính và năm giác quan của con người; vai trò của các giác quan trong hoạt động hàng ngày.

- Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:** Quan sát, thu thập thông tin, giải thích đơn giản sự cần thiết ăn uống, vận động và nghỉ ngơi để cơ thể khoẻ mạnh.

CHỦ ĐỀ CON NGƯỜI VÀ SỨC KHOẺ



BẠN SẼ HỌC

- Cơ thể của em
- Giữ vệ sinh cơ thể
- Các giác quan của cơ thể
- Bảo vệ các giác quan
- Chăm sóc cơ thể khoẻ mạnh
- Bảo vệ cơ thể an toàn
- Ôn tập chủ đề
Con người và sức khoẻ

3. THUẬT NGỮ

Cơ thể	Giác quan
Sức khoẻ	Tình huống
Vùng riêng tư	Vệ sinh

4. TƯ LIỆU DẠY HỌC

- Tư liệu cho GV:** SGV, Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Đồ dùng dạy học (tranh, ảnh, mô hình, video).
- Tư liệu cho HS:** SGK, VBT, Sách mềm - VBT, Sách mềm - Tư kiểm tra, đánh giá, Đồ dùng học tập (tranh, ảnh, thẻ chữ, thẻ hình).

5. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Bài/ Số tiết	Nội dung dạy học	Kỹ năng	Ghi chú/ PPDH
22 Cơ thể của em (2 tiết)	Các bộ phận chính bên ngoài của cơ thể và hoạt động của chúng.	<ul style="list-style-type: none"> Tìm hiểu các bộ phận của cơ thể. Giao tiếp: hỏi và trả lời, trình bày, biểu đạt bằng ngôn ngữ, hoặc hình ảnh mô tả cơ thể người. So sánh, nhận xét sự khác biệt giữa con trai và con gái. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Hỏi - trả lời.
23 Giữ vệ sinh cơ thể (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Những việc cần thiết để vệ sinh cơ thể. Tự nhận xét việc thực hiện vệ sinh cơ thể. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát tranh ảnh, mô hình. Giao tiếp: hỏi và trả lời, trình bày, biểu đạt bằng ngôn ngữ mô tả các việc cần làm để vệ sinh cơ thể, ý nghĩa của việc làm đó. Thực hiện một số việc vệ sinh cơ thể. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Liên hệ thực tế. Thảo luận cặp đôi. Thực hành.
24 Các giác quan của cơ thể (2 tiết)	Tên gọi, chức năng của các giác quan: mắt để nhìn, tai để nghe, mũi để ngửi, lưỡi cảm nhận vị của thức ăn, da để cảm giác qua tiếp xúc bằng tay, chân,...	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát tranh ảnh, bản thân. Giao tiếp: hỏi và trả lời, trình bày, biểu đạt bằng ngôn ngữ, hoặc hình ảnh nói được tên, mô tả chức năng của các giác quan. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Liên hệ thực tế. Trò chơi.
25 Bảo vệ các giác quan (2 tiết)	Bảo vệ và giữ gìn các giác quan.	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh, bản thân. Giao tiếp (hỏi và trả lời), nói được lí do một số việc cần làm để bảo vệ các giác quan. Thực hiện một số việc để bảo vệ các giác quan. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Thảo luận cặp đôi. Hỏi - trả lời.
26 Chăm sóc cơ thể khoẻ mạnh (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Ăn uống có lợi cho sức khoẻ. Nghỉ ngơi và vận động phù hợp, có lợi cho sức khoẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Giao tiếp (hỏi và trả lời), biểu đạt bằng ngôn ngữ mô tả việc ăn, uống, hoạt động nghỉ ngơi có lợi cho sức khoẻ. Tự đánh giá thói quen ăn, uống, nghỉ ngơi của bản thân. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Thảo luận cặp đôi. Liên hệ thực tế.
27 Bảo vệ cơ thể an toàn (2 tiết)	Bảo vệ cơ thể, giữ an toàn cho bản thân.	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát hình ảnh. Giao tiếp (hỏi và trả lời), biểu đạt bằng ngôn ngữ, bằng cơ thể việc cần làm để giữ an toàn, bảo vệ bản thân. Nhận biết hành vi nguy cơ, không an toàn. Ứng xử phù hợp trong tình huống có nguy cơ bị xâm hại hoặc lạm dụng. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Thảo luận cặp đôi. Xử lý tình huống.
28 Ôn tập chủ đề Con người và sức khoẻ (2 tiết)	<p>Hệ thống được các kiến thức đã học về chủ đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> Các bộ phận bên ngoài và các giác quan của cơ thể. Giữ cho cơ thể khoẻ mạnh và an toàn. Xử lý tình huống có liên quan đến giữ an toàn cho bản thân, chăm sóc, bảo vệ cơ thể. Tự đánh giá một số việc đã thực hiện trong chủ đề. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát tranh ảnh. Giao tiếp: trình bày, biểu đạt để giới thiệu được nội dung trong chủ đề, để nêu ý kiến cá nhân ở tình huống liên quan đến chăm sóc, bảo vệ cơ thể. Trình bày, sắp xếp tranh ảnh theo sơ đồ cho trước. Tự nhận xét việc thực hiện đúng và chưa đúng những nội dung đã học trong chủ đề. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Xử lý tình huống. Hoạt động nhóm.

YÊU CẦU CẨN ĐẠT

- Nói được tên và chỉ được vị trí một số bộ phận bên ngoài cơ thể.
- Nêu được chức năng một số bộ phận bên ngoài cơ thể.
- Xác định được trên hình những vùng riêng tư của cơ thể; Nhận biết được cần phải bảo vệ những vùng riêng tư trên cơ thể, tránh sự xâm phạm trong một số tình huống.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

Ba hình tròn đỏ có gạch chéo (vòng tròn cấm).

Chuẩn bị của HS:

Giấy, bút vẽ.



74

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG*Hoạt động cả lớp:*

HĐ1: Bạn biết những điều gì về cơ thể của mình? Nói hoặc vẽ về những điều bạn biết.

Hoạt động cả lớp:

- HS làm việc cá nhân, vẽ vào vở cơ thể người theo cách hiểu của mình.
- Một số HS lên trình bày về hình vẽ trước lớp.
- HS trong lớp nhận xét: Các bạn vẽ hình người như thế nào? Các hình có điểm nào giống và điểm nào khác nhau?
- HS phát hiện điểm khác nhau trên hình ảnh các bạn đã vẽ. GV có thể gợi ý so sánh các bộ phận trên hình, HS phát hiện được:
 - Có bạn vẽ đầy đủ các bộ phận cơ thể người.
 - Có bạn vẽ khuôn mặt và thân người.
 - Có bạn vẽ không đầy đủ tay, chân,...

- 1 Bạn biết những điều gì về cơ thể của mình?
Nói hoặc vẽ về điều bạn biết.



- 2 Tìm hiểu các bộ phận bên ngoài của cơ thể:

- Chỉ và nói tên các bộ phận bên ngoài cơ thể của bạn trai, bạn gái trên hình.



- GV dẫn dắt vào bài mới: Vậy cơ thể của chúng ta đều có những bộ phận chính nào? Chúng ta cùng tìm hiểu ở hoạt động tiếp theo.

Cách tổ chức khác:

Nếu không tổ chức được hoạt động vẽ, GV cho HS quan sát hình do các bạn vẽ để từ đó HS có thể đưa ra các nhận xét.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Tìm hiểu các bộ phận bên ngoài của cơ thể.

a) **Làm việc với SGK:** Chỉ và nói tên các bộ phận bên ngoài cơ thể của bạn trai, bạn gái trên hình.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng HS liên hệ cơ thể của mình, quan sát hình 2, 3, thực hiện theo yêu cầu của GV: Chỉ và nói tên các bộ phận cơ thể của bạn trai, bạn gái trên hình.
- HS chia sẻ với bạn sau khi làm việc cá nhân. HS nói được tên, chỉ đúng vị trí các bộ phận cơ thể người trên hình vẽ. HS có thể nói được các bộ phận chính của cơ thể như đầu, mình, tay và chân; hoặc kể được tên nhiều bộ phận cơ thể khác như mắt, mũi, tai,

- Trên cơ thể có những vùng riêng tư nào cần giữ kín và bảo vệ?



② Tìm hiểu hoạt động của cơ thể:

- Các bạn trong hình đang làm gì?
- Cần sử dụng bộ phận nào của cơ thể để thực hiện hoạt động đó?



Cơ thể người gồm nhiều bộ phận. Các bộ phận đều quan trọng để giúp chúng mình thực hiện các hoạt động khác nhau.

75

bàn tay, ... HS có thể phân biệt được cơ thể con trai và con gái, như bộ phận sinh dục nam, bộ phận sinh dục nữ.

Hoạt động cả lớp:

- HS chia sẻ trước lớp kết quả sau khi làm việc cặp đôi. Đại diện các cặp HS lên bảng trình bày,...
- GV khuyến khích HS nói càng nhiều bộ phận trên cơ thể càng tốt, bao gồm cả bộ phận riêng tư. GV có thể gợi ý HS kể các bộ phận theo từng phần của cơ thể.

b) Thảo luận trả lời câu hỏi: Trên cơ thể chúng ta có những vùng riêng tư nào cần được giữ kín và bảo vệ?

Hoạt động cả lớp:

GV chiếu hình 3 phóng to lên bảng. GV đọc câu hỏi của bạn trong hình (hoặc HS đọc, nếu có thể).

- Một số HS lên bảng, chỉ trên hình các vùng riêng tư cần giữ kín và bảo vệ. GV có thể gợi ý HS quan sát bóng nghĩ của bạn trong hình để HS nói được vùng riêng tư cần được bảo vệ:

- + Vùng mặc quần áo lót của bạn trai, bạn gái.
- + Vùng má, miệng của bạn trai, bạn gái.

Lưu ý: HS có thể chưa nói chính xác tên các vùng riêng tư, GV giúp HS nói chính xác tên các vùng riêng tư và đặt “vòng tròn cấm” hoặc khoanh vào vùng đó trên hình.

- HS thảo luận theo hướng dẫn của GV: Hãy nói những cách để bảo vệ những vùng riêng tư trên cơ thể. GV có thể đưa ra một số câu hỏi gợi ý:
 - + Để không ai nhìn thấy các vùng riêng tư, chúng ta cần làm gì?
 - + Để tránh người khác sờ, chạm vào vùng riêng tư, chúng ta cần làm gì?
 - + Có nên đứng quá gần người lạ, người khác giới không? (Hoặc) có nên để người lạ, người khác giới động chạm vào cơ thể như (cầm tay, bế, ôm,...) không?
- HS chia sẻ các ý kiến. GV hướng dẫn, gợi ý HS nói được một số cách như: cần mặc quần áo kín đáo che vùng riêng tư; không thay đồ ở chỗ có người khác,...; không nên để người không phải ruột thịt bế, ôm, cầm tay,... Khi phải thăm khám cơ thể, cần có người giám hộ.

HĐ3: Tìm hiểu hoạt động của cơ thể.

a) Quan sát và nêu chức năng các bộ phận của cơ thể.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát hình từ 4 đến 8, hỏi - đáp theo hai câu hỏi: Bạn nhỏ trong mỗi hình đang làm gì? Cần sử dụng bộ phận nào của cơ thể để thực hiện hoạt động đó?
- GV có thể gợi ý HS nhớ lại hoặc có thể thực hiện lại những hoạt động như bạn trong hình để nhận ra các bộ phận thực hiện hoạt động đó.

Hoạt động cả lớp:

GV có thể tổ chức thành trò chơi đoán xem bạn làm gì.

- HS lên bảng lựa chọn hoạt động của bạn trong hình mà mình thích, thực hiện lại hoạt động của bạn trong hình. Các HS ở dưới lớp đoán: Bạn vừa thực hiện hoạt động gì? Hoạt động đó cần sử dụng bộ phận nào của cơ thể?
- HS cả lớp cùng thực hiện trò chơi, theo gợi ý của GV, nói được:
 - + Hình 4: Bạn nhỏ đang đọc bài. Cần sử dụng mắt để nhìn, miệng để đọc.
 - + Hình 5: Bạn nhỏ đang ăn cơm. Cần sử dụng tay, mắt, miệng.

- + Hình 6: Bạn nhỏ đang chơi bóng, cần sử dụng đầu, cổ, thân người, chân để di chuyển, đón bóng.
- + Hình 7: Bạn nhỏ đang chạy. Cần sử dụng chân, tay, mắt.
- + Hình 8: Bạn nhỏ đang bê khay đồ ăn. Cần sử dụng chân, tay, mắt.

b) Liên hệ hoạt động hằng ngày và nói về chức năng của các bộ phận cơ thể.

Hoạt động cả lớp:

- HS trả lời câu hỏi: Hằng ngày, các bộ phận cơ thể giúp chúng ta thực hiện được những hoạt động nào?
- HS liệt kê được thêm nhiều hoạt động hằng ngày: chân để đi, đá bóng, nhảy dây; miệng để ăn, nói,...
- HS trả lời câu hỏi: Nếu tay, chân, miệng bị đau, mũi bị viêm, đau,... thì các bạn sẽ gặp khó khăn gì trong các hoạt động hằng ngày?
- GV gợi ý để HS nhận ra: *Hầu hết những hoạt động hằng ngày đều cần sử dụng một hay nhiều bộ phận của cơ thể.*
- GV giải thích thêm: Các bộ phận của cơ thể đều quan trọng. Nếu bị tổn thương hay bị đau một bộ phận nào trên cơ thể, chúng ta sẽ rất thiệt thòi và khó thực hiện được nhiều hoạt động theo ý muốn. Vì vậy, chúng ta cần giữ gìn, bảo vệ và thường xuyên vệ sinh các bộ phận cơ thể, tránh hoạt động đùa nghịch dẫn đến chân, tay bị trầy xước, bị đau.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ4: Cùng nói tên và hoạt động của các bộ phận bên ngoài cơ thể.

Hoạt động nhóm hoặc cả lớp:

- HS hình thành các đội chơi.
- Các đội chơi thực hiện theo yêu cầu của trò chơi: Các đội kề được nhiều tên và đặt câu hỏi tìm hiểu chức năng các bộ phận cơ thể.
- Các đội chơi thảo luận và luyện tập đưa ra cách hỏi - trả lời. HS có thể đưa ra nhiều câu trả lời cho một câu hỏi: mắt để nhìn; miệng để ăn (hoặc để nói, để hát).
- HS cùng GV tổng kết kết quả của các đội chơi.
- HS trả lời câu hỏi: *Làm thế nào có thể kể nhiều tên và chức năng của các bộ phận cơ thể?*

4 Cùng nói tên và hoạt động của các bộ phận bên ngoài cơ thể.

Khi viết, bạn cần sử dụng các bộ phận nào của cơ thể?

Cần dùng tay và mắt.



9

5 Cùng chơi “Vận động cơ thể” theo lời bạn nói.



76

10

- HS có cách liệt kê khác nhau lên chia sẻ. GV lựa chọn cách làm hay mà HS nêu ra, gợi ý HS nói được một số cách:

- + Kể theo các phần của cơ thể;
- + Kể theo thứ tự các bộ phận từ trên xuống dưới;...

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ5: Cùng chơi “Vận động cơ thể” theo lời bạn nói.

Hoạt động cả lớp:

- Luật chơi: Người chơi (HS) làm theo lời nói của quản trò (hoặc GV làm quản trò), không làm theo hành động của quản trò. Ví dụ: Quản trò hô: “Chân nhảy”; người chơi: có thể có hai hành động diễn ra: “Nhảy” hoặc “Đứng im”...
- Ở mỗi lượt chơi, HS cùng nhau đánh giá người chơi thực hiện đúng hay sai.

Lưu ý: Không được “phạt” HS.

Các tổ chức khác:

GV có thể thay thế trò chơi bằng hát và vận động theo bài hát tiếng Anh “Head, Shoulders, Knees and Toes”.

YÊU CẦU CẦN ĐẶT

- Kể được một số việc giữ vệ sinh cơ thể và thông qua hoạt động hằng ngày, nói được ích lợi của những việc làm đó.
- Nhận xét được việc nên làm, việc không nên làm để giữ vệ sinh cơ thể và có ý thức thực hiện.
- Thực hành và nhận xét được các bước chải răng đúng cách.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Video bài hát “Khám tay”, nhạc sĩ Đào Việt Hưng.
- Hình ảnh Bộ tài liệu Hướng dẫn cách chải răng đúng của Bộ Y tế.
- Mô hình hàm răng, bàn chải chải răng.

Chuẩn bị của HS:

Bàn chải chải răng.



77

█ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**HĐ1:** Kể một việc bạn thường làm để giữ vệ sinh cơ thể.

Hoạt động cả lớp:

- HS xem video bài hát “Khám tay”.
- HS trả lời câu hỏi của GV: Nội dung bài hát nói về việc gì? Bàn tay như thế nào thì được khen?
- GV dẫn dắt: Bài hát nói về các bạn kiểm tra, nhắc nhở nhau vệ sinh sạch sẽ đôi bàn tay hằng ngày. Để vệ sinh cơ thể, chúng ta thường làm những việc gì?
- Hãy kể một việc bạn thường làm để giữ vệ sinh cơ thể:

+ HS trao đổi với nhau về những việc làm hằng ngày để giữ vệ sinh cơ thể.

+ Một số HS xung phong lên trước lớp kể lại những việc vệ sinh cá nhân hằng ngày. GV không yêu cầu HS kể được đủ hết các việc. GV chú ý vào những việc HS đã thực hiện đúng, nhận xét việc chưa phù hợp.

- GV vào bài học mới.

█ TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ**HĐ2:** Quan sát và nói về việc làm của các bạn trong hình.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát hình từ 1 đến 5, trao đổi với bạn câu hỏi: Các bạn trong từng hình đã làm việc gì để giữ vệ sinh cơ thể? Các bạn thực hiện việc đó khi nào trong ngày?
- GV gợi ý HS quan sát chi tiết Mặt Trời, Mặt Trăng để nói được các việc theo trình tự thời gian từ sáng đến tối, trước khi đi ngủ.

Hoạt động cả lớp:

- Một số cặp đôi trả lời trước lớp. HS có thể trình bày theo cách: một HS chỉ hình ảnh, một HS nói việc làm. GV gợi ý giúp HS nói được một số việc cần làm hằng ngày để vệ sinh cơ thể:



**Trao đổi về ích lợi của việc
giữ vệ sinh cơ thể hằng ngày.**

Vì sao chúng mình
phải chải răng?



6

- + Buổi sáng: rửa mặt, chải răng, chải tóc.
 - + Buổi chiều: tắm, rửa tay, rửa chân, thay quần áo.
 - + Buổi tối (trước khi đi ngủ): chải răng.
- GV lưu ý HS rửa mặt bằng khăn và nước sạch; thay quần áo lót hằng ngày; tắm, gội bằng nước sạch và nhiệt độ nước tùy thuộc vào thời tiết.
- GV có thể gợi ý HS nói được một số việc làm khác nữa để giữ vệ sinh cơ thể phù hợp với điều kiện sinh hoạt ở trường, ở địa phương như: súc miệng sau khi ăn (nếu ăn bán trú ở lớp); rửa tay trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh, sau khi cầm giẻ lau bảng, lau bàn ghế ở lớp, rửa tay, chân nếu bị bẩn.

Cách tổ chức khác:

Thay vì yêu cầu HS trình bày kết quả sau khi thảo luận, GV có thể làm bộ thẻ hình các việc làm để giữ vệ sinh cơ thể và tổ chức cho HS chơi trò chơi: Xếp các thẻ hình vào hai cột: "Buổi sáng", "Buổi tối" cho phù hợp.

Lưu ý: Có những việc làm xếp ở cả hai cột "Buổi sáng" và "Buổi tối".

HĐ3: Trao đổi về ích lợi của việc giữ vệ sinh cơ thể hằng ngày.

a) Lợi ích của việc vệ sinh cơ thể như chải răng, rửa mặt,...

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát hình 6, chú ý vào bòng nghĩ của bạn trai và trả lời câu hỏi: *Vì sao chúng mình cần chải răng?*
- Một số HS trả lời câu hỏi trước lớp. GV gợi ý để HS nói được nhiều ích lợi của việc vệ sinh cơ thể như chải răng, rửa mặt, ...
 - + Chải răng giúp không bị đau răng, không bị sâu răng.
 - + Rửa mặt để mắt không bị ngứa, bị đau mắt.

Thưa cô, rửa tay bằng xà phòng để làm gì?

Thực hiện chải răng, rửa mặt, rửa tay... hằng ngày giúp cơ thể luôn sạch sẽ và phòng được nhiều bệnh.

78

b) Lợi ích của việc rửa tay bằng xà phòng và nước sạch.

Hoạt động cả lớp:

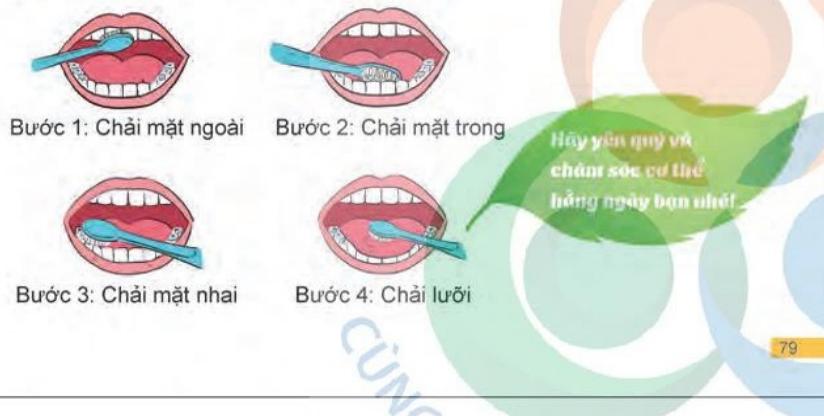
- HS quan sát hình 7, chú ý vào tay chỉ của nhân viên y tế, suy nghĩ và trả lời câu hỏi: *Rửa tay bằng xà phòng và nước sạch có ích lợi gì?*
- HS trả lời trước lớp, GV có thể gợi ý nội dung từng ảnh nhỏ của tranh tường để HS nói được:
 - + Rửa tay bằng xà phòng giúp diệt vi khuẩn ở tay. Khi tay sạch cầm vào bát ăn, cốc uống nước sẽ không bị nhiễm giun, không bị đau bụng hay tiêu chảy.
 - + Rửa tay bằng xà phòng để tay luôn sạch sẽ, nếu đưa tay lên mũi, miệng sẽ không bị nhiễm các loại vi khuẩn, vi rút gây bệnh cúm hay mắc bệnh tay, chân, miệng.
- GV gợi ý HS nói được thêm ích lợi của việc vệ sinh cơ thể như tắm rửa, thay quần áo hằng ngày giúp cơ thể (da) luôn sạch, không bị mắc các bệnh về da như ngứa, ghẻ, hắc lào,...

86 Tự nhiên và Xã hội 1

4 Việc nào nên làm, việc nào không nên làm? Vì sao?



5 Thực hiện chải răng theo các bước.



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ4: Việc nào nên làm, việc nào không nên làm? Vì sao?

a) Làm việc với hình ảnh SGK.

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát hình từ 8 đến 11, trao đổi với bạn để trả lời câu hỏi: Các bạn trong từng hình đang làm gì? Việc đó nên làm hay không nên làm? Vì sao?
- HS chia sẻ với bạn, nói được việc làm trong hình, nhận xét việc nào nên làm, việc nào không nên làm:
 - + Hình 8: Bạn trai rửa tay trước khi ăn. Việc này nên làm.
 - + Hình 9: Bạn trai đang được cắt tóc (để đầu tóc gọn gàng, không nên để đầu tóc bù xù). Việc này nên làm.
 - + Hình 10: Bạn gái đang cắn móng tay. Việc này không nên làm, vì móng tay rất bẩn. Bạn cần cắt móng tay thường xuyên, không nên cắn móng tay. GV có thể giải thích thêm: trong móng tay chứa nhiều vi khuẩn, khi cắn móng tay, vi khuẩn chui vào miệng, có thể dẫn đến tiêu chảy hoặc mắc bệnh tay, chân, miệng.

+ Hình 11: Không nên đi chân đất vì vi khuẩn có thể xâm nhập qua da (các bạn hay có thói quen này khi chơi ở trường, ở nhà).

b) Liên hệ với hoạt động của bản thân.

Hoạt động nhóm hoặc cả lớp:

- HS liên hệ với hoạt động hằng ngày của bản thân, chia sẻ với nhau, trả lời câu hỏi: Bạn đã làm được những việc gì để giữ gìn vệ sinh cơ thể?
- HS kể những việc làm đúng. Trên cơ sở những việc HS đã làm, GV có thể nhắc HS chú ý thực hiện thêm các việc cần thiết khác để giữ gìn vệ sinh cơ thể.
- HS có thể nói thêm các việc làm/thói quen hằng ngày gây mất vệ sinh cơ thể mà HS cần tránh.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ5: Thực hành chải răng theo các bước.

a) Tìm hiểu các bước chải răng đúng cách.

GV có thể dùng hình ảnh trong SGK hoặc hình ảnh các bước chải răng của Bộ Y tế.

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát các hình, trao đổi với bạn về thứ tự các bước chải răng đúng theo hình.
- Một số cặp HS chia sẻ các bước chải răng đúng trước lớp. Có thể trình bày theo cách: một bạn trình bày, một bạn chỉ trên hình.
 - (a) Chải mặt ngoài răng hàm trên, răng hàm dưới.
 - (b) Chải mặt trong răng cửa trên, răng cửa dưới.
 - (c) Chải mặt nhai răng hàm trên, hàm dưới.
 - (d) Chải lưỡi từ trong ra ngoài.

b) Thực hành chải răng theo các bước chải răng đúng.

Hoạt động cả lớp:

- HS thực hành chải răng, hoặc sử dụng mô hình hàm răng để thực hành.
- HS thực hành theo các bước đã trình bày.
- Một số nhóm trình diễn trước lớp cách chải răng đúng. Các HS khác nhận xét.
- GV khuyến khích, nhắc nhở HS xây dựng ý thức biết yêu quý, bảo vệ và chăm sóc cơ thể mình.
- HS nhắc lại nội dung trong Lá nhắn nhủ.

Các giác quan của cơ thể

YÊU CẦU CẨN ĐẶT

- Nói được tên, chỉ được vị trí của các giác quan.
- Nói được chức năng của các giác quan và vai trò của chúng đối với cuộc sống con người.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Một bông hoa có hương thơm, một đồ dùng quen thuộc đối với HS.
- Khối hộp hình vuông dán kín, màu đen, chứa một lỗ to để cho tay vào trong hộp và nhìn từ ngoài vào trong hộp.

Chuẩn bị của HS:

Một số đồ vật ưa thích của bản thân: các vật có bề mặt bên ngoài khác nhau, có mùi đặc trưng, có màu đa dạng.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Cùng chơi “Đồ bạn”: Hãy đoán xem đó là vật gì. Vì sao bạn biết?

Hoạt động cả lớp:

- Hai cặp HS xung phong lên bảng thực hiện chơi trò chơi.
- Luật chơi: Hai HS được bịt mắt để không nhìn thấy các đồ vật mà chỉ sử dụng các giác quan để đoán được các đồ vật. Hai HS khác lần lượt đưa đồ vật vào trong hộp cho hai bạn và đặt câu hỏi: *Đây là gì?*
- HS thực hiện trò chơi: sử dụng tay, mũi, tai, lưỡi,... (trừ mắt) để xác định và nói đúng tên đồ vật. HS nói đúng được tên đồ vật thì được cởi bỏ khăn bịt mắt.
- Kết thúc trò chơi, HS trả lời câu hỏi theo yêu cầu của GV: *Làm thế nào nhận biết đúng một vật?*

Các giác quan của cơ thể

1 Cùng chơi “Đồ bạn”:

Hãy đoán xem đó là vật gì? Vì sao bạn biết?



80

1

GV tóm lược dựa trên ý kiến của HS để dẫn dắt vào bài: Các bạn đã dùng mũi, tay,... để đoán đúng được đồ vật. Đó là các giác quan, giúp chúng ta nhận biết các vật. Vậy hằng ngày, chúng ta sử dụng các giác quan nào để nhận biết các vật xung quanh? Chúng ta cùng tìm hiểu ở hoạt động tiếp theo.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

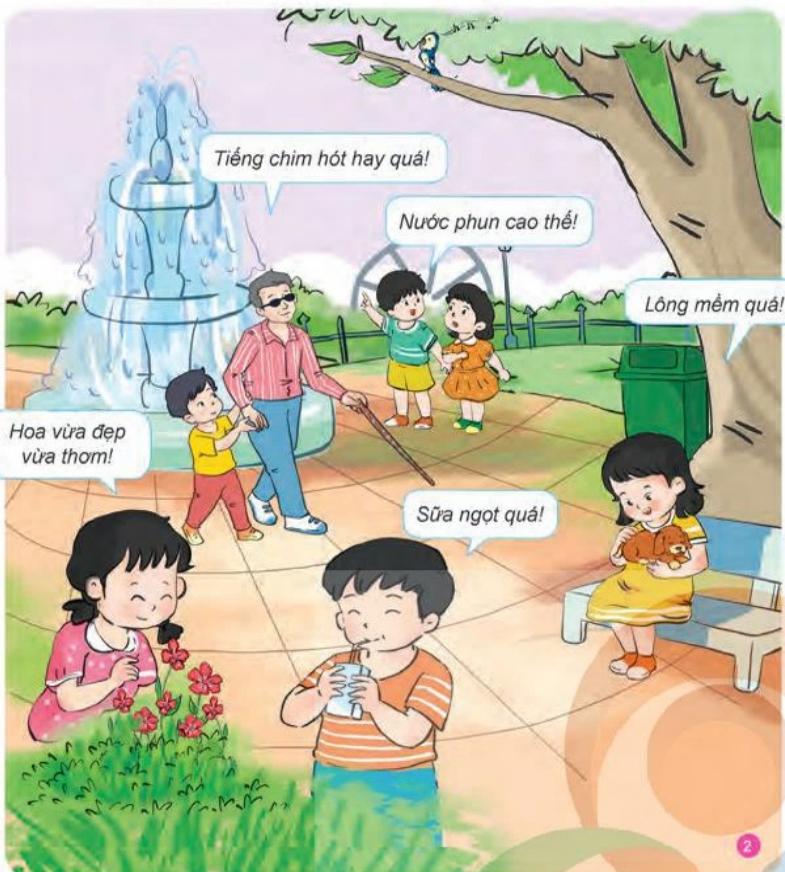
HĐ2: Quan sát và nói: Bộ phận nào của cơ thể giúp mọi người nhận biết được các vật ở xung quanh?

a) Quan sát hình SGK để nhận biết chức năng, vai trò của các giác quan.

Hoạt động cặp đôi:

- HS liên hệ hoạt động hằng ngày, quan sát hoạt động của mọi người trong hình và nói: *Những giác quan nào của cơ thể giúp họ nhận biết được các vật xung quanh? hoặc Nhờ đâu chúng ta nhận biết được các vật xung quanh?*
- GV hướng dẫn HS quan sát hoạt động của từng người trong hình, nói được:

2 Quan sát và nói: Bộ phận nào của cơ thể giúp mọi người nhận biết được các vật ở xung quanh?



Năm giác quan: mắt, mũi, tai, lưỡi và da giúp chúng ta nhận biết các vật xung quanh.

81

+ Bạn nhỏ nhận xét lông của con chó như thế nào? Nhờ đâu bạn nhỏ nhận xét như vậy?... Từ đó nhận biết chức năng của da (chủ yếu là tay) – cơ quan xúc giác để cảm nhận rõ vật khi chạm vào, sờ vào.

+ Theo cách tương tự, HS đưa ra nhận xét với các hoạt động của nhân vật khác. HS nói được tên một số bộ phận cơ thể đóng vai trò là giác quan (quan sát).

Hoạt động cả lớp:

- HS chia sẻ trước lớp kết quả sau khi làm việc cặp đôi. HS thứ hai trình bày nội dung hoạt động trong hình khác với HS thứ nhất đã trình bày,...

- Tuỳ khả năng trình bày của HS, GV có thể mời đại diện các cặp trình bày. Hoặc GV có thể đặt thêm câu hỏi để HS nói được tên các giác quan mà các bạn nhỏ trong từng hoạt động sử dụng để nhận biết các vật. Ví dụ: *Bạn nhỏ đang làm gì? Bạn sử dụng bộ phận/giác quan nào để biết nước phun cao? tiếng chim hót hay?*

- HS có thể nói được các nội dung trong hình, tên các giác quan thông qua từng hoạt động của các bạn nhỏ. Ví dụ:

+ Hai bạn nhỏ đang xem đài phun nước (cột nước), các bạn sử dụng mắt để nhìn.

+ Bạn nhỏ đang lắng nghe chim hót, bạn dùng tai để nghe.

+ Người khiếm thị sử dụng tai để nhận biết được tiếng chim hót hay.

- HS liên hệ để nhận biết thêm các vật và hiện tượng xung quanh lớp học. Theo gợi ý của GV, HS quan sát một số đồ vật, hoạt động các bạn ở trong lớp và đưa ra nhận xét.

b) Thảo luận về lí do phải bảo vệ các giác quan.

Hoạt động cả lớp:

- HS liên hệ thực tế, nói cảm giác đã trải qua khi các giác quan không được khoẻ. Ví dụ: *Nếu bị ngạt mũi thì chúng ta như thế nào? Nếu bị ủ tai thì chúng ta sẽ như thế nào?...*

- HS chia sẻ ý kiến. Ví dụ: Nếu bị ngạt mũi thì chúng ta khó thở, không ngửi được các mùi; Nếu ủ tai thì chúng ta không thể nghe được;...

- HS thảo luận trả lời câu hỏi: *Nếu bị hỏng các giác quan thì sẽ như thế nào?*

- HS (theo gợi ý của GV) có thể nêu được một số ý kiến như: Nếu bị hỏng các giác quan chúng ta rất thiệt thòi. Chúng ta nhận biết không đầy đủ được mọi vật xung quanh.

- HS chia sẻ suy nghĩ của mình về những thiệt thòi của người bị khiếm khuyết các giác quan. GV có thể gợi ý tình huống và yêu cầu: Theo em, nếu một người bị mù thì họ nhận biết các vật xung quanh bằng cách nào? Nếu em gặp người mù đang đi trên vỉa hè, hoặc muốn đi qua đường, chúng ta cần làm gì để giúp đỡ họ?

- HS chia sẻ ý kiến. Ví dụ: Có thể nhận biết các vật bằng cách sờ bằng tay, ngửi bằng mũi,... (như trò chơi ban đầu); Hoặc người mù (khiếm thị) họ dùng gậy để đi lại;...

- HS chia sẻ sự cảm thông với người khiếm khuyết các giác quan, giúp đỡ họ nếu có thể.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ3: Hỏi và trả lời về tên, chức năng của các giác quan.

Hoạt động cặp đôi:

- HS giới thiệu các đồ vật của mình đã chuẩn bị với bạn, hỏi và trả lời theo câu hỏi: *Đây là gì? Nó như thế nào? Nhờ giác quan nào bạn biết điều đó?* GV có thể mời một cặp đôi lên làm mẫu cách hỏi và trả lời.
- HS thực hiện theo yêu cầu: Một bạn giới thiệu từng đồ vật đã chuẩn bị, đặt câu hỏi để bạn trả lời; Bạn còn lại có thể quan sát, sờ, ngửi đồ vật để đưa ra câu trả lời chính xác về đồ vật, nói được tên giác quan đã sử dụng để có thể mô tả chính xác đồ vật (có thể một hoặc nhiều giác quan HS đã sử dụng). Sau khi trả lời được câu hỏi, HS tráo đổi vai trò cho nhau.

Ví dụ: Nếu HS sử dụng quả mít hoặc quả mãng cầu, quả xoài, câu trả lời có thể là: *Đây là quả mít (hoặc quả mãng cầu, quả xoài).* Nó có mùi thơm, vỏ của nó có gai rất nhọn hoặc hơi nhọn, hoặc trơn. Tớ sử dụng mắt để nhìn, mũi để ngửi mùi thơm và tay để sờ vào vỏ ngoài mà biết được.

Hoạt động cả lớp:

- GV có thể nêu thêm các câu hỏi cụ thể hơn: *Nhờ đâu bạn biết được điều đó?* Ví dụ:
 - + Nhờ giác quan (bộ phận) nào bạn biết được mùi và vị của vật, màu sắc của vật, âm thanh xung quanh?
 - + Nhờ giác quan (bộ phận) nào bạn biết được vật cứng hay mềm, nóng hay lạnh, sắc nhọn hay trơn?
- Câu trả lời của HS có thể đúng một hay nhiều giác quan cho cùng một câu hỏi. Ví dụ: Để biết vỏ quả mít có nhiều gai xù xì có thể nhìn hoặc sờ vào vỏ quả.
- Chia sẻ về tầm quan trọng của các giác quan trong cuộc sống hằng ngày:
 - + HS liên hệ, trả lời câu hỏi: *Hãy kể thêm những hoạt động trong cuộc sống hằng ngày và những giác quan sử dụng trong hoạt động đó.*
 - + HS trả lời câu hỏi qua trải nghiệm trong cuộc sống hằng ngày. GV gợi ý các hoạt động cụ thể để HS nói được:
 - * Cần quan sát khi bước lên, xuống cầu thang để không bị té ngã, để tránh không đụng phải các đồ vật, mọi người xung quanh;...
 - * Quan sát và dùng tay, dùng lưỡi để nếm các đồ ăn phù hợp với mình;...

4 Hỏi và trả lời về tên, chức năng của các giác quan.



4 Cùng chơi "Khám phá chiếc hộp bí mật".



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4: Cùng chơi "Khám phá chiếc hộp bí mật".

Hoạt động cả lớp:

Đây là trò chơi giúp HS biết rằng để nhận biết chính xác một vật có thể sử dụng nhiều giác quan; GV sử dụng ít nhất bốn đồ vật và lần lượt bí mật đặt vào chiếc hộp kín để HS đoán.

- Luật chơi và cách chơi: Sử dụng một hoặc nhiều giác quan: tay, mũi, tai, mắt để đoán vật để trong chiếc hộp bí mật.
- HS tham gia trò chơi sử dụng các giác quan để nhận biết các đồ vật trong hộp kín.
- HS được sử dụng từng giác quan của mình, có thể sử dụng nhiều giác quan đến khi nào nhận biết đúng, nói được đúng đồ vật trong hộp kín thì đến lượt HS khác. GV có thể gợi ý để HS đặt các câu hỏi giúp bạn sử dụng các giác quan phù hợp để đoán được các đồ vật một cách nhanh nhất.
- Kết thúc trò chơi, HS nhận xét được: để nhận biết các đồ vật một cách chính xác, cần sử dụng nhiều giác quan. Các giác quan đều rất quan trọng.

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Giải thích được ở mức độ đơn giản về sự cần thiết (hoặc tại sao) phải bảo vệ, giữ gìn các giác quan.
- Nêu và thực hiện được những việc nên làm để bảo vệ, giữ gìn các giác quan trong cuộc sống hằng ngày, đặc biệt biết cách phòng tránh cận thị học đường.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:Video bài hát *Năm giác quan*.

- 1 Khi ra đường, bạn có đeo khẩu trang, đeo kính, mặc áo dài tay không? Vì sao?



- 2 Nên, không nên làm gì để bảo vệ, chăm sóc mắt và phòng tránh cận thị?



83

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- HĐ1:** Khi ra đường, bạn có đeo khẩu trang, đeo kính, mặc áo dài tay không?
Vì sao?

Hoạt động cả lớp:

- GV đặt câu hỏi: Khi ra đường, bạn có đeo khẩu trang, đeo kính, mặc áo dài tay không? Vì sao?
- HS suy nghĩ trả lời câu hỏi. Câu trả lời của HS có thể khác nhau. GV chú trọng vào các câu trả lời có liên quan đến việc bảo vệ các giác quan.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

- HĐ2:** Nên, không nên làm gì để bảo vệ, chăm sóc mắt và phòng tránh cận thị?

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát và khai thác nội dung từng hình từ 2 đến 5.
- HS thảo luận về nội dung hoạt động của từng hình, nói được:
 - + Hình 2: Bạn nhỏ nên khám mắt (thường xuyên, định kì), tốt cho mắt.
 - + Hình 3: Nên chơi vận động ngoài trời có ánh sáng tự nhiên, tốt cho sức khoẻ của mắt.
 - + Hình 4: Bạn nhỏ không nên ngồi học ở nơi thiếu ánh sáng, không nên cúi, mắt quá gần vớ, không tốt cho mắt.
 - + Hình 5: Nên ăn các loại rau, củ, quả có màu vàng, đỏ và cá, tốt cho sức khoẻ của mắt.

3 Nên, không nên làm gì để bảo vệ và chăm sóc mũi, lưỡi, tai?



Bạn đã làm gì
để bảo vệ và chăm sóc
các giác quan?

Näm giác quan rất quan trọng đối với con người. Chúng mình cần thường xuyên chăm sóc và bảo vệ các giác quan.

84

Hoạt động cả lớp:

- HS liên hệ hoạt động của bản thân, nhận xét đã thực hiện được những việc nào giúp bảo vệ và chăm sóc mắt? Việc nào đã làm tốt, việc nào làm chưa tốt, việc nào chưa làm được?
Trên cơ sở HS liên hệ bản thân, GV có thể yêu cầu HS viết cam kết thực hiện các việc chăm sóc và bảo vệ mắt. Việc cam kết này phải phù hợp với từng cá nhân HS. Trong giờ sinh hoạt lớp có thể cho HS nhắc lại việc thực hiện cam kết của bản thân mình.

HĐ3: Nên, không nên làm gì để bảo vệ và chăm sóc mũi, lưỡi và tai?

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát và trao đổi với nhau về nội dung hoạt động của từng hình:
 - + Hình 6: Nên đi khám bác sĩ định kì, thường xuyên.
 - + Hình 7: Không nên thổi kèn vào tai bạn; không nên nghe âm thanh quá lớn có thể gây ù tai, rách màng nhĩ, tổn thương tai,...
 - + Hình 8: Nên thổi, làm nguội bót đồ ăn trước khi ăn, vì ăn đồ nóng có thể làm rát lưỡi, gây tổn thương và mất cảm giác ở lưỡi.
 - + Hình 9: Nên đeo khẩu trang để bảo vệ mũi khi đi đường để tránh gió, bụi.
 - + Hình 10: Không nên ngoáy mũi vì có thể làm tổn thương mũi.

Hoạt động cả lớp:

GV cho HS liên hệ hoạt động của bản thân, kể lại những việc các em đã làm tốt để bảo vệ, chăm sóc mũi, tai, lưỡi.



Các bạn trong hình đang làm gì? Chúng mình có thể khuyên các bạn điều gì để bảo vệ các giác quan?



11
B5

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ4: Các bạn trong hình đang làm gì? Chúng mình có thể khuyên các bạn điều gì để bảo vệ các giác quan?

Hoạt động cá nhân:

- HS quan sát hình 11, giải thích xem hoạt động nào tốt, hoạt động nào không tốt cho các giác quan như mắt, tai. Từ đó, có thể đưa ra lời khuyên cho các bạn nhỏ trong hình.

- HS có thể nói được hoạt động của các bạn trong hình:

- + Bạn nhỏ ngồi trên giường nghe nhạc, nếu âm thanh quá to sẽ gây ù tai, nghe bằng tai nghe nhiều không tốt cho tai, có thể gây điếc tai.
- + Một số bạn ngồi dưới sàn nhà xem máy tính bảng, điện thoại, xem nhiều không tốt cho mắt, có thể dẫn đến tật cận thị.
- + Có bạn nằm đọc truyện ngược với ánh sáng, không tốt cho mắt.

- HS có thể đưa ra một số lời khuyên: Các bạn nên ra ngoài trời chơi các trò chơi vận động ngoài trời, tốt cho sức khoẻ nói chung và ánh sáng tự nhiên tốt cho sức khoẻ của mắt. Hơn nữa, khi các bạn vui chơi cùng nhau sẽ phát triển các kỹ năng giao tiếp, hợp tác,...

- Nếu có thể, GV tổ chức cho HS thi đua đưa ra lời khuyên có ý nghĩa cho các bạn trong hình.

Bài 26

Chăm sóc cơ thể khoẻ mạnh

YÊU CẦU CẨN ĐẶT

- Nếu được số bữa ăn trong ngày và kể được tên một số thức ăn, đồ uống có lợi cho sức khoẻ.
- Kể được một số hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khoẻ.
- Liên hệ và nhận xét được thói quen ăn, uống của bản thân và những hoạt động hằng ngày bản thân cần dành nhiều thời gian để giúp cơ thể khoẻ mạnh.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Video bài hát "Tập thể dục buổi sáng".
- Hình ảnh một số thói quen ăn uống, vận động của HS không có lợi cho sức khoẻ (theo địa phương).
- Hình ảnh một số loại thức ăn tốt cho sức khoẻ (theo đặc thù địa phương).

bài 26

Chăm sóc cơ thể khoẻ mạnh

1 Bạn cần làm gì để cơ thể khoẻ mạnh?



2 Hãy kể các bữa ăn trong một ngày và những thức ăn tốt cho sức khoẻ.



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HD1: Bạn cần làm gì để cơ thể khoẻ mạnh?

Hoạt động cả lớp:

- HS nghe nhạc và vận động theo bài hát "Tập thể dục buổi sáng".
- HS trả lời câu hỏi: Vì sao chúng ta cần tập thể dục?
- GV đặt câu hỏi: Để cơ thể khoẻ mạnh, ngoài tập thể dục, chúng ta còn cần gì nữa?
- HS có thể trả lời theo ý kiến của mình: vệ sinh cơ thể, chải răng buổi sáng và trước khi đi ngủ, ...
- GV nhắc lại các ý kiến về ăn uống, vận động phù hợp để chuyển sang hoạt động 2.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HD2: Hãy kể các bữa ăn trong một ngày và những thức ăn tốt cho sức khoẻ.

a) Liên hệ bản thân và trả lời câu hỏi.

Hoạt động cả lớp:

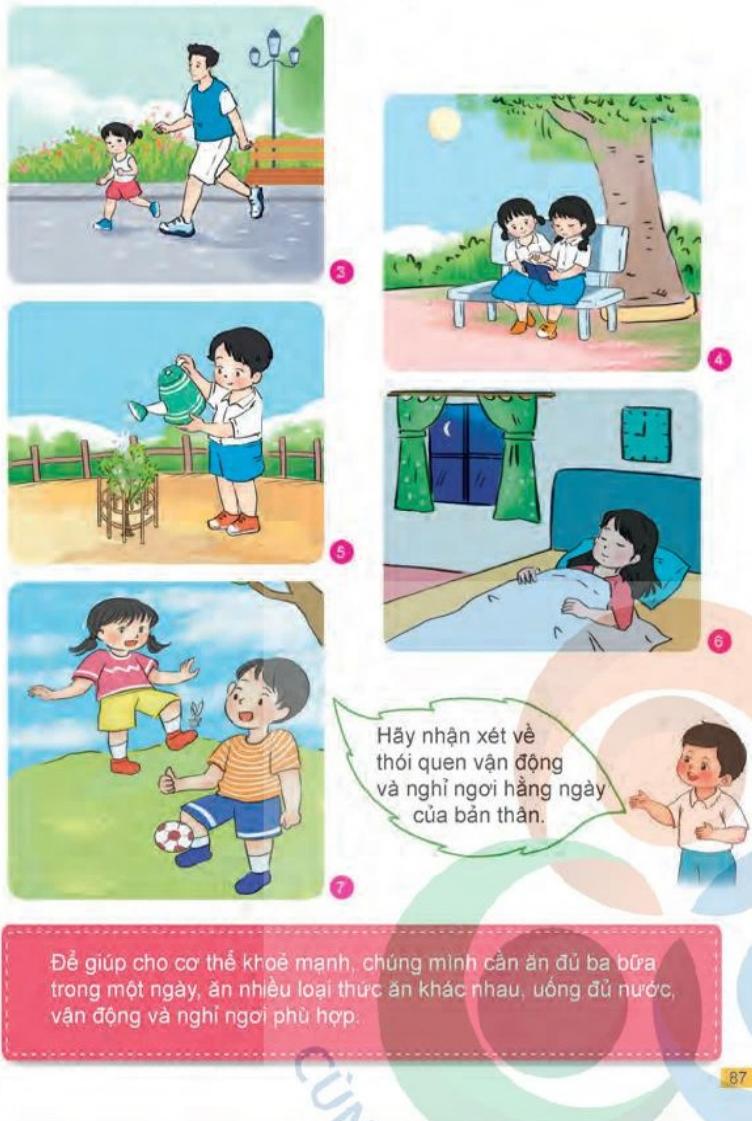
- HS suy nghĩ, trả lời câu hỏi.
- Một số HS lên chia sẻ câu trả lời trước lớp. HS có thể nói theo trí nhớ các bữa ăn hằng ngày, những hiểu biết của bản thân về các loại thức ăn tốt cho sức khoẻ. GV không yêu cầu HS kể được đủ, đúng hết các nội dung. Trên cơ sở chia sẻ của HS, GV chú ý vào những ý kiến chưa phù hợp và yêu cầu HS tìm hiểu thêm qua hình ảnh trong SGK.

b) Quan sát hình, trả lời câu hỏi: Có mấy bữa ăn trong một ngày? Đó là những bữa nào?

Hoạt động cặp đôi:

HS quan sát hình 2, nói được với bạn: có bữa ăn vào buổi sáng, buổi trưa (các bạn đang ăn bữa trưa) và buổi tối.

Quan sát hình, nói về hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khoẻ.



- HS nói được một số thức ăn thường được khuyến khích ăn để tốt cho sức khoẻ như: cơm, trứng, thịt, cá, rau xanh, quả tươi,... GV có thể liên hệ tới hiện tượng một số HS thường không thích ăn cá, rau và ít uống nước; GV giải thích thêm: cần ăn đa dạng các loại thức ăn, uống đủ nước để cơ thể khoẻ mạnh.

HĐ3: Quan sát hình, nói về hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khoẻ.

Hoạt động cặp đôi:

HS quan sát từng hình, nói với bạn: Các bạn trong hình đang làm gì? Hoạt động nào là vận động, hoạt động nào là nghỉ ngơi có lợi cho sức khoẻ?

Hoạt động cả lớp:

- HS chia sẻ ý kiến trước lớp, nói được những hoạt động vận động và nghỉ ngơi có lợi cho sức khoẻ:
 - + Hoạt động vận động như: tập thể dục (đi bộ) buổi sáng, lao động phù hợp với bản thân (tưới cây,...), vui chơi an toàn dưới ánh sáng tự nhiên sẽ tốt cho sức khoẻ.
 - + Nghỉ ngơi như: đọc sách dưới ánh sáng tự nhiên, thời gian đọc phù hợp; đặc biệt ngủ đúng giờ, đủ giấc sẽ giúp trí não, cơ thể phát triển và tăng cường sức khoẻ.
- GV có thể khuyến khích HS vận động ở những nơi có nhiều không khí trong lành sẽ có lợi cho sức khoẻ.
- HS liên hệ hoạt động hằng ngày của bản thân, trả lời câu hỏi: *Hàng ngày bạn dành nhiều thời gian cho hoạt động nào?*
- HS nói được cần thời gian cho học tập, hoạt động vận động và ngủ đủ thời gian để đảm bảo sức khoẻ học tập và vui chơi.
- GV có thể nhắc HS cần phân bổ thời gian cho hoạt động vận động và dành nhiều thời gian để nghỉ ngơi phù hợp và ngủ đủ 8 tiếng một ngày để tốt cho sức khoẻ và sự phát triển thể chất (mau lón và khoẻ mạnh).

Hoạt động cả lớp:

- GV chiếu hoặc treo hình 2 đã phóng to lên bảng.
- Một số HS nêu ý kiến trước lớp, ý kiến của HS có thể khác nhau. GV gợi ý HS quan sát cảnh quan bữa ăn vào buổi sáng, cảnh quan vào buổi tối; quan sát đồng hồ ở hình bữa ăn bán trú của các bạn HS.
- HS nói được: Một ngày thường ăn ba bữa: bữa sáng, bữa trưa và bữa tối. (GV có thể giải thích: Bữa trưa có thể ăn ở lớp hoặc ở nhà).
- HS quan sát các loại thức ăn ở từng bữa, nhận xét được: có nhiều loại thức ăn tốt cho sức khoẻ như cơm, canh rau, cá, bánh mì, trứng, dưa chuột, chuối; và các bạn đều uống đủ nước.
- HS liên hệ các bữa ăn hằng ngày, trả lời câu hỏi: Ở nhà bố mẹ thường nhắc nhở chúng ta ăn những thức ăn nào? Ở trường các thầy, cô nhắc nhở và cho chúng ta ăn những thức ăn nào? Thức ăn đó có lợi hay không có lợi cho sức khoẻ?

4 Hoạt động nào có lợi và hoạt động nào không có lợi cho sức khoẻ? Vì sao?



8



9



10



11

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HD4: Hoạt động nào có lợi và hoạt động nào không có lợi cho sức khoẻ? Vì sao?

Hoạt động cặp đôi:

- Từng HS quan sát từng hình từ 8 đến 11, trả lời câu hỏi: Các bạn trong từng hình đang làm gì? Hoạt động nào có lợi, hoạt động nào không có lợi cho sức khoẻ?
- Trong từng cặp, HS so sánh kết quả nhận xét hình của mình với bạn.

Hoạt động cả lớp:

- Một số HS trình bày kết quả trước lớp. HS có thể có ý kiến nhận xét khác nhau. GV gợi ý HS phải nói được hoạt động của các bạn trong hình, từ đó đưa ra nhận xét hoạt động đó có lợi hay không có lợi cho sức khoẻ.

- HS nhận xét hoạt động trong hình và nói được:

- + Hình 8: Bạn đang ngồi trên giường, trong phòng tối đọc sách. Bạn thức quá khuya. Hoạt động này không có lợi (vì gây hại cho mắt). Bạn nên ngồi đọc sách đúng tư thế và đi ngủ đúng giờ.
- + Hình 9: Bạn trai đang bơi, hoạt động này rất có lợi cho sức khoẻ.
- + Hình 10: Bạn gái đang nhảy dây dưới ánh nắng tự nhiên. Hoạt động này có lợi cho sức khoẻ.
- + Hình 11: Hai bạn đang chơi đá bóng. Nếu bạn chơi đá bóng với thời gian phù hợp sẽ có lợi cho sức khoẻ. Không được đá bóng dưới trời nắng.

5 Nói về hoạt động trong một ngày của bạn. Hoạt động nào có lợi cho sức khoẻ?

Buổi sáng,
minh tập thể dục.



12

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HD5: Nói về hoạt động trong một ngày của bạn. Hoạt động nào có lợi cho sức khoẻ?

Hoạt động nhóm hoặc cả lớp:

- HS liên hệ, kể được với bạn các hoạt động thường ngày ở nhà, ở trường.
- GV có thể gợi ý HS liệt kê theo hoạt động của buổi sáng, buổi trưa, buổi chiều, buổi tối trong một ngày, theo dạng các hoạt động:
 - + Khi vận động, bạn chơi những trò chơi gì hoặc tham gia hoạt động gì? Khi nào?
 - + Khi nghỉ ngơi, bạn thường làm gì?
- HS nói được một số hoạt động thường ngày. GV gợi ý để HS nói được hoạt động ở trường, ở gia đình: đọc truyện, tập thể dục buổi sáng, chơi đá bóng, chơi cờ vua,... chơi cùng các bạn giờ ra chơi; tham gia các công việc như tưới cây, chăm sóc động vật,...
- HS theo gợi ý của GV, nhận xét được hoạt động nghỉ ngơi của bản thân đã phù hợp hay chưa phù hợp, cần điều chỉnh các hoạt động như thế nào cho phù hợp (nếu cần thiết).

Bảo vệ cơ thể an toàn

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Nhận ra được những hành vi động chạm an toàn, không an toàn hay đe dọa đến sự an toàn của bản thân thông qua tình huống giả định hoặc thực tế.
- Biết cách nói “không” và tránh xa những hành vi động chạm hoặc đe dọa sự an toàn của bản thân.
- Thực hành nói với người lớn tin cậy để được giúp đỡ khi cần thiết.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Video ngắn về một số tình huống mất an toàn có thể gặp.
- Hình ảnh hoạt động giao tiếp hằng ngày của HS.
- Tranh ảnh về ba bước ứng phó, phòng tránh xâm hại.
- Hình sơ đồ “4 vòng tròn tiếp xúc” (nếu có điều kiện).

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Hôm nay, bạn đã gặp những ai? Bạn cảm thấy vui vẻ hay khó chịu khi gặp họ?

Hoạt động cả lớp:

- GV dùng máy chiếu hình 1, 2 hoặc những hình ảnh thực tế về hoạt động giao tiếp hằng ngày của HS trong lớp với bạn, với thầy, cô trong trường.
- HS quan sát hình ảnh, trả lời câu hỏi. GV có thể gợi ý thêm các tình huống HS có thể giao tiếp với mọi người như: trên đường đi học, khi ra chơi ở sân trường, khi đến trường, khi ở lớp học,...
- HS nêu được một số người mà các em đã gặp gỡ hằng ngày như: bố, mẹ, các bạn cùng lớp, các thầy, cô giáo, nhân viên bảo vệ trường, các thầy/cô hiệu trưởng, phó hiệu trưởng và có thể là những người hàng xóm,...

1

Hôm nay bạn đã gặp những ai?

Bạn cảm thấy vui vẻ hay khó chịu khi gặp họ?



1

2

89

- HS có thể chia sẻ cảm xúc khác nhau khi tiếp xúc với những người đó, GV tập trung vào các ý kiến liên quan tới hành động và cảm xúc như: vui vẻ nói chuyện với nhau, đập tay chào hỏi khi gặp nhau, cảm giác thoải mái, hoặc cảm thấy bình thường, hoặc có thể khó chịu, sợ hãi,...

- GV dẫn dắt vào bài mới: Nếu khi tiếp xúc với ai đó, chúng ta thấy không thoải mái, khó chịu, thậm chí sợ hãi thì phải làm như thế nào?

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Quan sát và trả lời.

a) Nhận biết tình huống vui vẻ, thoải mái, an toàn và tình huống gây khó chịu, sợ hãi, không an toàn.

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát hình từ 3 đến 6 và trả lời câu hỏi:
 - Bạn nhò trong từng hình đang làm gì? Bạn đang tiếp xúc (giao tiếp, chơi, nói chuyện,...) với ai?
 - Trong hình nào các bạn cảm thấy vui vẻ, thoải mái, an toàn; trong hình nào các bạn cảm thấy sợ hãi, không an toàn?

- HS chia sẻ ý kiến với bạn theo nội dung trong từng hình. GV gợi ý HS quan sát cử chỉ, hành động, lời đối thoại trong từng hình, ví dụ:

+ Hành động, lời nói của người phụ nữ và bạn nhỏ đối thoại với nhau (hình 4).

+ Về mặt, lời bạn nhỏ nói khi ngồi cạnh bố (hình 5).

+ ...

- HS nói được những tình huống an toàn: hình 5 (Bạn nhỏ ngồi cạnh, nói chuyện cùng bố); hình 3 (các bạn nhỏ cầm tay nhau, cùng nhau chơi vui vẻ).

- HS nói được tình huống không an toàn: hình 4 (người phụ nữ lạ cho bạn nhỏ quà); hình 6 (Bạn nhỏ bị bạn lớn bắt nạt).

- GV giải thích thêm cho HS về **động chạm an toàn** (xảy ra với người thân, ruột thịt gây cảm giác hạnh phúc, dễ chịu, thoải mái); **động chạm không an toàn** - cần né tránh (xảy ra với bất kì người lạ hay người quen, là hành vi sờ, động chạm vào vùng riêng tư (má, miệng, cổ), vùng mặc đồ lót của con trai và con gái. Trừ một số trường hợp đặc biệt, khi khám cơ thể phải có cha, mẹ, người giám hộ đi cùng; hay cha, mẹ có thể đụng chạm vùng riêng tư). Hoặc **tình huống không an toàn** khi bị người khác ép buộc làm điều không muốn, không thích.

b) Trả lời câu hỏi: Cần làm gì khi gặp phải tình huống đó?

Hoạt động cả lớp:

- HS quan sát hình 4, 6 và trả lời câu hỏi: *Ở tình huống không an toàn, bạn nhỏ đã làm gì? Nếu ở trong tình huống đó, bản thân em có thể làm gì khác nữa?*

- Một số HS chia sẻ trước lớp, nhận xét về cách ứng xử của bạn nhỏ trong những tình huống không an toàn. GV gợi ý HS quan sát hành động, cách nói của bạn nhỏ để HS nói được:

+ Hình 4: Bạn nhỏ cảm thấy không thoải mái. Bạn đã từ chối lời mời của người phụ nữ lạ, trả lời "Không ạ!..." và đi theo các bạn HS phía trước, tránh xa người phụ nữ lạ.

Quan sát và trả lời:

- Tình huống nào có thể không an toàn cho các bạn?
- Cần làm gì khi gặp phải tình huống đó?



Con yêu bố!



Lại đây, cô cho quà.



Không ạ! Cháu phải hồi bồ mẹ đã.



Không được làm rơi cắp của ta!



Để bảo vệ cơ thể, giữ an toàn cho bản thân, bạn cần:

Không được chạm vào người cháu.



Cương quyết nói "Không" với người lạ.



Bỏ chạy, thoát khỏi tình huống nguy hiểm.



Kêu gọi sự giúp đỡ.

90

+ Hình 6: Bạn nhỏ bị bắt nạt (phải xách cắp cho HS lớn). Bạn HS có thể nói với GV, bố mẹ để được giúp đỡ.

- HS có thể chia sẻ về các cách xử lý khác.

- HS có thể nghe GV giới thiệu thêm về "Quy tắc bốn vòng tròn tiếp xúc": những phạm vi, giới hạn trên cơ thể cho phép được tiếp xúc, động chạm với bố, mẹ; với người thân và ruột thịt; với họ hàng và người thân quen; với người lạ.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP - VẬN DỤNG

HĐ3: Thực hành xử lý các tình huống.

Tình huống 1: Bạn nên chọn phương án a hay b khi gặp tình huống được mô tả ở hình 7?

Hoạt động cả lớp:

- HS quan sát hình 7, theo gợi ý của GV, HS sẽ mô tả được tình huống: Một bạn HS muốn đi thang máy. Trong thang máy chỉ có một người đàn ông. Người đàn ông giục bạn vào nhanh thang máy. Bạn có chọn đi cùng người đàn ông không? Vì sao?

3 Thực hành xử lý các tình huống:

- Bạn nên chọn phương án a hay b khi gặp tình huống sau? Vì sao?

Vào nhanh đi cháu!



7



a

b

- Bạn sẽ làm gì khi gặp tình huống sau?



91

Hoạt động nhóm:

- HS đặt mình là bạn nhỏ trong tình huống, xác định tình huống an toàn hay không an toàn với bản thân, các mối nguy cơ có thể đe doạ an toàn của bản thân. GV có thể đưa ra một số câu hỏi để làm rõ tình huống:

a) Nếu đi vào thang máy, khi đó chỉ có bạn nhỏ và người đàn ông trong thang máy thì có an toàn không? Điều gì có thể xảy ra?

b) Nếu không đi vào thang máy thì cần nói như thế nào?

- HS chia sẻ trong nhóm lựa chọn của mình.

Hoạt động cả lớp:

- Một số HS chia sẻ trước lớp phương án lựa chọn của mình và giải thích tại sao mình chọn phương án đó. Các bạn khác cùng nhận xét phương án của bạn đã phù hợp hay chưa. Đưa ra phương án khác, lời nói khác (nếu cần).

- HS đóng vai, thể hiện cụ thể cách nói và ứng xử của mình. GV khuyến khích HS đóng vai, tỏ thái độ cương quyết, không tỏ ra sợ hãi; nhắc nhở HS chia sẻ với bố, mẹ và người lớn nếu cảm giác thấy không bình thường, e ngại, sợ hãi một ai đó, hoặc một hiện tượng nào đó.

Tình huống 2: Bạn sẽ làm gì khi gặp tình huống được mô tả ở hình 8?

Hoạt động cả lớp:

- HS quan sát hình và mô tả tình huống:

Bạn nhỏ đi một mình trên đường rất vắng người,... Qua cách chào của người thanh niên thì anh ta không phải là người thân của bạn nhỏ. Qua thái độ, hành động của bạn nhỏ thấy bạn nhỏ không đồng ý cho anh ta chạm vào người bạn nhỏ,...

- HS trao đổi trong nhóm, nêu ra cách ứng xử khi tình huống đó xảy ra với bản thân thì bạn sẽ làm gì?
- Đại diện nhóm trình bày cách ứng xử trước lớp. Các nhóm có thể đưa ra cách ứng xử khác nhau: bạn nhỏ chạy thoát khỏi người thanh niên, hét lên, gạt tay người thanh niên, đứng im, về mách bố mẹ,...
- Hoặc GV có thể đưa ra một số phương án gợi ý để HS lựa chọn:

(a) Nói "Không", lùi xa và cố gắng thoát khỏi anh ta.

(b) Đứng im, chờ anh ta bỏ đi.

(c) Lo sợ không dám nói với ai.

(d) Kể với bố, mẹ và người lớn.

- HS có thể lựa chọn hoặc đưa ra nhiều phương án. GV nhận xét phương án ứng xử phù hợp.
- Nhóm HS đóng vai thể hiện hai cách ứng xử trước lớp: Nói "Không" và lùi xa hoặc chạy thoát khỏi người thanh niên; Kể lại với bố, mẹ tình huống mình đã gặp phải.
- HS nhận biết được các em có quyền bất khả xâm phạm thân thể, trong đó các em có quyền không cho phép người khác động chạm vào cơ thể mình nếu em không muốn.
- HS đọc nội dung trong Lá nhắn nhủ.

Bài 28

Ôn tập chủ đề Con người và sức khỏe

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Giới thiệu được các bộ phận bên ngoài của cơ thể và các giác quan.
- Biết cách tự chăm sóc cơ thể, đảm bảo an toàn cho bản thân.
- Tự đánh giá những việc đã làm để chăm sóc, bảo vệ sức khỏe, giữ gìn các bộ phận, các giác quan của cơ thể.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Video ngắn về cách xử lí tình huống không an toàn đối với cơ thể.
- Video bài hát “Ô sao bé không lắc”.
- Tranh ảnh về các bộ phận cơ thể; chăm sóc, bảo vệ cơ thể.

Chuẩn bị của HS:

Sản phẩm tự sưu tầm (tranh ảnh, tranh vẽ) về chủ đề.

Bài 28

Ôn tập chủ đề Con người và sức khỏe

- 1** Sắp xếp các sản phẩm bạn đã sưu tầm vào nhóm phù hợp theo mẫu.



- 2** Nói về một hoạt động thể thao bạn thích. Vì sao bạn thích hoạt động đó?



TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

HS nghe nhạc và múa hát theo lời bài hát “Ô sao bé không lắc”. Sau đó GV dẫn dắt vào bài.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

- HĐ1:** Sắp xếp các sản phẩm bạn đã sưu tầm cho phù hợp theo mẫu.

- a)** Quan sát hình và sắp xếp vào ô phù hợp.

Hoạt động cặp đôi:

Từng HS giới thiệu với bạn hình ảnh đã chuẩn bị sẵn liên quan đến chủ đề, sau đó thảo luận và xếp các hình ảnh đã chuẩn bị vào ô phù hợp trong sơ đồ cho sẵn.

3 Bạn sẽ khuyên các bạn ở tình huống sau điều gì? Vì sao?



3



4



5

b) Giới thiệu hình ảnh về các bộ phận bên ngoài của cơ thể và cách chăm sóc, bảo vệ cơ thể.

Hoạt động nhóm:

HS cùng nhau giới thiệu các hình ảnh trên sơ đồ của mình. GV có thể gợi ý để HS nói được những câu đơn giản như: Cơ thể của chúng ta có các bộ phận bên ngoài là:.....; Để giữ cơ thể khoẻ mạnh, chúng ta nên.....; Để bảo vệ cơ thể an toàn, chúng ta không nên.....

Hoạt động cả lớp:

GV treo sơ đồ các nội dung của chủ đề lên bảng.

- HS tạo thành các nhóm 4 hoặc theo tổ để tham gia thi đua giữa các nhóm. HS và GV cùng nhận xét, bình chọn nhóm có sự chuẩn bị hình ảnh, lời giới thiệu hay về cơ thể và cách chăm sóc, bảo vệ cơ thể, cách giữ gìn an toàn cho bản thân.
- HS cùng GV tổng kết lại các nội dung chính trong chủ đề theo từng ô đã sắp xếp ở trên:
 - + Cơ thể người có các bộ phận: đầu, thân mình và tay, chân, miệng, mắt, mũi, ...

+ Để cơ thể khoẻ mạnh, hằng ngày chúng ta phải ăn, uống đủ chất và vệ sinh cơ thể, vận động, nghỉ ngơi phù hợp. Đặc biệt, cần vận động ngoài trời dưới ánh sáng tự nhiên.

+ Để giữ an toàn cho cơ thể, chúng ta cần nói “không” khi người khác có những hành vi động chạm vào cơ thể và nói cho bố, mẹ, người tin cậy để được giúp đỡ khi cần thiết. Không nên đi một mình ở nơi vắng vẻ. Gọi 111 khi cần có sự giúp đỡ.

HĐ2: Nói về một hoạt động thể thao bạn thích. Vì sao bạn thích hoạt động đó?

Hoạt động nhóm hoặc cả lớp:

- HS liên hệ thực tế từ bản thân, chia sẻ với bạn hoạt động thể thao (hoặc trò chơi vận động) mình thích (đã chơi). Nói được hoạt động đó có lợi gì cho sức khoẻ.

- HS trong nhóm cùng đưa thêm ý kiến về ích lợi của hoạt động bạn vừa chia sẻ. Hoặc GV gợi ý để HS nhận xét hoạt động bạn vừa chia sẻ có thể có hại như thế nào (nếu ý kiến của bạn trước chưa đúng). Hoặc chơi trò chơi đó có thể có những nguy hiểm gì.

- GV khuyến khích HS vận động thường xuyên hoặc chơi thể thao thường xuyên để cơ thể khoẻ mạnh, phát triển cân đối.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3: Bạn sẽ khuyên các bạn ở tình huống sau điều gì? Vì sao?

Hoạt động cặp đôi:

- HS quan sát các tình huống và thảo luận với bạn để trả lời câu hỏi: Bạn nhỏ trong từng hình đang làm gì? Việc làm đó có lợi hay không có lợi cho sức khoẻ của bạn? Nếu em có mặt ở đó, em sẽ khuyên bạn điều gì? Vì sao em khuyên bạn như vậy?

- Một số cặp HS lên trước lớp chỉ vào hình và nêu ý kiến. GV nhận xét và nhấn mạnh đến việc khuyên HS không nên ngồi vẹo người; nằm, bò ra bàn khi học bài vì có thể gây cong vẹo cột sống; không nên ăn nhiều đồ ngọt như bánh, kẹo, nhất là các bạn đang bị béo phì; không nên dậy quá muộn sẽ ảnh hưởng không tốt đến sức khoẻ, có thể gây nên béo phì do ít vận động.

4 Bạn đã thực hiện những việc nào dưới đây?



6



7



8



9



10



11

HĐ4: Bạn đã thực hiện những việc nào dưới đây?

Hoạt động cá nhân:

- HS quan sát hình, nói được các việc trong từng hình:

- + Vệ sinh răng miệng hai lần một ngày để không bị sâu răng.
- + Nên vận động dưới ánh sáng tự nhiên để tốt cho mắt và cơ thể được khoẻ mạnh.
- + Nên ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
- + Cần đeo khẩu trang, kính để bảo vệ giác quan.
- + Đi ngủ sớm vào buổi tối để ngủ đủ giấc, giữ sức khoẻ (ngủ sớm, dậy sớm).
- + Chia sẻ với người lớn tin cậy khi gặp chuyện khó chịu, không vui hay không bình thường.

- HS cùng nhận xét việc nào bản thân đã thực hiện và việc nào chưa thực hiện. Tuỳ vào những việc HS đã thực hiện, HS và GV cùng nhận xét, đánh giá việc đó là tốt hay không tốt cho sức khoẻ.

Hoạt động cả lớp:

- HS chia sẻ trước lớp và nhận xét được những việc phù hợp HS nên làm: học tập, sinh hoạt, vui chơi điều độ; ăn uống đa dạng các loại thức ăn, đặc biệt những thức ăn tốt cho sức khoẻ; chải răng sáng và tối trước khi đi ngủ để bảo vệ răng; kể, nói chuyện với bố mẹ khi có chuyện buồn, chuyện khó chịu xảy ra với mình,...
- HS có thể nêu thêm các việc khác trong thực tế các em đã thực hiện ở gia đình. GV khuyễn khích HS thực hiện các việc phù hợp với lứa tuổi, nhắc nhở HS tránh làm những việc quá sức mình.

Chủ đề TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI

Thời gian: Học kì 2; Tuần: 30 - 33;
Thời lượng: 8 tiết

CHỦ ĐỀ TRÁI ĐẤT VÀ BẦU TRỜI

BẠN SẼ HỌC

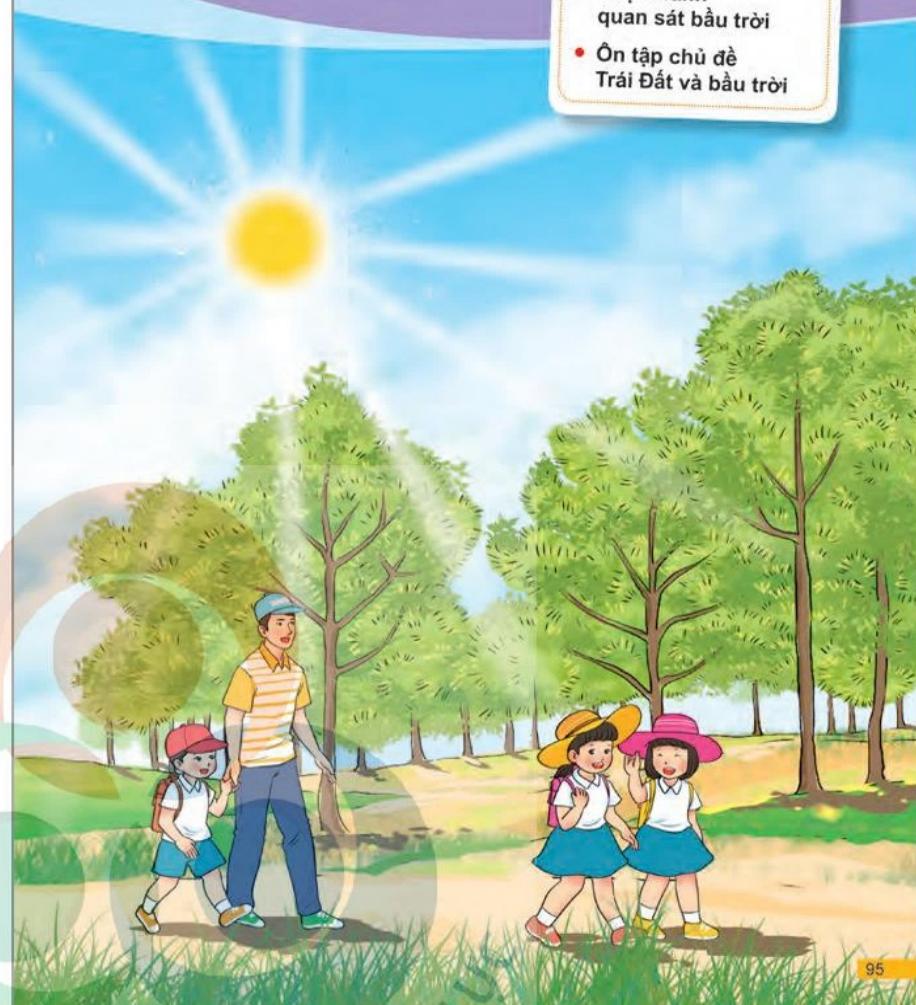
- Bầu trời ban ngày và ban đêm
- Thời tiết
- Thực hành quan sát bầu trời
- Ôn tập chủ đề Trái Đất và bầu trời

1. MỤC TIÊU

- Mô tả được bầu trời ban ngày và ban đêm qua quan sát thực tế, tranh ảnh hoặc video.
- So sánh được ở mức độ đơn giản bầu trời ban ngày và ban đêm; bầu trời ban ngày và ban đêm vào các ngày khác nhau.
- Nhận biết được vai trò của Mặt Trời đối với Trái Đất (sưởi ấm và chiếu sáng).
- Mô tả được một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió ở mức độ đơn giản.
- Có ý thức bảo vệ mắt, không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời và chia sẻ với những người xung quanh cùng thực hiện.
- Nêu được sự cần thiết phải theo dõi dự báo thời tiết hằng ngày và biết sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh,... để giữ cơ thể khoẻ mạnh.

2. NĂNG LỰC HƯỚNG TỚI

- **Năng lực giao tiếp và hợp tác:** Lắng nghe bạn và bước đầu biết sử dụng ngôn ngữ kết hợp với hình ảnh, cử chỉ để mô tả về bầu trời ban ngày và ban đêm, một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió; Làm việc nhóm trong một số hoạt động học tập.
- **Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:** Biết lựa chọn cách xử lí phù hợp trong những tình huống liên quan đến các hiện tượng thời tiết.
- **Năng lực nhận thức khoa học:** Mô tả được bầu trời ban ngày, ban đêm và một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió; Nhận biết được vai trò của Mặt Trời đối với Trái Đất; So sánh được ở mức độ đơn giản bầu trời ban ngày và ban đêm, bầu trời ban đêm vào các ngày khác nhau.
- **Năng lực tìm hiểu môi trường tự nhiên và xã hội xung quanh:** Đặt được câu hỏi



95

về bầu trời ban ngày và ban đêm, về các hiện tượng thời tiết; Quan sát, mô tả, phân biệt một cách đơn giản bầu trời ban ngày, ban đêm và các hiện tượng thời tiết.

- **Năng lực vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học:** Phân tích được một số tình huống có liên quan đến thời tiết gây ảnh hưởng đến sức khoẻ và đưa ra được cách ứng xử phù hợp; Nhận xét được cách ứng xử trong mỗi tình huống; Thực hiện việc sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh,... để giữ cơ thể khoẻ mạnh.

3. THUẬT NGỮ

Bầu trời	Trái Đất	Mặt Trời
Mặt Trăng	Mây	Vị sao (Ngôi sao)
Thời tiết	Tình huống	Trang phục

4. TƯ LIỆU DẠY HỌC

- **Tư liệu cho GV:** SGV, Sách mềm - Tư liệu bài giảng, Đồ dùng dạy học (tranh, ảnh, mô hình, video).
- **Tư liệu cho HS:** SGK, VBT, Sách mềm - VBT, Sách mềm - Tự kiểm tra, đánh giá, Đồ dùng học tập (tranh, ảnh, thẻ chữ, thẻ hình).

5. KẾ HOẠCH DẠY HỌC

Bài/ Số tiết	Nội dung dạy học	Kỹ năng	Ghi chú/ PPDH
29 Bầu trời ban ngày và ban đêm (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Bầu trời ban ngày (Mặt Trời, ánh sáng) và ban đêm (Mặt Trăng, các vì sao). Vai trò của Mặt Trời đối với Trái Đất (sưởi ấm và chiếu sáng). 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát tranh ảnh, video. Giao tiếp (hỏi và trả lời)/Mô tả bằng các hình thức biểu đạt khác nhau về bầu trời ban ngày và ban đêm. 	<ul style="list-style-type: none"> Động não. Quan sát. Thảo luận nhóm. Trò chơi. ...
30 Thời tiết (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió. Sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát tranh ảnh, video. Giao tiếp (hỏi và trả lời)/Mô tả bằng các hình thức biểu đạt khác nhau về một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Thảo luận nhóm. Trò chơi. ...
31 Thực hành quan sát bầu trời (2 tiết)	Quan sát bầu trời và cảnh vật xung quanh (ở một địa điểm cụ thể ngoài thực tế tại một thời điểm và một số thời điểm khác nhau).	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát thực tế. Giao tiếp (hỏi và trả lời)/Mô tả bằng các hình thức biểu đạt khác nhau về bầu trời đã quan sát. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Thảo luận nhóm. Thực hành. ...
32 Ôn tập chủ đề Trái Đất và bầu trời (2 tiết)	<ul style="list-style-type: none"> Hệ thống được các kiến thức đã học về chủ đề: <ul style="list-style-type: none"> Bầu trời ban ngày và bầu trời ban đêm; Một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Xử lí tình huống có liên quan đến thời tiết một cách hợp lý để đảm bảo sức khoẻ. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát tranh ảnh. Giao tiếp; giới thiệu được sản phẩm đã thực hiện trong chủ đề. Trình bày, sắp xếp tranh ảnh theo một số tiêu chí. Đưa ra quyết định để giải quyết một số tình huống liên quan đến nội dung chủ đề. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan sát. Xử lí tình huống. Thảo luận nhóm. ...

Bầu trời ban ngày và ban đêm

YÊU CẦU CẨN ĐẠT

- Nói và vẽ được bầu trời ban ngày và ban đêm thông qua quan sát.
- So sánh được ở mức độ đơn giản bầu trời ban ngày và ban đêm.
- Nêu được ví dụ về vai trò sưởi ấm và chiếu sáng của Mặt Trời đối với Trái Đất.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Video bài hát “Rước đèn dưới trăng thu”, nhạc sĩ Phạm Tuyên sáng tác.
- Thẻ chữ: Bầu trời trong xanh, Mặt Trời, Bầu trời màu đen, Mặt Trăng, Vì sao.
- Video về sự thay đổi hình dạng Mặt Trăng trong một tháng Âm lịch (nếu có).

Chuẩn bị của HS:

- Tranh ảnh sưu tầm về đêm Trung thu thể hiện bầu trời, cảnh vật, hoạt động.
- Giấy A4, bút vẽ, bút màu.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Hãy nói những gì bạn nhìn thấy trên bầu trời.

Hoạt động cả lớp:

- HS trả lời câu hỏi: *Hãy nói những gì bạn nhìn thấy trên bầu trời?* GV ghi nhanh tất cả các ý kiến lên bảng.
- GV cùng trao đổi với HS về các ý đã viết trên bảng (GV xóa đi ý sai; ý đúng để lại).
- GV dẫn dắt HS vào bài mới.

Bầu trời ban ngày và ban đêm

1 Hãy nói những gì bạn nhìn thấy trên bầu trời.

2 Quan sát bầu trời và trả lời:

- Vào ban ngày, bạn nhìn thấy những gì trên bầu trời?
- Vào ban đêm, bạn nhìn thấy những gì trên bầu trời?
- Bầu trời ban ngày và ban đêm khác nhau như thế nào?



1



2

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Quan sát bầu trời và trả lời.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát hình 1, 2 kết hợp với hiểu biết, trả lời câu hỏi sau:
 - + Vào ban ngày, bạn nhìn thấy những gì trên bầu trời?
 - + Vào ban đêm, bạn nhìn thấy những gì trên bầu trời?

Hoạt động cả lớp:

GV chiếu hoặc treo hình 1, 2 để cả lớp cùng theo dõi.

- Một số đại diện HS trả lời câu hỏi trước lớp, những HS khác có thể bổ sung câu trả lời, HS nói được:
 - + Vào ban ngày, thường nhìn thấy bầu trời trong xanh, mây trắng và Mặt Trời (lưu ý khi trời nắng).
 - + Vào ban đêm thường nhìn thấy bầu trời có màu đen, Mặt Trăng và nhiều vì sao (lưu ý vào những ngày không có mây).

Hoạt động nhóm 5:

Tổ chức cho HS chơi trò chơi: *Ai nhanh, ai đúng?*

Mỗi nhóm được phát 5 thẻ chữ và một bảng gồm hai cột như sau:

Bầu trời ban ngày	Bầu trời ban đêm

Nhóm sẽ lựa chọn các thẻ chữ để dán vào hai cột của bảng cho phù hợp. Nhóm nào dán đúng và nhanh nhất là nhóm thắng cuộc.

HĐ3: Cùng thảo luận.

Hoạt động nhóm 6:

Mỗi nhóm quan sát hình 3, 4 kết hợp với hiểu biết, thảo luận các câu hỏi sau:

- Vì sao ban ngày không cần đèn, chúng ta vẫn nhìn thấy mọi vật?
- Khi đứng ngoài trời nắng, bạn cảm thấy thế nào, tại sao?
- Mọi người sử dụng ánh sáng và sức nóng của Mặt Trời để làm gì?

Hoạt động cả lớp:

GV chiếu hoặc treo hình 3, 4 để cả lớp cùng theo dõi.

- Đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. Nhóm khác nhận xét và có thể bổ sung câu trả lời, GV gợi ý để HS trả lời được:

- + Ban ngày, chúng ta vẫn nhìn thấy mọi vật vì có ánh sáng của Mặt Trời.
- + Khi đứng ngoài trời nắng, ta cảm thấy nóng vì có nhiệt tỏa ra từ Mặt Trời.
- + Con người sử dụng ánh sáng và nhiệt của Mặt Trời để nhìn mọi vật; làm khô thóc, quần áo; làm nước nóng lên, ...
- HS liên hệ với thực tế của gia đình mình đã sử dụng ánh sáng và nhiệt của Mặt Trời để làm gì (đọc sách, phơi quần áo, phơi một số đồ dùng,...).
- GV giới thiệu bằng hình ảnh một số thành tựu khoa học ngày nay trong việc sử dụng năng lượng mặt trời.

Cùng thảo luận:

- Vì sao ban ngày chúng mình nhìn thấy mọi vật?
- Khi đứng ngoài trời nắng, bạn cảm thấy thế nào? Tại sao?
- Mọi người sử dụng ánh sáng và sức nóng của Mặt Trời để làm gì?



HĐ4: Hỏi và trả lời:

- Có phải đêm nào bạn cũng nhìn thấy Mặt Trăng không?
- Bạn nhìn thấy Mặt Trăng có những hình dạng gì?



Vào ban ngày, chúng mình có thể nhìn thấy Mặt Trời. Mặt Trời chiếu sáng và sưởi ấm Trái Đất.

Vào ban đêm, chúng mình có thể nhìn thấy Mặt Trăng và các vì sao.

HĐ4: Hỏi và trả lời:

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát hình 5 kết hợp với hiểu biết, trả lời câu hỏi sau:

- + Có phải đêm nào cũng nhìn thấy Mặt Trăng không?
- + Quan sát trên bầu trời vào ban đêm, bạn nhìn thấy Mặt Trăng có những hình dạng gì?

GV chiếu hoặc treo hình 5 để cả lớp cùng theo dõi (ở nơi có điều kiện cho HS xem video về sự thay đổi hình dạng Mặt Trăng trong một tháng Âm lịch).

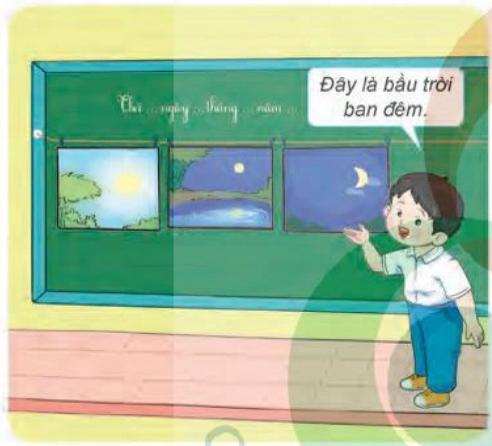
- Một số đại diện HS trả lời câu hỏi trước lớp. Những HS khác có thể bổ sung câu trả lời, HS nói được:
 - + Không phải đêm nào cũng nhìn thấy Mặt Trăng.
 - + Vào ban đêm, có thể nhìn thấy Mặt Trăng có hình lưỡi liềm, hình bán nguyệt, hình tròn.

5 Mô tả bầu trời và cảnh vật xung quanh bạn trong đêm Trung thu.



b Vẽ tranh và giới thiệu:

- Hãy vẽ và tô màu bầu trời mà bạn thích.
- Giới thiệu bức tranh với các bạn.



98

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ5: Mô tả bầu trời và cảnh vật xung quanh bạn trong đêm Trung thu.

Hoạt động cả lớp:

- HS trả lời câu hỏi: *Chúng ta nhìn thấy Mặt Trăng tròn nhất vào những ngày nào?*
- Cả lớp cùng hát bài: "Rước đèn dưới trăng thu".
- HS nói về những hoạt động các bạn (trong bài hát) đã tham gia đêm Trung thu.

Hoạt động nhóm tố:

- Mỗi nhóm thảo luận theo yêu cầu:
 - Kể một số hoạt động bạn đã tham gia trong đêm Trung thu.
 - Mô tả bầu trời và cảnh vật xung quanh bạn trong đêm Trung thu.

- Mỗi nhóm trình bày kết quả thảo luận vào tờ giấy A3 kết hợp với các tranh ảnh sưu tầm (đã được chuẩn bị trước).

Hoạt động cả lớp:

- Sản phẩm của các nhóm được treo trong lớp. Tất cả HS đi tham quan các sản phẩm và bình chọn sản phẩm ấn tượng nhất (trình bày thông tin đúng, phong phú và có nhiều hình ảnh minh họa đẹp,...).
- Sản phẩm được bình chọn sẽ được HS giới thiệu trước lớp. Các HS nhóm khác có thể đặt câu hỏi và trao đổi thêm thông tin. GV hỗ trợ trong quá trình HS tương tác và thảo luận với nhau.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ6: Vẽ tranh và giới thiệu.

Hoạt động cá nhân:

Từng HS vẽ và tô màu bầu trời ban ngày hoặc bầu trời ban đêm (theo sở thích HS) vào tờ giấy A4. (Tuỳ khả năng của HS, có thể khuyến khích các em vẽ cảnh vật xung quanh).

Hoạt động cả lớp:

- Một số HS dán tranh lên bảng và giới thiệu bức tranh trước lớp. (Lưu ý nên có cả tranh vẽ bầu trời ban ngày và bầu trời ban đêm).
- Các HS khác đặt câu hỏi, nhận xét tranh vẽ của bạn.
- HS được các bạn và GV khen khi giới thiệu được nhiều và đúng các thông tin về bầu trời ban ngày hoặc ban đêm.

Bài 30

Thời tiết

bài 30

Thời tiết

YÊU CẦU CẨN ĐẠT

- Nói hoặc vẽ được một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió.
- Nêu được sự cần thiết phải theo dõi dự báo thời tiết hàng ngày.
- Thực hiện được việc sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết nắng, mưa, nóng, lạnh,... để giữ cơ thể khoẻ mạnh.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Video bài hát “Trời nắng, trời mưa”.
- Bộ thẻ chữ/thẻ hình về trang phục và đồ dùng phù hợp với thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh.

Chuẩn bị của HS:

- Tranh ảnh sưu tầm về một số hiện tượng thời tiết (nếu có).
- Xem dự báo thời tiết trên tivi.

1 Bạn cảm thấy trời hôm nay như thế nào?

2 Hình nào cho biết trời nắng, trời mưa, trời nóng, trời lạnh và trời có gió? Vì sao bạn biết?



99

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

HĐ1: Bạn cảm thấy trời hôm nay như thế nào?

Hoạt động cả lớp:

- HS nghe nhạc và hát theo lời bài “Trời nắng, trời mưa”.
- HS khai thác nội dung bài hát liên quan đến bài học như: Bài hát nói đến những hiện tượng thời tiết nào? Bạn nhớ đã làm gì khi gặp những hiện tượng thời tiết đó?
- Một số HS nói cảm nhận của bản thân về thời tiết ngày hôm nay.
- GV dẫn dắt vào bài học: Có rất nhiều hiện tượng thời tiết. Hôm nay, chúng ta sẽ tìm hiểu một số hiện tượng thời tiết và cách sử dụng trang phục cho phù hợp với từng hiện tượng thời tiết đó.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHÁM PHÁ

HĐ2: Hình nào cho biết trời nắng, trời mưa, trời nóng, trời lạnh và trời có gió? Vì sao bạn biết?

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát hình từ 1 đến 5, trả lời các câu hỏi sau:
 - Hình nào cho biết trời nắng, trời mưa, trời nóng, trời lạnh, trời có gió?
 - Vì sao bạn biết?

Hoạt động cả lớp:

GV chiếu hoặc treo hình từ 1 đến 5 để cả lớp cùng theo dõi.

- Một số đại diện HS trả lời câu hỏi trước lớp. Những HS khác nhận xét câu trả lời, HS nói được:
 - Hình 1: trời nóng; hình 2: trời lạnh; hình 3: trời mưa; hình 4: trời có gió; hình 5: trời nắng.
 - Biết được các hiện tượng đó vì dựa vào một số biểu hiện của bầu trời, màu của mây, cảnh vật xung quanh và cách sử dụng trang phục của các nhân vật có trong hình.

3 Quan sát và trả lời:

- Khi trời nắng, bầu trời như thế nào? Cần sử dụng trang phục và đồ dùng gì?
- Khi trời mưa, bầu trời như thế nào? Cần sử dụng trang phục và đồ dùng gì?



6

7

4 Bạn cảm thấy thế nào khi trời nóng, trời lạnh?

Chúng mình cần sử dụng trang phục và đồ dùng như thế nào cho phù hợp?



Nắng, mưa, nóng, lạnh, gió,... là những hiện tượng thời tiết. Chúng mình cần sử dụng trang phục, đồ dùng phù hợp với thời tiết để giữ cho cơ thể khỏe mạnh.

100

HĐ3: Quan sát và trả lời.

a) Quan sát, khai thác nội dung hình 6, 7.

Hoạt động nhóm 4:

Mỗi nhóm quan sát hình 6, 7, kết hợp với hiểu biết, thảo luận để trả lời các câu hỏi sau:

- Khi trời nắng, bầu trời như thế nào?
- Khi trời mưa, bầu trời như thế nào?

Hoạt động cả lớp:

GV chiếu hoặc treo hình 6, 7 để cả lớp cùng theo dõi.

- Đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. Nhóm khác nhận xét và có thể bổ sung câu trả lời, GV có thể gợi ý để HS trả lời được:

- + Khi trời nắng, bầu trời trong xanh, có mây trắng. Mặt Trời sáng chói.
- + Khi trời mưa, có nhiều hạt mưa rơi, bầu trời phủ đầy mây xám nên thường không nhìn thấy Mặt Trời.

Hoạt động nhóm 5:

Chơi trò chơi: Ai nhanh, ai đúng?

Luật chơi: Mỗi nhóm được phát 5 thẻ chữ hoặc thẻ hình về đồ dùng và trang phục như: mũ vải, kính râm, áo mưa, ô, nón và một bảng gồm hai cột như sau:

Trời nắng	Trời mưa

Nhóm sẽ lựa chọn các thẻ chữ hoặc thẻ hình để dán vào hai cột của bảng cho phù hợp.

b) Liên hệ bản thân.

Hoạt động cặp đôi:

- HS có thể quan sát thực tế bầu trời ở ngoài lớp học để nói được hiện tượng thời tiết vào thời điểm quan sát.
- HS liên hệ thực tế xem hôm nay trời nắng hay trời mưa và bản thân đã sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết đó chưa.

HĐ4: Bạn cảm thấy thế nào khi trời nóng, trời lạnh? Chúng mình cần sử dụng trang phục và đồ dùng như thế nào cho phù hợp?

Hoạt động cặp đôi:

Từng cặp HS thảo luận trả lời câu hỏi sau:

- Bạn cảm thấy thế nào khi trời nóng, trời lạnh?
- Khi trời nắng, trời lạnh, chúng ta cần sử dụng trang phục và đồ dùng nào?

Hoạt động cả lớp:

GV chiếu hoặc treo hình 8 phóng to để cả lớp cùng theo dõi.

- Một số đại diện HS trả lời câu hỏi trước lớp. Những HS khác có thể bổ sung câu trả lời, GV có thể gợi ý HS quan sát hình hai bạn nhỏ đối thoại và nói được:

+ Khi trời nắng (nóng quá), thường thấy trong người bức bối, toát mồ hôi,... Chúng ta thường mặc áo ngắn tay, màu sáng,...

+ Khi trời lạnh (lạnh quá) có thể làm cho chân tay tê cứng, người rét run, da nổi gai ốc,... Chúng ta cần phải mặc nhiều quần áo và quần áo được may bằng vải dày hoặc len, dạ có màu sẫm,...

5 Cùng chơi “Dự báo thời tiết”:

- Nghe “phát thanh viên” nói về thời tiết, lựa chọn trang phục và đồ dùng phù hợp.
- Theo bạn, vì sao cần phải theo dõi dự báo thời tiết hằng ngày?



9

Lưu ý: Ở những nơi nóng quanh năm, đôi khi trời chỉ hơi lạnh, GV giảng giải giúp các em biết cảm giác của cơ thể khi trời lạnh.

- HS liên hệ thực tế xem hôm nay trời nóng hay trời lạnh và các em đã sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết đó chưa.
- HS liên hệ: Kể tên những đồ dùng/thiết bị cần thiết mà gia đình em đã sử dụng hoặc em biết để giúp chúng ta bớt nóng hoặc bớt lạnh (ở những nơi có điều kiện GV có thể giới thiệu bằng hình ảnh một số đồ dùng, thiết bị đó).

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ5: Cùng chơi “Dự báo thời tiết”.

a) Chơi trò chơi “Dự báo thời tiết”.

Hoạt động cả lớp:

- HS lắng nghe GV hướng dẫn cách chơi trò chơi “Dự báo thời tiết”:
 - + Một HS lên bảng làm phát thanh viên. Mỗi phát thanh viên nói về một hiện tượng thời tiết.
 - + Khi phát thanh viên nói về một hiện tượng thời tiết cụ thể (ví dụ: Dự báo hôm nay trời sẽ có mưa nhỏ,...), HS trong từng nhóm lắng nghe và nhanh chóng cầm thẻ chữ hoặc thẻ hình về đồ dùng và trang phục cho phù hợp với thời tiết.

Lưu ý: Để tạo cơ hội cho nhiều bạn được thể hiện khả năng của mình, cần chọn/cử một số bạn đóng vai phát thanh viên.

- Kết thúc trò chơi, lớp có thể bình chọn bạn phát thanh viên ấn tượng nhất (mạnh dạn, giọng nói hấp dẫn, nói đúng các hiện tượng thời tiết đã học và với mỗi một hiện tượng thời tiết nói được nhiều biểu hiện của hiện tượng thời tiết đó).



b) Liên hệ thực tế.

Hoạt động nhóm 6:

Mỗi nhóm thảo luận để trả lời các câu hỏi sau:

- Các bạn đã lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết hôm nay chưa?
- Theo các bạn, vì sao cần phải theo dõi dự báo thời tiết hằng ngày.

Hoạt động cả lớp:

- Đại diện một số nhóm trả lời câu hỏi trước lớp. Các nhóm khác nhận xét, có thể chỉnh sửa, bổ sung câu trả lời. HS hiểu được cần phải theo dõi dự báo thời tiết hằng ngày để lựa chọn, sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết nhằm giữ cơ thể khoẻ mạnh.
- Một số HS chia sẻ trải nghiệm bản thân gặp “sự cố” khi không biết trước thời tiết để chuẩn bị đồ dùng, trang phục cho phù hợp Ví dụ: Trên đường đi học về thì gặp trời mưa mà bạn không mang áo mưa hoặc ô...

Thực hành quan sát bầu trời

YÊU CẦU CẦN ĐẠT

- Quan sát và ghi chép được một số biểu hiện của thời tiết (bầu trời, đám mây,...).
- Nói hoặc vẽ được bầu trời và cảnh vật đã quan sát thực tế.
- Có ý thức bảo vệ mắt, không nhìn trực tiếp vào Mặt Trời.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

- Kính đen hoặc tấm nhựa đen.
- Phiếu quan sát (số lượng theo số HS).
- Địa điểm quan sát an toàn, phù hợp.

Chuẩn bị của HS:

Giấy, bút vẽ, bút màu.

Thực hành quan sát bầu trời

1 Chuẩn bị quan sát ngoài lớp học:

- Bạn cần chuẩn bị gì khi học ngoài lớp học?
- Bạn cần lưu ý điều gì khi quan sát bầu trời?
- Nói những điều bạn cần quan sát theo phiếu.

PHIẾU QUAN SÁT							
Họ và tên:		Lớp:		Ngày quan sát:			
				Bầu trời	Những đám mây	Mưa	Mặt Trời
Trong xanh	Xám xít	Màu trắng	Màu xám	?	?	?	?
?	?	?	?	?	?	?	?



Hoạt động cả lớp:

GV chiếu hoặc treo hình 1, 2 để cả lớp cùng theo dõi.

- Đại diện một số nhóm trả lời hai câu hỏi trên trước lớp. Nhóm khác có thể bổ sung câu trả lời. HS nói được:
 - + Nhớ nhiệm vụ học tập khi ra ngoài trời quan sát; cầm theo phiếu và bút chì.
 - + Không được nhìn trực tiếp vào Mặt Trời (có thể sử dụng kính đen để quan sát Mặt Trời).
 - + Cần quan sát bầu trời, những đám mây, Mặt Trời, mưa, nắng,...
- HS lắng nghe GV hướng dẫn nhiệm vụ khi ra ngoài trời quan sát:
 - + Quan sát bầu trời, đám mây, có Mặt Trời/mưa,... (theo phiếu quan sát).
 - + Quan sát cảnh vật xung quanh: sân trường, cây cối, mọi vật.
 - + Gợi ý cho HS biết cách đặt câu hỏi khi quan sát. Ví dụ: *Bạn có nhìn thấy Mặt Trời không? Mây có màu gì?...*

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG CHUẨN BỊ

HĐ1: Chuẩn bị quan sát ngoài lớp học.

Hoạt động cặp đôi:

Nhóm thảo luận và trả lời câu hỏi: *Để việc học tập ngoài lớp học hiệu quả và an toàn:*

- Bạn cần chuẩn bị gì khi học ngoài lớp học?
- Bạn cần lưu ý điều gì khi quan sát bầu trời?
- Nói những điều bạn quan sát được theo phiếu.

2 Thực hành:

- Quan sát bầu trời theo nội dung trong phiếu.
- Nói với các bạn những gì quan sát được.



2

103

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG QUAN SÁT

HĐ2: Thực hành.

Hoạt động nhóm ở sân trường:

- Từng nhóm HS đứng/ngồi ghế ở vị trí cụ thể của sân trường (nếu nắng thì cho HS đứng dưới tán cây). GV nên đánh số trước vị trí của các nhóm ở sân trường: nhóm 1 ở vị trí ghi số 1, nhóm 2 ở vị trí ghi số 2,...
- HS quan sát bầu trời theo nội dung trong phiếu hoặc thông qua các câu hỏi:

+ Bầu trời hôm nay trong xanh hay xám xịt?

+ Trời hôm nay nhiều mây hay ít mây?
Những đám mây đó có màu gì?

+ Nhìn lên bầu trời bạn có thấy Mặt Trời không?

+ Bạn có nhìn thấy nắng vàng hoặc những hạt mưa rơi không?

+ Sân trường, cây cối, mọi vật,... lúc đó khô ráo hay ướt át.

+ ...

- Cá nhân điền những điều đã quan sát được vào phiếu quan sát lần 1, lần 2.

Lưu ý: GV có thể tổ chức bài trong hai buổi học. HS sẽ thực hành quan sát hai lần vào hai buổi học khác nhau. GV có thể phát cho HS mỗi lần quan sát một phiếu như trong SGK hoặc phiếu có điều chỉnh thêm một hàng, có ghi rõ "Ngày 1", "Ngày 2".

3 Báo cáo kết quả:

- Hoàn thành phiếu quan sát và trao đổi với các bạn trong nhóm.
- Cùng vẽ tranh về bầu trời mà nhóm quan sát được.
- Giới thiệu sản phẩm của nhóm.



104

b) Giới thiệu sản phẩm của nhóm.

Hoạt động cả lớp:

- Các nhóm treo sản phẩm của nhóm mình lên tường, lên bảng.
- Đại diện các nhóm (mỗi nhóm 2 HS): một HS trình bày phiếu, một HS giới thiệu tranh vẽ của nhóm.
- Các nhóm khác đặt câu hỏi, nhận xét tranh vẽ của nhóm bạn.
- Cả lớp bình chọn nhóm có tranh vẽ đẹp (khuyến khích vẽ thêm cảnh vật xung quanh) và giới thiệu được nhiều, đúng và hấp dẫn các thông tin về bầu trời tại thời điểm quan sát.

Lưu ý: GV tạo cơ hội để tất cả các nhóm đều được trình bày sản phẩm của nhóm mình.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG BÁO CÁO SẢN PHẨM

HĐ3: Báo cáo kết quả.

a) Hoàn thành sản phẩm nhóm.

Hoạt động nhóm 4 hoặc nhóm 6 trong lớp học:

- Nhóm thảo luận những điều quan sát được về bầu trời và cảnh vật xung quanh.
- Thư ký của nhóm điền thông tin vào phiếu quan sát của nhóm.
- Cùng vẽ tranh và tô màu cho tranh về bầu trời dựa vào các thông tin về bầu trời mà nhóm đã thống nhất.

Bài 32.

Ôn tập chủ đề Trái Đất và bầu trời

YÊU CẦU CẨN ĐẶT

- Trình bày và sắp xếp được các sản phẩm đã thực hiện trong chủ đề vào sơ đồ cho sẵn.
- Giới thiệu được một hình ảnh về chủ đề.
- Mô tả được một số hiện tượng thời tiết: nắng, mưa, nóng, lạnh, gió.
- Đưa ra được cách xử lý tình huống liên quan đến thời tiết.
- Tự đánh giá về những việc đã làm liên quan đến các phản ứng phù hợp khi thời tiết thay đổi.

ĐỒ DÙNG DẠY HỌC

Chuẩn bị của GV:

Tranh ảnh về một số tình huống khác liên quan đến nội dung chủ đề (không bắt buộc).

Chuẩn bị của HS:

Sản phẩm tự sưu tầm (tranh ảnh, tranh vẽ) về chủ đề.

Bài 32

Ôn tập chủ đề Trái Đất và bầu trời

1 Trình bày sản phẩm sưu tầm, tranh vẽ về chủ đề:

- Sắp xếp sản phẩm đã có vào nhóm phù hợp.
- So sánh bầu trời ban ngày và ban đêm.



Bầu trời ban ngày



Bầu trời ban đêm

2 Chọn ô chữ phù hợp với hình ảnh.



105

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

Hoạt động cả lớp:

- HS nghe GV đọc một số câu ca dao, tục ngữ sau:
 - + Mây xanh thì nắng, mây trắng thì mưa.
 - + Trăng quàng thì hạn, trăng tán thì mưa.
- HS suy nghĩ và trả lời câu hỏi: Những câu ca dao, tục ngữ này cho chúng ta biết về điều gì?

GV dẫn dắt vào bài: Những câu ca dao và tục ngữ cho biết một số hiện tượng thời tiết có thể suy ra từ việc quan sát bầu trời. Từ đó giúp chúng ta có những cách thức ứng phó với thời tiết cho thích hợp.

Lưu ý: GV có thể chọn tình huống khác phù hợp để tổ chức hoạt động khởi động.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

HĐ1: Trình bày sản phẩm sưu tầm, hình vẽ về chủ đề.

- a) Sắp xếp sản phẩm đã có vào hai nhóm phù hợp: **Bầu trời ban ngày, Bầu trời ban đêm.**

Hoạt động nhóm:

- Từng nhóm HS làm việc với sơ đồ do GV chuẩn bị sẵn trên giấy khổ lớn.
- Mỗi thành viên trong nhóm lựa chọn và đưa ra các sản phẩm (tranh vẽ; tranh cắt, dán; hình ảnh sưu tầm,...) đã thực hiện trong chủ đề.
- Các thành viên trong nhóm thảo luận và chia sẻ các phương án sắp xếp từng sản phẩm của các thành viên vào các nhóm trên sơ đồ.

Lưu ý: GV có thể tổ chức thi đua giữa các nhóm theo tiêu chí: Sắp xếp nhanh nhất và phù hợp nhất; Có nhiều sản phẩm để xếp vào sơ đồ nhất.

Xử lý tình huống:

- Quan sát tình huống và nói hiện tượng thời tiết nào sắp xảy ra?



- Bạn chọn phương án nào sau đây?



Hoạt động cả lớp:

- Các nhóm treo sản phẩm của nhóm mình lên bảng hoặc lên các góc khác nhau ở trong lớp (tùy không gian và sắp xếp của GV).
- Các nhóm lần lượt đi tham quan sản phẩm của các nhóm khác.
- HS nhận xét sản phẩm của từng nhóm theo các tiêu chí được thống nhất (hình đa dạng, đúng yêu cầu, độc đáo, đẹp).
- HS có thể bình chọn sản phẩm của nhóm được xếp loại cao nhất hoặc ấn tượng nhất.

b) Giới thiệu về sản phẩm yêu thích nhất.

Hoạt động nhóm:

- Sau khi hoàn thành sơ đồ, các nhóm HS cùng nhau giới thiệu về sản phẩm mà nhóm đã thực hiện.
- Mỗi HS trong nhóm sẽ lựa chọn một sản phẩm thích nhất để giới thiệu trong nhóm. GV có thể gợi ý để HS nói được:

+ Đây là hình ảnh về bầu trời ban ngày. Chúng ta nhìn thấy ... (Mặt Trời và mây trắng/trời đang mưa vừa nắng/...).

+ Đây là hình ảnh về bầu trời ban đêm. Chúng ta nhìn thấy ... (Mặt Trăng/các vì sao/...).

Hoạt động cả lớp:

Các nhóm HS cử một số bạn của nhóm mình (hoặc GV chọn một số HS) giới thiệu trước lớp về sản phẩm yêu thích của mình. GV gợi ý để HS diễn đạt được cả câu.

HĐ2: Chọn ô chữ phù hợp với hình ảnh.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS đọc các từ trong các hình tròn tô màu và quan sát các hình. HS đọc hiểu nội dung của các từ (mô tả về thời tiết) và tập trung quan sát chi tiết các hình để hiểu về nội dung của từng hình như: mây đen, hạt mưa, mồ hôi, gió, bạn nhỏ co ro,...
- HS thảo luận và lựa chọn nội dung hình phù hợp với từ mô tả về hiện tượng thời tiết.

Hoạt động cả lớp:

- Một số cặp HS lên chia sẻ phương án lựa chọn của nhóm, nói các hiện tượng thời tiết phù hợp với hình ảnh mô tả về thời tiết. HS nói được phương án lựa chọn:

+ Nắng: Hình ảnh Mặt Trời và đám mây.
+ Mưa: Hình ảnh đám mây, hạt mưa và tia sét.
+ Nóng: Hình ảnh cậu bé mặc áo ngắn tay đang giơ tay vuốt mồ hôi trên trán.
+ Lạnh: Hình ảnh cô bé mặc áo dài tay, có mũ trùm đầu, đang co ro vì gió và lạnh.

Sau hoạt động này, HS tổng kết lại nội dung theo gợi ý:

- Hàng ngày chúng ta nhìn thấy các hiện tượng thời tiết khác nhau.
- Chúng ta cần thường xuyên theo dõi dự báo thời tiết, nhận ra sự thay đổi của thời tiết để sử dụng trang phục phù hợp nhằm giữ cơ thể khoẻ mạnh.

TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

HĐ3: Xử lý tình huống.

Hoạt động cặp đôi:

- Từng cặp HS quan sát hình 5, trả lời câu hỏi:
 - + Hiện tượng thời tiết nào đã và sắp xảy ra?
 - + Bạn sẽ làm gì nếu bạn chuẩn bị đi ra ngoài trong thời tiết đó?
- HS quan sát biểu hiện của bầu trời, đám mây, cây ở trong hình để dự đoán hiện tượng thời tiết sắp xảy ra.
- HS quan sát hai hình ảnh (a và b) mô tả phương án lựa chọn, suy nghĩ và nêu lựa chọn của mình.

Lưu ý: HS có thể lựa chọn một trong hai phương án hoặc đưa ra ý kiến khác:

- (a) Mặc kệ thời tiết và cứ thế đi ra ngoài;
- (b) Mang theo áo mưa để phòng trời mưa;
- (c) Ý kiến khác.
- HS chia sẻ phương án lựa chọn với nhau và giải thích vì sao mình lựa chọn phương án đó.

Hoạt động cả lớp:

- Một số HS lên trước lớp mô tả lại tình huống (mô tả hiện tượng thời tiết và hoạt động của mọi người trong hình), đưa ra phương án lựa chọn của mình và giải thích vì sao mình lựa chọn phương án đó.
- HS hiểu được: Với hiện tượng thời tiết được mô tả trong tình huống này, khi ra ngoài chúng ta nên chuẩn bị áo mưa để phòng trời mưa.

Lưu ý: Nếu có thời gian, GV có thể chuẩn bị thêm một số tình huống và yêu cầu HS thảo luận để đưa ra phương án giải quyết tình huống.

HĐ4: Bạn đã làm những việc nào dưới đây? Việc nào không nên làm?

Hoạt động cá nhân:

- HS quan sát các hiện tượng thời tiết và ứng xử của các bạn nhỏ trong từng hình.

- 4** Bạn đã làm những việc nào dưới đây?
Việc nào không nên làm?



- GV giải thích thêm về hình 11, bạn nhỏ nghe dự báo thời tiết qua đài, tivi và hỏi người thân về thời tiết.
- HS suy nghĩ về những việc mình đã làm.
- Tuỳ vào thực tế những việc HS được thực hiện trước đó mà có câu trả lời:
 - + Nếu HS chọn đã thực hiện theo ở các hình 6, 8, 10, 11 và chưa thực hiện theo các hình 7, 9, tức là HS đã có những ứng xử phù hợp với các hiện tượng thời tiết, biết sử dụng vật dụng phù hợp để quan sát Mặt Trời và quan tâm đến dự báo thời tiết.
 - + Nếu HS chọn chưa thực hiện theo một hoặc nhiều hơn các hình 6, 8, 10, 11 và/hoặc chọn chưa thực hiện theo hình 7 hoặc/và hình 9, tức là HS đã có những ứng xử chưa phù hợp với các hiện tượng thời tiết, hoặc khi quan sát Mặt Trời, hoặc chưa quan tâm đến dự báo thời tiết.
- HS có thể nêu thêm các hành động khác của các em khi ứng xử với thời tiết.
- GV khen ngợi và khuyến khích HS có các ứng xử phù hợp và nhắc nhở những HS chưa có ứng xử phù hợp.